

Tác Giả và Tác Phẩm

Dương Hùng Cường (Phần 2A)

Tiểu sử

Bút hiệu Dê Húc Càn, Lão Dương. Sinh ngày 1.10.1934 tại Hà Nội.
Qua đời ngày 21.11.1987 tại nhà tù Phan Đăng Lưu, Gia Định.

Tác phẩm

Buồn vui phi trường (1966) – Linh thành phố (1969) - Vĩnh biệt Phượng.



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Dương Hùng Cường - Nguyễn Thụy Long – 3

Nếu chàng Trương Chi đẹp trai – 7

Dương Hùng Cường và nụ cười vụt tắt của định mệnh – Du Tử Lê - 12

Bọc điều bọc than – Hoàng Hải Thủy – 14

Mười năm ngồi trên cao - 20

Giữa đêm trường – Nguyễn Thụy Long - 24

Phụ đính

Nhớ về anh Dương Hùng Cường và những tháng năm ấy – Trần Ngọc Tụ - 30

Về cái chết bất ngờ của nhà văn Dương Hùng Cường – Du Tử Lê – 45

Cái chết của nhà văn KQ Dương Hùng Cường – Hoàng Hải Thủy - 47

Mộ Dương Hùng Cường ở Normandie – Hồ Đắc Túc - 54

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Tên thật dùng cho bút hiệu chính. Còn ký Dê Húc Càn.

Sinh ngày 1-10-1934 ở Hà Nội. Tình nguyện nhập ngũ vào Không quân tại Pháp từ 1953. Trở thành hạ sĩ quan cơ khí, phục vụ nhiều đơn vị từ năm 1955. Từ thập niên 1960, phục vụ tại phòng tâm lý chiến bộ Tư lệnh Không quân với cấp bậc chuẩn úy.

Sau 20 năm phục vụ Kq rồi chuyển sang Bộ binh, tới một sư đoàn dữ dằn là Sư 3 Bộ binh. Sau, được trở về Kq; trong quân đội hay ngoài đời, làm rất nhiều nghề. Tốt nghiệp Cơ khí hàng không Rochefort, lại không hành nghề 'thợ máy tàu bay'. Tốt nghiệp 'Cao đẳng Không lưu', chỉ hành nghề này trong vòng 10 năm.. Cuối cùng, làm một nghề, không học ở đâu cả: 'nghề làm báo, viết văn'. Sự nghiệp làm báo cũng phức tạp, viết đủ các mục, thể loại văn. Loại châm biếm (potin), hoặc 'trào phúng thời đàm" tạo anht rở thành "nhà báo thứ dữ.

Sau năm 1975 bị đi cải tạo tới năm 1978. Năm 1984 bị bắt vì tội danh gián điệp do viết bài gửi ra nước ngoài và qua đời tại nhà giam Phạm Đăng Lưu năm 1987



Tác phẩm đã xuất bản.

- *Buồn vui phi trường* (truyện dài)
- *Lính thành phố* (tự truyện)
- *Vĩnh biệt Phượng* (truyện dài)

Dương Hùng Cường Nguyễn Thụy Long

Khi tôi không chờ đợi nữa thì chuyện lại xảy ra. Tôi nộp đơn gia nhập Không Quân từ ba tháng trước, nay Không Quân gọi nhập ngũ. Tôi tưởng rằng đơn tôi đã bị bác, như ngành Không Quân từng bác cả ngàn đơn khác. Con số được chọn có trăm mạng. Theo người ta nói lính Không Quân phải có học lực khá. Có thể hôm nay anh chỉ là lính trơn, ngày mai anh trở thành sĩ quan trong mọi ngành nghề. Thời Pháp, một hạ sĩ thôi cũng có thể là phi công, không thuần chỉ sĩ quan, nhưng nay quân đội VNCH nâng lên cho bánh. Điều đó được tuyên truyền rộng rãi trong giới sinh viên học sinh. Không Quân thu hút người gia nhập rất đông đảo.

Tôi ra quán cà phê Con Nhạn ngồi một mình. Trời đất sau bão rớt trời thật đẹp, nắng chỉ ửng vàng trên ruộng hoa lài bát ngát. Con bé của bà chủ chơi thơ thẩn dưới ruộng hoa, nó sâu những đoá hoa thành vòng tròn, đội lên đầu con búp bê. Cái đầu con búp bê bây giờ bằng trái cam. Ai đó khoét giùm mắt mũi miệng cho cái đầu, cái miệng vênh lên hình vòng cung thành nụ cười.

Tôi lan man nghĩ tới tương lai của mình, những ngày sắp tới trong quân đội. Mình sẽ ra sao nhỉ.

Điều này không thể biết được, dù tôi đã có ngày sống đời sống quân ngũ hồi học thiếu sinh quân. Nhưng đó chỉ là nghiệp binh lữ.

Tôi trình diện nhập ngũ tại cổng Phi Long của phi trường TS Nhất. Tôi ngạc nhiên vì gặp nhiều bạn bè từng là bạn học với tôi. Buổi trưa ăn cơm lính đầu tiên rồi đi lãnh quân trang quân dụng.

Những bộ quần áo từ thời Tây để lại rộng thùng thình. Chúng tôi nhận số quân và số chỉ tạm, chưa có thằng nào có chỉ số chính thức. nhưng chúng tôi vẫn bàn tán đến nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi, hầu hết thằng nào cũng mơ ước mình lái phi cơ. Mất tôi kém, tôi hy vọng sẽ được sang chiến tranh tâm lý để làm báo Lý tưởng, nhưng điều đó tôi không nói ra với ai. Tôi vẫn mơ làm văn sĩ. Không Quân hồi đó có mấy nhà văn nhà thơ nổi tiếng, thứ nhất là Toàn Phong, Cung Trầm Tưởng, và Dương Hùng Cường.

Dương Hùng Cường mới chỉ là trung sĩ. Sau khi đi học ở bên Tây về....

Tôi thăng lính mới tò te....chưa là cái gì cả.

Một tuần lễ sau chúng tôi được đưa lên quân trường học quân sự. Chúng tôi học chung với bộ binh ở trung tâm 3. Tại đây tôi gặp nhạc sĩ Lam Phương, anh đi quân dịch. Bài hát anh sáng tác hồi đó được hát vang trại tôi nhớ những câu lồm bồm *xuyên lá cành trắng soi lều vải....* Gặp anh, anh nói với tôi:

- Hy vọng tớ sẽ được chiến tranh tâm lý.

Đời lính quân trường gian khổ, với thể hình trâu nước như tôi nhiều khi tưởng không chịu đựng nổi, kỷ luật kinh khủng. Tôi nhớ những câu khẩu hiệu sơn trên tường: Thi hành trước, khiếu nại sau. Quân trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu...v.v.....

Những buổi chiều tan sở, tôi lấy xe đạp ra khỏi trại, hoặc đi học thêm, hoặc gặp bạn bè. Những người bạn văn nghệ thuở nào, có người đã vào hẳn nghề, có người còn đi học. Hoài Nam từ Huế trở về SG. Có lẽ chuyến xe lửa cuối cùng trước khi đường xe lửa Huế - SG bị cắt đứt. Tiếng súng từ rất xa vọng về SG. và ngày tháng thì buồn hơn. Hoài Nam đổi bút hiệu là Trần Dạ Từ, Thu vân có bút hiệu mới là Trần Thy Nhã Ca. Bài vở, thơ đăng nhiều trên các báo, tôi vẫn còn nao nức về nghiệp viết. Tôi yêu thích những bài thơ của Cung Trầm Tưởng, cuốn

phóng sự “buồn vui phi trường” của Dương Hùng Cường và vẫn hy vọng được tiếp xúc với anh, góp phần vào tờ báo Lý Tưởng của đơn vị.

Trong phi đoàn trực thăng có nhiều anh mơ mộng lắm, hy vọng thơ văn mình sẽ được đóng góp vào tập san Lý Tưởng. Anh hạ sĩ làm việc dưới sân bay Lưu Văn Giới, làm thơ ca tụng nghiệp bay ' nghiêng đôi cánh sắt ' đăng trên báo Lý Tưởng, anh trang trọng cất bài thơ dán vào tập vở, trình bày hoa lá cảnh thật đẹp, dĩ nhiên có cả hình chiếc máy bay. Anh hy vọng sẽ thu góp thành một tập thơ rồi ấn hành.

Buổi sáng trời nắng hanh, tôi lái chiếc xe tractuer ra khỏi cổng phi đoàn an toàn, chiếc xe tôi đi một khúc đường dài gheo trái sang bộ tư lệnh cải hỏi thất nhốt lính phạm kỷ luật ngay trên lối đi. Trước khi đến bộ tư lệnh. Hàng toán lính kỷ luật đang phải làm ' cõ vè ' bên rìa đường. Anh hạ sĩ 'cai ngục' la hét om sòm, tay cầm cái cây sẵn sàng quát bắt cứ anh nào ra về chày lưỡi. Một anh, coi có vẻ lớn tuổi hơn cả bọn tù quân quăng cái xềng xuống đường hét lên :

- Này cái thằng cai ngục kia, mày dám đánh trung sĩ không thì đến đây. Tao trung sĩ Dương Hùng Cường, ba gai số một đây, giỏi thì đụng ông.

Anh cai ngục không vừa, xách cây hầm hầm đi đến:

- Ở tù rồi thì thằng nào cũng như thằng nào, bắt kể quan quyền. Ở đây tao là người có quyền, cấp bậc trung sĩ của mày không phải là to đầu, anh đánh hết.....

Trung sĩ Dương Hùng Cường đứng chống nạnh:

- Giỏi thì cứ việc.

Đám tù đứng xõng người lên, một tay coi có vẻ ngang bướng:

- Mày mà đụng vào trung sĩ Cường hay bất cứ thằng nào ở đây nữa, chúng tao thịt mày liền.

Trung sĩ Ngự từ trong văn phòng cải hỏi thất đi ra, ô hay sao bây giờ ông ta lại ở đây, ông ta là xếp xồng ở cổng Phi Long kia mà, hắc búa số một, chuyên bắt ne bắt nét những thằng lính khi ra cổng trại, tôi từng bị ông ta phạt kỷ luật vài lần vì quân phục không nghiêm chỉnh. Những bộ quân phục nhà kho phát ra thế nào thì tôi mặc thế, không sửa chữa cho vừa vặn. Đôi giày 'săng đá' của Tây để lại tôi không thể đánh bóng soi gương được, hay con kiến bò lên phải trượt ngã. Khoá thất lưng rỉ sét tôi cũng không đánh bóng nổi. cái mũ tiêu đội trên đầu rúm rỏ, không đội 'kêpi' mũ không quân. Tôi luôn luôn là hiện của chú lính ghê.

Trung sĩ Ngự hôm nay đến cải hỏi thất. Ông ta can thiệp liền:

- Thằng hạ sĩ còi kia, dù sao anh Cường cũng là hạ sĩ quan, mày không nên quá đáng. Thôi được, làm việc đi, anh Cường, tôi với anh là bạn, anh cứ cho nó thi hành nhiệm vụ, riêng với anh hưởng quy chế đặt biệt.

- Mày cói chừng, ông tướng kia tao còn không sợ, 'mó dái ngựa' đều đều nên mới vô đây, chúng mày chưa là giống gì.....

- Thôi mà đừng nóng!

Trung sĩ Ngự nói bằng nụ cười. Chiếc xe tôi cũng vừa tới, đám tù quân nhao nhao xin thuốc lá tôi. Tôi quăng cho chúng cả bao thuốc lá Bastoz đang hút dở:

- Chia nhau mà hút, lát trở về tôi mua một bao nữa cho các anh.

Trung sĩ Ngự thốt nhiên quay nhìn chiếc xe tôi đang lái, ông ra oai liền:

- Ê, thằng lính ghê kia, mày lái xe chờ hàng đi đâu?

Tôi vẫn ngồi trên xe, đưa tay chào:

- Báo cáo trung sĩ, tôi sang phía bộ tư lệnh

- Báo cáo chính xác mày chờ đến đơn vị nào bên bộ tư lệnh. Xuống khỏi xe.

Tôi nhảy xuống xe, đứng nghiêm trước mặt trung sĩ Ngự:

- Báo cáo, tôi chờ những thứ này theo lệnh của trung úy Hiền, trưởng phòng tiếp liệu.

- Đi đâu?

- Dạ về nhà ông, cũng ở trong phi trường thôi.

- Giấy tờ xuất kho.

- Dạ chỉ khẩu lệnh.

Trung sĩ Ngự hừ một tiếng:

- Lái xe vào bên đường rồi vào văn phòng khai cho thật.

Bỏ mẹ tôi rồi, an ninh bộ tư lệnh mớ đến tôi. Nhưng tôi vẫn phải theo chân trung sĩ Ngự vào văn phòng. Một ông thiếu úy ngồi làm lì sau cái bàn rộng nghe trung sĩ Ngự báo cáo, ông nắm bắt vấn đề rất nhanh, nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Xuất kho mà không có giấy tờ hả?

- Dạ khẩu lệnh cấp trên.

Ông thiếu úy ra lệnh cho trung sĩ Ngự:

- Nhốt thằng này vào cũi hốt thất, để tôi điều tra sau, tôi sẽ gọi điện thoại hỏi trung úy Hiền.

Tôi ăn liền một cái bặt tai của trung sĩ Ngự, tống cổ vào cũi hốt thất, cửa khoá tách. Tôi nghe tiếng nói chuyện qua điện thoại của ông thiếu úy ở phòng ngoài, những câu nói ngắt quãng nên tôi không rõ nội dung, tiếng nói của ông thiếu úy mỗi lúc một nhỏ. Một lát sau, một gã binh nhất tới cửa cũi hốt thất ra lệnh cho tôi:

- Đưa chìa khoá xe.

Tôi trao lại chìa khoá xe, rồi tôi nghe tiếng tractuer đi về phía bộ tư lệnh.

Tiếng động cơ xe máy chạy ngoài đường, tôi biết giờ tan sở đã đến. Bọn tù quân phạm đã vào cũi hốt thất, mỗi thằng có một ga men cơm với miếng cá mỗi nấu nát rưới trên cơm. Trung sĩ Dương Hùng Cường cũng vậy, anh nói với tôi:

- Mà tù mới nên chưa có cơm, mà ăn chung với tao.

Tôi ưỡ ỏi ăn từng miếng cơm. Trung sĩ Cường nói:

- Mà to gan thật, dám ăn cắp cả một xe đồ, tội nặng đấy, có thể ra toà án binh, rồi tống vào khám Chí Hoà, ở đó có mấy phòng dành cho quân phạm, tao nghe nói vẫn còn rộng.

Tôi la lên:

- Tôi có ăn cắp bao giờ, tôi làm theo lệnh cấp trên.

- Không tin được, đã xuất kho ít ra phải có giấy tờ gì, nếu không thì mày sẽ kẹt như hôm nay, mày sẽ là thằng ăn cắp, tao nghe ông thiếu úy nói chuyện với xếp mày. Xếp mày không biết chuyện này, cho là thật đi mày vẫn là con chót thí. Mày chẳng ra gì cả trong quân đội, một hạt bụi, không được bằng hạt cát, thân phận tối đen, tao đã trải qua rồi, tao nổi khùng, tao nói tao chửi toáng lên, sức mạnh của tao là ngòi bút, tao là văn sĩ mày biết không? Tao chống bắt công ở bất cứ đâu.

- Tôi có đọc 'buồn vui phi trường' của trung sĩ. Và cũng đọc cả những sách của ông Toàn Phong.

- Trái ngược hẳn nhau đấy mày ạ ! Giữa sách tao với sách ông Toàn Phong! Nhưng tại sao mày lại đọc.

- Tôi yêu văn nghệ, trước đây tôi cũng có vài ba bài được đăng báo.

Trung sĩ Dương Hùng Cường cười, đưa tay bắt tôi:

- Thì ra mày là thằng 'mơ làm văn sĩ', không biết giấc mơ của mày có bền không, riêng tao có lẽ suốt đời.

Tôi nắm chặt bàn tay Dương Hùng Cường:

- Tôi cũng muốn như vậy trung sĩ ạ !

Dương Hùng Cường lắc tay tôi:

- Cứ gọi tôi là Dương Hùng Cường hay Dê Húc càn cũng được, đừng gọi tao là trung sĩ, khi nào 'ra khỏi tù' tao với mày sẽ gặp nhau, liên lạc với nhau qua báo Lý Tưởng. Mà cũng không biết được, có thể người ta sẽ tống tao đi nơi khác, ngồi như khi ở đài kiểm soát, như hồi nào tao ở Pleiku. Mày phải tìm cách thoát khỏi cái tội ăn cắp này đi, có bằng chứng gì không, rằng mày không ăn cắp.

Tôi chợt nhớ ra có một mảnh giấy viết tay của trung úy trưởng phòng. Rất may là tôi không vô duyên vứt đi, nó vẫn còn ở trong túi áo tôi. Tôi lấy ra đưa cho Cường coi:

- Thôi cũng được, đáng lẽ là cái phiếu xuất kho, nhưng đồ ăn cấp mà, đúng chữ của xếp mà chứ!

- Cam đoan!

- Tao sẽ làm chứng cho mày rằng mày đã đưa trình tài liệu này cho ban an ninh phi trường. Mình phải làm ngay.

Trung sĩ Dương Hùng Cường đứng dậy đập cửa tù, một thằng lính an ninh thò cổ trước song sắt hỏi:

- Chuyện gì đó?

- Tao cần gặp thiếu úy trưởng phòng.

- Ông đi nghỉ rồi, ông nằm võng ngoài hành lang.

- Kêu ông dậy, nói có Dê Húc Càn cần nói chuyện.

Tôi không biết cái uy của trung sĩ Dương Hùng Cường to đến đâu. Ông thiếu úy đi vào, ông nhận mảnh giấy của Dương Hùng Cường đưa, quay sang nói với tôi:

- Sao không đưa ngay mảnh giấy này, thôi được, không cần điều tra nữa, mai anh sẽ ra về nhớ trình diện xếp của anh. Xếp anh còn nói giam anh vài ba ngày, nhưng nể tình anh Cường, mai tôi thả. Nhưng dù sao tôi vẫn phải ghi tội anh vào quân bạ, đó là nguyên tắc.....

Trung sĩ Dương Hùng Cường hăng hái:

- Tôi làm chứng cho binh nhì Long, rằng đã đưa mảnh giấy này cho thiếu úy.

Ông thiếu úy cười:

- Tôi không thủ tiêu đâu, nếu có thủ tiêu thì Dê Húc Càn có đưa lên báo đơn vị không?

- Có chứ sao không, còn những bao bên ngoài đơn vị nữa kìa, tôi chống đối tất cả mọi chuyện hiếp đáp con người. Thiếu úy thấy tôi đã sợ ai chưa?

- Bởi vậy anh mới vô đây.

Tuy nói vậy, nhưng ông thiếu úy vẫn đưa ra điều thuốc mời DHCường, nhưng Cường túm lấy cả gói:

- Cám ơn thiếu úy, thiếu úy có thể đi mua gói thuốc khác, bọn này ở đây và thuốc lảm.

Ông thiếu úy lắc đầu đi ra. Tôi nghe tiếng ông thiếu úy loáng thoáng nói chuyện trong điện thoại, sao lại sơ xuất thế....mai tớ phải thả nó ra thôi. không khép tội được...cậu thông cảm cho tớ...tớ đã lo cho cậu cả rồi. Được rồi, tớ không bắt nó đi làm cỏ về đâu, để nó không lộ mặt.....

DHCường kéo tôi về chỗ nằm, anh chia đều những điều thuốc cho tất cả các bạn. Trong khói thuốc mù mịt ở cái hời thất, DHCường nói với tôi:

- Chúng nó âm mưu với nhau ăn cắp đây, chuyện này chưa bị lộ nên chúng nuốt trôi cả rồi.

Mày là lính mấy năm rồi, có chỉ số chưa?

- Chưa gì cả, chưa lên nổi cái binh nhất, vẫn lính ghè!

Vậy thì đường binh nghiệp của mày coi như tắc nghẽn, đen như miệng cống vì mày đã phạm kỷ luật, mày ở tù, dù là chỉ một ngày tù oan uổng. Sẽ không đi học ở bất cứ đâu, nói chi đi Mỹ.

Tao gia nhập không quân từ thời Tây, ở ngoài Bắc, rồi đi học Marakech, sang chính phủ quốc gia tao lên được trung sĩ rồi đứng nguyên ở đó đến bây giờ. Bạn bè tao lên quan cả rồi. Tao ngành không lưu khí tượng, nhưng tao lại làm nghề viết văn làm báo, thỉnh thoảng tao nóng máu làm thịt bậy một ông xếp của tao, tao được vào cái hời thất nằm nghỉ ngơi. Trong quân bạ của tao ghi đầy tội danh, nhưng cần quái gì, binh nghiệp của tao, coi như plafond rồi....Chúng nó vẫn ngán tao vì tao có sách có báo in ngoài quân đội. Kỷ luật quân đội không bị được miệng tao. Mọi chuyện bắt công ở bất cứ đâu là đề tài cho mình viết dài dài, không sợ cạn nguồn.

Tôi cũng kể cho DHCường nghe về những người bạn làm văn nghệ của mình còn ở ngoài quân đội, họ đến tuổi nhập ngũ cả rồi nhưng không ai chịu đi quân dịch, có lẽ họ trốn lính.

DHCường phang luôn một câu:

- Chính nghĩa quốc gia hay giải phóng miền Nam chỉ là chuyện bố láo. Chiến tranh dân mình khổ thôi.

- Chính nghĩa quốc gia hay giải phóng miền Nam chỉ là chuyện bố láo. Chiến tranh dân mình khổ thôi.

Tôi không ngờ lần gặp DHCường ấy, sau đó chúng tôi trở nên thân tình trong tình đồng nghiệp kéo dài mấy chục năm trời, đến khi nghe tin anh chết trong trại tù, lúc tôi đang là anh thợ sửa xe đạp ngồi ngoài lề đường. Tôi nhớ mãi hình ảnh nghênh ngang của anh, chẳng biết sợ chi ai. Cái sĩ khí của anh ở đó trong giấc mơ làm văn sĩ lữ làng và ngán ngủ. Ly rượu 'nước mắt quê hương' tràn đầy cùng nhau ở quán 12 bến nước đường Trương Minh Giảng khi chúng tôi là kẻ ngã ngựa.

Trong đơn vị tôi, xung quanh tôi biết bao nhiêu chuyện buồn cười. Tôi không hiểu vì sao DHCường viết được 'buồn vui phi trường' bối cảnh là phi trường Biên Hoà và xóm chơi bời dốt Sỏi ở đó. Những tiếng cười dậy lên trong nỗi buồn. Tôi đọc nhiều hồi ký, phóng sự, truyện ngắn, truyện dài của những người không quân viết mà tôi thấy không bằng bút pháp của DHCường, cái được, cái thực ở đó.

Nếu chàng Trương Chi đẹp trai

Ấy đây, cái ngày 30/04/1975 đã làm thay đổi cả một hệ thống tư tưởng, suy nghĩ, hành động của một giai cấp được đặt lên đỉnh cao trung kiên, thì dù ai muốn nói thế nào cũng mặc, tôi vẫn cho ngày 30/04/1975 là ngày chúng ta đại thắng.

Dương Hùng Cường viết bài này và bí mật gửi ra nước ngoài; bài đã đăng trong báo Nhất Việt ở Paris số tháng 4-1982, viết về mối tình Trương Chi và Mị Nương.

Dương Hùng Cường sinh ngày 1/10/1934 tại Hà Nội; ông gia nhập không quân và đi học về cơ khí tại Pháp năm 1953, là hạ sĩ quan phục vụ ở nhiều đơn vị từ 1955. Đến giữa những năm 1960, ông là chuẩn úy làm việc tại phòng Tâm lý chiến, bộ Tư lệnh Không quân.

Dương Hùng Cường là một nhà văn có tiếng ở Sài Gòn qua những bút hiệu khác như Dê Húc Càn, Lão Húc, Lão Dương, v.v. Ông có ba tác phẩm đã xuất bản là *Lính thành phố*, *Buồn vui phi trường*, *Vĩnh biệt Phượng*.

Ông bị đi tù cải tạo từ 1975 đến 1979. Năm 1984 ông bị bắt giam cùng những cây bút khác như Khuất Duy Trác, Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Trần Ngọc Tụ, Lý Thụy Ý, v.v. và bị cáo buộc tội gián điệp, "những tên biệt kích cầm bút", vì đã viết và gửi bài ra nước ngoài.

Dương Hùng Cường qua đời trong nhà giam Phạm Đăng Lưu ở Gia Định năm ngày 22/01/1988.

oo0oo

Anh thân,

Trong những cái lo hàng ngày như chuyện cơm áo, chuyện thường trú, tạm trú, chuyện hộ khẩu, chuyện hồi hương lập nghiệp, đi xây dựng vùng kinh tế mới, tôi lại thêm một cái lo nữa. Nhưng không sao, tôi sẽ viết, vì từ lâu tôi cũng muốn viết. Có nhiều thứ chất chứa trong đầu quá rồi!

Tôi bắt đầu bằng một truyện ký.

Khi anh biết tôi viết "Nếu chàng Trương Chi đẹp trai" anh cũng đã gửi trong thư vài hàng góp ý. Cảm ơn anh nhiều lắm. Tôi cũng định hạn chế cho mình là cái truyện ký này, chỉ nên viết từ hai trăm tới ba trăm trang.

Kéo dài, dài mãi thì cũng được đấy, vì tới bây giờ chàng vô sản Trương Chi vẫn còn quản lý cái tài sản của nàng “Tư sản phong kiến” Mị Nương, và cứ mỗi ngày lại lôi ra một cái xấu mới. Thành ra khó lòng mà làm một phát chấm hết truyện ký “Nếu chàng Trương Chi đẹp trai”. Khi bắt đầu vào truyện tôi nghĩ ngay tới ngày đầu mà ông Thừa tướng cho gọi Trương Chi vào để gặp Mị Nương. Tôi dám chắc rằng ông Thừa tướng không để cho chàng kịp sửa sang lại nhan sắc. Có thể lúc đó chàng đang mặc một bộ quần áo bẩn nhất, rách nhất. Có thể lúc đó, chàng vừa chèo xong một chuyến đò dọc đưa “khửa” vất vả, chưa kịp tắm rửa nên đen đui hôi hám.

Ông Thừa tướng cáo già phải lựa lúc nào chàng bẩn nhất, xấu nhất, hôi nhất, tuy rằng lúc bình thường chàng đã bẩn, đã xấu, đã hôi. Đúng cái lúc đó cho chàng gặp Mị Nương. Người viết truyện là tôi thì cho cái ngày mà chàng vô sản Trương Chi gặp nàng Tiểu thư tư sản phong kiến Mị Nương là ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Bắt đầu câu chuyện là thế đấy, anh ạ.

Vậy tại sao ta lại gọi ngày 30 tháng Tư 1975 là ngày bại trận?

Ngày Thừa tướng cho Mị Nương gặp Trương Chi để được thấy hết cái xấu của chàng vô sản để rồi chê anh chàng hơi kỹ, là ngày thua của ông Thừa tướng cáo già hay sao?

Không, ngày đó ông ta thắng chứ, mà lại thắng lớn. Tiếng hát của chàng vô sản Trương Chi, từ đây không còn “ép phê” với cô Mị Nương nữa rồi.

Tôi đã được nghe một bà già ở Bến Tre nói những câu làm mình mát lòng, mát dạ. Bến Tre, quê hương Đồng Khởi đấy nhé. Bà ta nói oang oang không một chút sợ sệt tránh né:

“Các ông có biết không, ngày xưa tôi nuôi nhiều đừa lằm. Tôi rút nõ trái mít, khoét hết ruột rồi đổ gạo vô cho đầy, đây cái nõ lại mang gạo đi nuôi chúng nó. Tôi dẫu chúng nó dưới hầm kín. Nếu mà biết như thế này thì hồi trước gạo có dư tôi nuôi thêm vài ba con chó. Bây giờ có chuyện gì chúng nó trốn vào trong quần tôi, tôi cũng vén cái quần lên cho nó lộ cái mặt ra!”

Đại khái bà già Bến Tre nói những câu như vậy.

Ấy đấy, cái ngày 30/04/1975 đã làm thay đổi cả một hệ thống tư tưởng, suy nghĩ, hành động của một giai cấp được đặt lên đỉnh cao trung kiên, thì dù ai muốn nói thế nào cũng mặc, tôi vẫn cho ngày 30/04/1975 là ngày chúng ta đại thắng.

Chàng vô sản Trương Chi mọi người đều biết là giỏi về nghề hát. Chàng đã hát rất kỹ về ba cái chiến thắng. Chiến thắng Điện Biên. Chiến thắng Tết Mậu thân. Chiến thắng 30/04/1975. Một cái thực và hai cái hư, tạo nên cái hư hư thực thực để người ta dễ làm, thật giả khó phân.

Chiến thắng Điện biên là thực, vì dù sao, chín năm kháng chiến đánh Tây chưa lòi cái bộ mặt Quốc tế vô sản ra, chúng nó còn có được chính nghĩa. Như vậy thì chiến thắng Điện biên của 1954 không phải là của riêng giai cấp vô sản mà của toàn dân. Ai là người Việt Nam cũng có quyền chia phần hãnh diện. Nhưng hai cái chiến thắng giả tạo là chiến thắng Tết Mậu Thân và chiến thắng 30/04/1975.

Ồi cái Tết Mậu thân bị ổi đê hèn mà chúng mình đã chứng kiến, cái chiến thắng ấy mới thâm làm sao. Chúng nó đã lừa vào thành phố một đám con nít ngớ ngẩn, đường lối trong thành phố còn mù tịt, dù có cho phép đi thông thả dạo chơi thì cũng lạc đường như một lũ mán về thành, còn đánh đám cái gì? Ông Tướng Trương đã gọi là nhử cộp vào nhà, đóng cửa lại mà thoi. Ấy thế mà cũng huyênh hoang là chiến thắng!

Tôi nhớ là phải ngoảnh mặt đi, ối mưa khi thấy xe xúc đất, xúc từng tảng xác chết đó đổ xuống một cái hố chôn tập thể ở đầu đường bay Tân Sơn Nhất. Vài ba tháng sau còn có những xác chết thối rữa trên trần nhà. Cứ nghĩ tới là nguyền rủa. Thế mà là chiến thắng đấy. Anh Trương Chi đã hát sai điệu.

Rồi tới chiến thắng 30/04/1975. Đến bài hát này anh Trương Chi đã trình bày giọng ca vô sản lên tới cái mức trơ trẽn và trâng tráo nhất. Trong một bài Hồi ký kênh càn của tên Đại úy Bùi Đức Nhung, tả chiến công tiến chiếm dinh Độc Lập, đã tả rằng trên đường đi hấn đã mấy lần nhảy từ xe Thiết giáp xuống hỏi thăm dân Sài Gòn đường đi tới dinh Độc Lập. Mẹ kiếp, đường

đi còn chưa rõ thế mà vẫn khoác lác là sửa soạn kỹ, nào là tập lâu ngày bằng bản đồ với sa bàn. Chưa thấy đũa nào dối trá, láo xược bằng cái thằng vô sản Trương Chi.

Có chiến thắng là phải có xác chết. Bài ca mà chàng vô sản Trương Chi coi là sở trường của chàng “Nghề của chàng” là bài ca Buôn Xác Chết. Cái gì chứ xác chết mang đi buôn lời là cái chắc. Người ta đi buôn chỉ mong một vốn bốn lời, nhưng đi buôn xác chết thì chẳng mất vốn, mà lời lại quá kỹ, vậy thì muôn năm Bài Ca Xác Chết.

Chiến thắng Điện Biên... Ôi nhiều xác chết quá, tha hồ mà buôn. Kéo pháo qua núi qua đèo, một xu cơ giới không có thì ta ca lên “Đốc núi cao nhưng lòng người quyết tâm của ta còn cao hơn núi”. Một đám kéo pháo, một đám đun đít pháo một kéo một đẩy. Cứ thế mà nhúc nhích. Nhưng đến lưng chừng dốc thì phụt một phát, dây kéo pháo đứt. Chết mẹ mấy thằng đun đít pháo. Pháo thụt lùi. Mấy thằng ở hai bên, trong lúc phản ứng cấp thời, nhảy vọt sang bên cạnh để cứu lấy mạng. Những thằng đứng giữa, nhảy về bên nào cũng kẹt, lại vướng mấy thằng đứng ngoài. Lúc nhảy được thì lại đụng vào bánh xe pháo nên bị cán lòi phèo, chì còn ngáp vài cái là thành ngay cái xác chết. A, có xác chết rồi! Phải ca lên bản “Bài ca buôn xác chết”.

Đồng chí nào đấy? A, đồng chí Tô Vĩnh Điện. Mấy anh nhà báo, nhà văn đâu? Làm ngay bài ca tụng người anh hùng “Lấy thân chèn pháo”. Phổ biến ngay tới các đơn vị, hành động anh hùng lấy thân chèn pháo, các đơn vị đang làm nhiệm vụ kéo pháo phải học tập ngay buổi tối hôm nay. Đồng chí Tô Vĩnh Điện, nhờ thành xác chết mà được bốc thơm hơi kỹ. Xong một Bài Ca Buôn Xác Chết.

Ồ hô, bài ca buôn xác chết ấy, một phát tên mà bắn trúng tới vài ba con chim. Đồng chí Tô Vĩnh Điện có thành xác chết thì cũng khoái đến phải gặt gù cái đầu. Các đồng chí lãnh tụ cũng khoái, vì đã che lấp được cái bất cẩn của mình. Chỉ cần một khúc gỗ chèn, nhích được tới đâu chèn ngay tới đó, thì dù cho dây có đứt cũng chẳng đến nỗi. Hơn nữa, dây nhợ ra sao phải kiểm soát chứ, để cho nửa chừng đứt gánh, trách nhiệm đó về ai?

Xác chết mà buôn được thì một phần thân thể mà chết đi cũng có thể mà buôn được. Đồng chí La Văn Cầu trong lúc xung phong, bị đạn, gãy một cánh tay, thấy cánh tay gãy lủng lảng vương vịu, đồng chí vừa rút mã tấu, chặt phăng cái tay gãy rồi tiếp tục xung phong. Bài ca Buôn Cánh Tay Chết ca lên nghe cũng hay hay. Đồng chí La Văn Cầu được yết kiến Hồ Chủ Tịch và được Bác tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bài ca này khi được mang ra học tập tại lớp Học Tập Ba Ngày, mở ra sau này, đã được một anh đội Ngụy bổ túc thêm cho một đoạn. Khi được yết kiến Bác, đồng chí La Văn Cầu cứ thắc mắc về cái Huân chương Kháng chiến hạng nhì. Đồng chí nói với Bác là nếu đồng chí chặt cả hai cánh tay thì đồng chí có bắt được cái hạng nhất không? Bác gặt đầu. Ấy thế là đồng chí đã dững cảm xuống ngay dưới bếp của Bác, vớ con dao phay chặt phăng cánh tay còn lại. Cả lớp học tập ấy đã vỗ tay hoan hô đồng chí La Văn Cầu quá xá cỡ.

Nhưng khi ra khỏi lớp học anh Cai Dù Ngụy hỏi anh Đội Ngụy rằng làm sao mà đồng chí La Văn Cầu lại tự chặt được cánh tay còn lại, thì được trả lời bằng những tiếng cười hi hi xỏ lá... Chiến thắng Tết Mậu Thân. Cái chiến thắng này thì nhiều xác chết thật đấy nhưng vì nó gấp quá, quen thuộc quá với dân Thành phố miền Nam, nên chàng vô sản Trương Chi không đủ can đảm trâng tráo tro trên để mà ngồi xỏ bài tiết ra những bài ca Buôn Xác Chết. Đành phải nhai lại cái xác chết Nguyễn Văn Trỗi. Nhưng cái xác chết này đã từng ngâm mình ở con sông dưới cầu Công Lý, tục gọi là Bến Tắm Ngựa, nên có vẻ hơi nặng mùi. Chiến thắng Tết Mậu Thân thành ra vắng Bài Ca Buôn Xác Chết.

Rồi tới chiến thắng 30/04/1975. Cái chiến thắng này thì lại khác hẳn, vì không có xác chết. Thì nào có đánh đấm cái mẹ gì đâu mà có xác chết? Ở cái chỗ nào cũng vậy, thường là sau khi kết thúc một trận chiến, lại bày ra một cảnh đổ vỡ tan hoang, nhiều khi không còn viên gạch nào nguyên vẹn. Nhưng mà ở đây không sứt mẻ, không sây sứt một tí tẹo nào. Như vậy thì sao gọi là cuộc chiến đã kết thúc?

Đường số 1 không gãy một cây cầu! Mấy con đường xe cộ vẫn chạy phom phom, không một khúc nào bị cắt đứt. Cả một thành phố Sài Gòn chỉ đồ có cái cổng dinh Độc lập vì cái thằng lái xe

thiết giáp loạng quạng, ra cái điều hách dịch phách lối, húc đánh rầm một phát. Nếu nó ngừng tại chỗ cho người ta mở cổng, rồi đi vào thơ thới hân hoan, thì Sài Gòn sẽ được tiếng là còn nguyên si, chưa rụng một cái sợi lông sợi tóc.

Ấy cũng chỉ vì không có xác chết mà Đại thắng mùa Xuân đâm ra táo bòn bài ca Buôn Xác Chết. Nhưng chàng vô sản Trương Chi nổi danh về tài hót, đâu có chịu? Thì vẫn có cái xác chết nằm chình ình ra đấy thôi? Không còn xác chết nào để buồn, thì chúng buồn xác ông già. Nào, một, hai, ba, ta đồng ca:

Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng,

Lời Bác nay đã thành chiến thắng huy hoàng (...)

Ngày chiến thắng ấy có huy hoàng hay không, thì tôi sẽ viết trong truyện ký “Nếu chàng Trương Chi đẹp trai”. Tôi viết đã được một trăm trang. Có một điều lạ là càng viết thì đầu óc lại càng sáng tỏ ra nhiều vấn đề. Những ngày đầu tháng 5 của năm 1975, tôi cực kỳ oán hận những kẻ đã để tôi ở lại đây. Phương tiện của Cờ Hoa năm 1975, có thể nói gấp ngàn lần phương tiện của Tây năm 1954. Năm 1954, Tây còn mang đi được một triệu người. Ấy vậy mà năm 1975... đạp lên nhau mà đi, bước lên xác nhau mà đi, con số chắc cũng chỉ tới trăm ngàn. Trong một lúc quá chán nản, tôi làm một bài thơ thân phận:

Ba chìm bảy nổi chín lênh đênh

Một vòn cò thua ngã chống kênh

Bạn đỡ thiết tha mà dứt bạn

Tình vàng phụ bạc vẫn theo tình.

Tương lai trước mặt sao mù mịt

Dĩ vãng sau lưng lại bấp bênh

Trở giấc sao mình thao thức mãi

Quanh mình bóng tối cứ mông mênh.

Rồi tiếp theo là mấy năm đi học cải tạo. Trong nhiều lúc chán đời chỉ muốn chết. Nhìn gần thì nhìn thấy mình và người chung quanh cứ mòn mỏi, cùn rĩ để rồi dần dần gục xuống. Nhìn xa thì thấy tương lai miền Nam đi tới chỗ diệt chủng. Những thằng đàn ông có khả năng để đái thì bị nhốt hết trong trại học tập cải tạo, còn sót lại thằng nào ở bên ngoài, thì lại được khuyến khích bằng sự hạn chế sinh đẻ. Hơn nữa cái chính sách lương bổng thật tồi tệ. Cha mẹ không nuôi nổi con cái, con cái không nuôi nổi cha mẹ, anh em không nâng đỡ nổi nhau thì để thêm làm cái gì?

Khi ra khỏi trại học tập cải tạo, gặp thằng Công tử con bà Cả Đọi. Hấn tả cảnh cực khổ của hắn và đọc cho tôi nghe bài Cục Tả:

Cửa đóng màn che đã mấy thu

Đời tàn ngộ hẹp sống như tù

Quần quanh họp lại thiên Đông Độ

Vào ra luyện mãi phép Tây Du

Rầu rĩ Giáng Tiên ngồi gãi háng

Nấu nà Từ Thức đúng xoa khu

Ăn chỉ tương cà, chế thịt cá

Sống chẳng tu hành cũng quá tu.

Tôi lại càng buồn, mẹ kiếp! Đông độ với Tây du. Nước Mỹ với nước Tây thì cũng chán mớ đời. Tôi họa lại bài thơ ấy bằng bài Quân Tán, nghĩa là Tan hàng:

Quân tán còn chi xuất với thu

Thông dong thì cũng xác thân tù

Hữu tật cam đành câu bắt dụng

Vô tài nên chịu tiếng nan du.

Những tưởng khoan hồng anh hạ bộ

Nào ngờ mắc bẫy chú Xuân Khu

*Chung cuộc vài năm cầm cán cuộc.
Tu đội, tu huyền ấy cũng tu.*

Anh cứ nhớ rằng lúc nào anh em chúng mình làm thơ Đường, ấy là lúc buồn và cũng rất chán đời. Nhưng từ lúc viết bài “Nếu chàng Trương Chi đẹp trai” thì tôi phấn khởi hẳn lên. Nghĩ tới ngày đầu tiên Mị Nương gặp Trương Chi là tôi nhớ tới cả một cuốn phim dĩ vãng của những ngày đầu tháng Năm lịch sử. Nàng Mị Nương và chàng Trương Chi hẳn cũng đã xảy ra chuyện “Ngôn ngữ bất đồng”. Tôi cười một mình, nhớ tới mẫu đối thoại giữa cô bán thuốc lá ở trước cửa nhà và một anh bộ đội

- Bán cho tôi bao thuốc ná.
- Dạ anh mua thuốc nào?
- Không bán cho tôi bao thuốc ná?
- Dạ anh mua thuốc nào?

Tiếng gắt gỏng:

- Cái cô này nạ chữa. Người ta mua thuốc ná mà nạ cứ hỏi người ta mua thuốc nào.

Giọng trả lời vẫn dịu dàng:

- Dạ thì tôi hỏi anh mua thuốc nào? Thuốc Ru by, thuốc Cáp tăng hay thuốc Bát tô?

Ngôn ngữ bất đồng là thế đấy. Khu nhà tôi ở bên kia cầu chữ Y, nên sau ngày 30/04/1975, quanh nhà thật đông bộ đội. Cô nhỏ người làm nhà tôi đã biểu diễn một bộ mặt ngớ ngẩn khi một anh bộ đội tới hỏi mượn một cái bàn nà hay mượn một cái phễu. Tôi phải nhắc nó đưa anh ta mượn cái bàn ủi hay cái quặng, lúc đó nó mới à lên một tiếng tự nhiên.

Buổi sáng buổi chiều là những lúc nhàn rỗi của mấy anh bộ đội. Những anh chàng này ít đi chơi vì Sài Gòn đối với mấy chàng chẳng có gì hấp dẫn. Đường phố thì dài dằng dặc. Đi bộ thì mỏi chân. Vượt Trường Sơn thì được nhưng đi bộ trên đường phố Sài Gòn thì các chàng lại chê. Vài chàng may mắn gặp được người quen hay bà con họ hàng Di cư vào đây năm 1954 nhưng họ cũng chỉ cho ăn vài bữa cơm rồi cũng lơ là. Bởi vậy các chàng không còn thú vui gì chỉ ngồi xúm lại với nhau tán gẫu. Cái lối ngồi của mấy chàng cũng lạ. Chúng mình thì ngồi bệt xuống, đặt cái mông xuống hè cho nó thoải mái, thằng nào muốn sạch thì lót cái khăn mùi xoa hay tờ giấy báo. Nhưng mấy chàng thì ngồi ở cái thế mà chúng ta hay biểu diễn ở những lúc ta ở trong cầu tiêu. Cứ ngồi xồm như thế mà nói chuyện râm ran, cả mấy giờ đồng hồ. Sáng, trưa chiều lúc nào cũng có vài ba chàng hay đông hơn nữa ngồi ở đầu hè nói chuyện với nhau. Cứ ở tư thế “Ngồi nước lụt”. Đứa cháu gái lớn một hôm ngồi ngắm các anh chàng rồi bảo tôi:

- Sắm, sắm rồi bố ạ!

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Thế nào mà lại là sắm?

Thì bố vẫn giảng cho con nghe những bài thơ, những câu phong dao tục ngữ không có tác giả đọc lên tối nghĩa một chút, không chừng là sắm. Như câu “Hết quan tàn dân, thu quân bán ruộng”. Như câu ...

- Rồi, rồi, nhưng cô định cho câu nào là sắm đây?

Con bé ra mặt nghiêm trang:

- Con nghĩ tới bài thơ con cóc “Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra. Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó. Con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi”.

Mới đầu con cứ thắc mắc mãi về con cóc, không hiểu rằng con cóc ám chỉ cái gì. Bây giờ nhìn mấy đứa kia nó ngồi chồm hồm, mới thấy y như hết con cóc. Bố thấy chúng nó có giống con cóc hay không?

Tôi không trả lời đưa con gái nhưng trong lòng như ngằm đồng ý. Cũng như tôi đã mắng chúng nó khi chúng nó trả lời những câu trêu chọc mấy chàng bộ đội bằng câu ca dao:

Khoai lang chấm muối ăn bùi

Lấy chồng bộ đội lấy cùi sướng hơn.

Tôi mắng nhưng trong lòng hả hê. Ừ, có thể là sấm thật đấy. Và bây giờ khi viết truyện ký “Khi chàng Trương Chi đẹp trai” tôi đã gọi ngày 30/04/1975 là ngày đại thắng. Đã là ngày đại thắng thì chỉ nên luận công mà không luận tội. Người Mỹ đã tạo nên ngày 30/04/1975, cũng như ông Thừa tướng đã tạo nên ngày Mị nương gặp Trương Chi. Ôi, cả công lao tuyên truyền, cả một hệ thống tư tưởng từ Nam chí Bắc, sụp đổ thảm thương. Đi xe đò từ Bắc vào Nam, cứ tới Quảng Trị người dân miền Bắc yên trí là cái mông đít không còn bị hành hạ. Vào tới trong Sài Gòn nhiều kẻ đã ở lại, không muốn về, đấy là bây giờ còn kém trước quá xa.

Công của ông Thiệu sửa soạn cho ngày 30/04/1975 cũng quá lớn. Nhất là cái chương trình “Người cày có ruộng”. Mua lại ruộng đất của điền chủ, rồi phát không cho Nông dân mỗi người ba mẫu với bằng khoán cẩn thận, ông Thiệu đã bẻ gãy cái liềm trên lá cờ có cái liềm cây búa. Lại còn Ngân hàng Quốc gia Nông tín Cuộc cho nông dân vay tiền mua máy cày, máy bơm nước tới mùa thì trả. Không trả được thì khát lại. Cả một chính sách cải cách ruộng đất mà những anh chàng vô sản rất lấy làm hãnh diện, ấy thế là... đi đong. Thâm độc hơn nữa là cái vụ cấy lúa Thần Nông. Cái thứ lúa ngắn này phải cần bón phân cho nhiều. Mà lại phải là phân hóa học nhập cảng. Thì có chi lạ. Muốn chóng lớn thì phải ăn nhiều. Thấy lúa ngắn ngày, mấy chàng “Cứ tưởng bỏ “mang ngay về Bắc làm giống, huênh hoang khoác lác quá xá, để rồi mấy năm mất mùa và cho tới nay phải trở lại cày cấy hai vụ Chiêm mùa... Thật là thâm quá mà độc cũng quá là độc.

Lại sắp tới ngày 30 tháng Tư.

Từ 1975 đến 1982, đối với mọi người kể cả tôi, cũng đã gọi là quá dài.

Mấy thằng Tây thất bại vì đã trở lại sớm quá. Chín năm kháng chiến chống Tây, chúng nó đã có thật đông chính nghĩa. Nhưng rồi sau chín năm? Và tới bây giờ Trương Chi đã thật sự xấu xí. Mặt nạ chính nghĩa rơi rớt tơi tả.

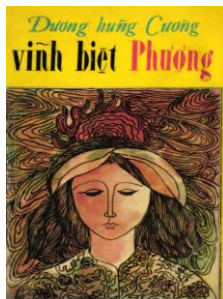
Anh nói với bằng hữu, làm gì đi chứ? Chia rẽ làm chi, tội nghiệp quá đi thôi! Đoàn kết không phải là tôi đi theo anh hay là anh đi theo tôi. Đoàn kết là phải dẹp bỏ hết mọi tị hiềm, xung khắc để cùng chung lo việc cấp bách trước mặt là ... Phục Quốc.

Rất thân chào Anh

Lão Húc

Dương Hùng Cường và nụ cười vụt tắt của định mệnh

Du Tử Lê



Cuốn “Vĩnh Biệt Phương” của nhà văn Dương Hùng Cường. (Hình: Du Tử Lê cung cấp)

Đầu thập niên 1970, định mệnh đã mỉm cười với nhà văn Dương Hùng Cường. Dù nụ cười ấy nhanh chóng tắt ngúm; ném trả cuộc đời tác giả “Vĩnh Biệt Phượng” vào những bất hạnh, lao tù mới!

Đó là thời gian cho thấy dường như hoạn lộ của ông bắt đầu sáng sủa hơn. Ông được thăng cấp thượng sĩ, rồi chuẩn úy, thiếu úy và chuẩn bị theo học một khóa chuyên môn, để điều chỉnh cấp bậc và sẽ lên trung úy...

Người thân cận nhất với tác giả “Buồn Vui Phi Trường” ở giai đoạn này là nhà văn Trần Ngọc Tự, thư ký tòa soạn cuối cùng của nguyệt san Lý Tưởng, tiếng nói chính thức của binh chủng Không Quân VNCH, tính đến Tháng Tư, 1975. Sau Nguyễn Thụy Long, có lẽ Trần Ngọc Tự là người thứ hai, nói về đời thường của Dương Hùng Cường, thời gian mặc áo lính chi tiết nhất. Nhà văn Trần Ngọc Tự kể rằng, ngay khi mới được bổ nhiệm về khối Chiến Tranh Chính Trị, Bộ Tư Lệnh Không Quân ở Tân Sơn Nhất, ông đã gặp nhà văn Dương Hùng Cường nhiều lần. Nhưng phải một thời gian sau, khoảng cách xa lạ, ngập ngừng giữa hai người mới được xóa nhòa.

Đó là thời gian Trần Ngọc Tự biết Dương Hùng Cường chính là Dê Húc Càn, người phụ trách mục “Cà Kê Dê Ngỗng” của tuần báo trào phúng Con Ong mà ông từng theo dõi, thích thú. Ngoài bút hiệu Dê Húc Càn, ông Cường còn có một bút hiệu khác là Lão Dương. Và, người thượng sĩ thâm niên này, đã không che giấu thiện cảm của ông, dành cho chuẩn úy trẻ, mới ra trường Trần Ngọc Tự.

Vẫn theo nhà văn Tự thì sự ưu ái mà nhà văn Dương Hùng Cường đặc biệt dành cho ông, vì trước sau không thay đổi thói quen tôn trọng đàn anh đi trước, ông còn: “...Hay đi chung với mấy anh em trong nhóm các cây bút của tập san Lý Tưởng Không Quân như Khải Triều, Kiêm Thêm, Phan Lạc Giang Đông, Minh Triệu-Ngô Văn Đắc, Trần Kim Nho, Thanh Chương, Hoàng Bá Thủy... mà anh cũng có thân tình từ trước nên tự nhiên tôi được ăn theo chút gì đó chẳng? Phần khác, có thể vì khi chuyện trò buổi sơ giao, tôi đã nhắc tới mấy chi tiết về nhân vật Pi lốt Thái Bình trong quyển ‘Buồn Vui Phi Trường’ của anh, từ đó dễ lấy được cảm tình của ông nhà văn nhà báo, có tiếng lừng khùng và kén chọn trong việc giao tiếp với những người cùng đơn vị...” (Nguồn: Nguyệt San Việt Nam)

Từ tình thân này, Trần Ngọc Tự được biết nhà văn Dương Hùng Cường gia nhập binh chủng Không Quân từ năm 1953, ở miền Bắc. Ông được qua Pháp học ngành hoa tiêu, nhưng cuối cùng lại chuyển ngành học về chuyên môn kiểm soát không lưu. Trước khi được chuyển về Bộ Tư Lệnh Không Quân ở Sài Gòn năm 1965, Dương Hùng Cường phục vụ trên “Lầu Gương” tức Đài Kiểm Soát Không Lưu ở phi trường Biên Hòa khá lâu, trước khi được đổi về Bộ Tư Lệnh Không Quân ở Sài Gòn.

Chính thời gian làm việc tại phi trường Biên Hòa, đã đem lại cho Dương Hùng Cường bút ký “Buồn Vui Phi Trường,” mà có người từng ngạc nhiên, không hiểu từ đâu mà Dương Hùng Cường biết rõ phi trường Biên Hòa, vì những người này cho rằng ông không hề làm việc tại phi trường Biên Hòa.

Vẫn theo ghi nhận của nhà văn Trần Ngọc Tự, thì Dương Hùng Cường là người căn bản có tính bất cần đời... Vì thế ông đã gặp khá nhiều rắc rối trong binh nghiệp cũng như ngoài dân sự. Để dẫn chứng cho ghi nhận của mình, Trần Ngọc Tự cho biết, ông từng được chính Thiếu Tá Bùi Hoàng Khải, sếp lớn của ông là bạn học cùng khóa với Dương Hùng Cường ở Pháp. Người nằm giường trên, người giường dưới; đã có không ít lần suýt xảy ra chuyện đánh nhau... Nếu ông Khải không nhẫn nhịn trước tính ngang bướng của bạn.

Trần Ngọc Tự cũng thêm rằng, sự chậm trễ lên lon của ông Cường, một phần còn vì ông không chịu tham dự những khóa tu nghiệp, để điều chỉnh cấp bậc, theo yêu cầu.

Giữa lúc những người bạn của nhà văn Dương Hùng Cường đình ninh, con đường binh nghiệp của ông bắt đầu sáng sủa hơn, khi ông chịu lên trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt, theo học khóa sĩ quan căn bản chiến tranh chính trị để điều chỉnh cấp bậc thiếu úy rồi sẽ lên trung úy sau đấy, thì một hôm, đang làm việc, bỗng Dương Hùng Cường bị khối An Ninh Quân Đội Không Quân đưa giấy, gọi trình diện...

Trước sự kiện bất ngờ này, nhà văn Trần Ngọc Tự kể, nhờ Thiếu Tá Trần Tam Tiệp làm việc tại khối An Ninh, mới biết rằng, trước đó ít ngày, trong một cuộc nhậu ở nhà hàng Thanh Thế, đã xảy ra một vụ lớn tiếng, qua lại, giữa một bên là Dương Hùng Cường, nhà văn Nguyễn Vũ, và một bên là mấy dân biểu thân chính... Kết quả nhóm dân biểu này đã có thư tố cáo hai nhà văn vừa kể, về tội mạ sát đại diện dân cử, gửi tới nhiều cơ quan thẩm quyền khác nhau. Trong số đó, có cả văn phòng phủ tổng thống. Và, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã bút phê trong phiếu trình là: "Sĩ quan chiến tranh chính trị tuyên bố láo lếu, thuyên chuyển khỏi Quân Khu." (Nguồn: Nguyệt San Việt Nam)

Trần Ngọc Tự đọc được công văn này, khi một bản sao được chuyển cho khối Chiến Tranh Chính Trị Không Quân để thi hành. Thế rồi cả Dương Hùng Cường lẫn Nguyễn Vũ bị thuyên chuyển về Sư Đoàn 3 Bộ Binh, ở Đà Nẵng.

Nhờ sự vận động tích cực của Thiếu Tá Trần Tam Tiệp (khóa 2 Nam Định, từng tu nghiệp ở Pháp), nên khoảng một năm sau, Dương Hùng Cường được về lại Không Quân. Nhưng ông không còn ở ngành chiến tranh chính trị nữa mà bị đổi về Cần Thơ, phụ trách ngành hành chánh, sau khi tham dự một khóa học chuyên môn về ngành này, do nhà văn Trần Ngọc Tự phụ trách.

Lần gặp gỡ cuối với nhà văn Dương Hùng Cường, được nhà văn Trần Ngọc Tự ghi lại nguyên văn như sau: "...Lần sau cùng tôi gặp anh (Dương Hùng Cường) trước ngày 30 Tháng Tư, 1975, là vào khoảng Tháng Mười Hai, 1974. Anh đi phép và ghé vào Tân Sơn Nhất thăm bạn hữu anh em. Xuống khu gia binh uống cà phê, anh nói với tôi rằng đang bắt đầu chuẩn bị việc in ấn quyển 'Vĩnh Biệt Phượng' là tác phẩm thứ hai sau 'Buồn Vui Phi Trường.' (1) Buổi sáng hôm ấy, tôi nhớ cũng có cả anh Nguyễn Đình Thiệu, ở tờ Lý Tưởng phòng Tâm Lý Chiến cùng thời với anh Dương Hùng Cường dạo trước và đã thuyên chuyển đi căn cứ Không Quân Phan Rang mấy năm rồi. Thời gian đó, Thiếu Tá Sĩ Phú (2) là trưởng khối Chiến Tranh Chính Trị ở đơn vị này. Anh Nguyễn Đình Thiệu từ Phan Rang về và ghé qua Sài Gòn trên đường ra trình diện trại cai nghiện ma túy của quân đội ngoài Phú Quốc. Tôi được tin anh từ trần tại đây vào cuối Tháng Giêng, 1975." (Nguồn: Nguyệt San Việt Nam). Sau đấy, cũng như tất cả những sĩ quan bị kẹt lại, nhà văn Dương Hùng Cường bị tù cải tạo lần thứ nhất...

Chú thích:

(1) Theo nhà văn Trần Ngọc Tự thì tiểu thuyết "Vĩnh Biệt Phượng" của Dương Hùng Cường in xong cùng lúc với biến cố 30 Tháng Tư. Vì thế, tác phẩm đã không được phát hành! (Nguồn: Nguyệt San Việt Nam)

(2) Thiếu Tá Sĩ Phú chính là ca sĩ nổi tiếng Sĩ Phú, sinh năm 1942 tại Bắc phần. Ông mất năm 2000 tại miền Nam California. (Nguồn Wikipedia-Mở)

Bọc điều bọc than Hoàng Hải Thủy

Những năm 1951, 1952, ở Sài Gòn, tôi lần thứ nhất nghe nói đến tiếng "bọc điều, để bọc điều". Ngôn ngữ Bắc Kỳ không có tiếng những tiếng ấy.

Đồng bào miền Nam của tôi nói: "Thằng đó nó để bọc điều"

.. khi họ nói về những người may mắn, từ lúc ra đời đã sung sướng, được hưởng đủ mọi lạc thú ở đời, sướng đến những ngày cuối đời. Tiếng “*đẻ bọc điều*” xuất phát từ chuyện một hài nhi khi ra khỏi lòng mẹ có cái màng màu hồng bao bọc, kinh nghiệm cho đồng bào tôi thấy những hài nhi khi đẻ ra có cái màng màu hồng bao bọc như thế sẽ suốt đời sung sướng, gặp toàn những may mắn. Họ gọi những cái bọc ấy là “*bọc điều*” và gọi những người sung sướng ở đời là những người “*đẻ bọc điều*.” Tôi nghe đồng bào tôi nói như thế về chuyện bọc điều, tôi không biết chuyện bọc điều có thật hay không. Chuyện này, muốn biết chắc, ta phải hỏi các ông bác sĩ chuyên đỡ đẻ.

Nhưng quả thật là ở đời có những người được sinh ra để hưởng sung sướng và có những người bị sinh ra để chịu khổ cực, quả thật là ở đời có những người được hưởng thật nhiều may mắn và có những người phải chịu đủ thứ thiệt thòi, cơ cực, cay đắng, thảm não.

Em ơi.. Bấy mười năm cuộc đời.. Hôm nay mưa rơi trên Rừng Phong.. Đôi ta liêu lạc xứ người trong những năm tháng cuối cùng của cuộc đời đôi ta, anh phải nhận rằng ở đời quả thật là có những người đẻ bọc điều. Và quả thật là ở đời có những người đẻ bọc than.

Như ông đẻ bọc điều được nói đến trong bài báo này. Ông Đẻ Bọc Điều điển hình này được ông bạn của ông – ông bạn này chắc cũng đẻ bọc điều – viết về ông như sau:

“Bạn tôi

“Bạn tôi là người có những hiểu biết bách khoa. Chàng thông thạo ít nhất hai ngoại ngữ, đọc được rành rẽ chữ Hán. Hời rượu chàng biết rượu. Hời tử vi chàng biết tử vi. Biết tới ngọn, tới ngành. Từ chuyện nấu bếp, đến cách pha ly rượu. Món bouillabaisse của chàng thì tuyệt. “

Dương Hùng Cường, Người Đẻ Bọc Than chết trong xà-lim Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu.

Chúng tôi quen nhau từ những năm 70 khi chàng từ Paris trở về Sài Gòn làm việc cho chính phủ, giữ một chức vụ cao cấp thời ấy. Học xong, tốt nghiệp từ một trường danh tiếng của Pháp, chàng về nước ngay. Chàng là người dám làm đúng những điều chàng vẫn nói, hoặc trong những cuộc xuống đường ở Paris thời đó, hay trong những cuộc tranh luận giữa những sân trường đại học, với thứ tả khuynh ôm chân, ôm cẳng cộng sản.

“Về tuổi tác, chàng thua tôi ba tháng. Chàng là “*dân trường Tây*”, nhưng không giống bất cứ một sản phẩm nào của trường Tây. Chàng là người yêu đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Chàng có thể thức hai, ba đêm để nói về một vấn đề chính trị, kinh tế mà chàng biết rất rành, hay tranh luận về một chuyện chàng không đồng ý. Lúc nào cũng đầy nhiệt tình.

“Độc giả Việt Tide đã biết điều đó.

“Chàng đưa tờ báo này đến chỗ đứng của nó ngày nay, đem lại cho nó một giải thưởng cao quý về báo chí trong năm qua, chỉ bằng vài ba chục số báo đầu tiên góp mặt với các báo Việt ngữ ở California.

“Bạn tôi không làm ở Việt Tide nữa. Đôi giày chàng để lại khó có bàn chân nào đi vừa.

“Người Mỹ có lối nói rất hay: it’s a tough act to follow – việc chàng làm khó mà có người đi theo được.

“Tôi tin là độc giả sẽ nhớ chàng.

“Rất nhiều. Tôi cũng sẽ nhớ chàng, người bạn thân thiết từ ở Sài Gòn, những ly cà phê uống với nhau ở tiệm Brodard khi chàng ghé nơi tôi làm việc thời đó ở bên kia đường Tự Do. Hay

những lần uống với nhau chai rượu Úc chàng lấy trong thùng xe, những lần ăn trưa, ăn tối với nhau. Chàng lúc nào cũng đẹp, quần áo, những chiếc ca-vát chọn rất khéo, và đắt tiền, túi áo veste không bao giờ thiếu chiếc pochette màu rất lảng.

“Tôi biết tôi sẽ nhớ chàng. NXN, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào. Như một câu của Nguyễn Xuân Hoàng.”

Bài đăng trên Tuần báo Việt Tide số 82.

CTHàĐông bàn loạn: Nhân vật “Chàng” trong bài báo trên đây, nhất định là một chàng để bọc điều. Lâu rồi rất ít khi tôi quả quyết về một chuyện gì, nhưng chuyện này, chuyện “Chàng để bọc điều” tôi quả quyết chăm phần chăm. “Chàng” là người để bọc điều, chàng để bọc điều đến nỗi không còn ai trên đời này có thể để bọc điều hơn chàng được nữa!

Giới giang hồ ăn hít, nhà hệt – tức nhà hát, “*dân nhà hệt*” tiếng để gọi những nghệ sĩ, công nhân đoàn hát Kim Chung Tiếng Chuông Vàng Thủ Đô, tiếng “*nhà hệt, dân nhà hệt*” do chính họ, những nghệ sĩ Đoàn Kim Chung, tự đặt, tự gọi – có câu: “*Đẹp trai, trẻ tuổi, học giỏi, con nhà giàu... chỉ phải cái tội hay ăn cắp vặt!*” để nhạo những anh con trai Bà Cả Đọi bày đặt làm như người có học, những anh tính nét không ra gì giả dạng con nhà gia giáo, những anh con nhà bản tiện làm ra vẻ con nhà quý phái, giàu từ đời ông, đời cha, sang từ trong lòng mẹ. Nhưng “Chàng” trong bài báo trên đây là một chàng đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu chân chính không có máu ăn cắp vặt. Chàng là một người để bọc điều, và những người để bọc điều đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu, không có máu ăn cắp vặt như chàng thì chàng hào hoa, phong nhã, chàng thành công trong đời, chàng sống sung sướng, chàng được ca tụng là chuyện tự nhiên, chuyện tất nhiên. Không ai có thể ghen được chàng, ghen chàng là ghen bậy.

Đàn bà nước tôi khi chẳng may lấy phải anh chồng đàn, tủi thân, chỉ biết than thở như trong câu phong dao:

*Chồng người đi ngược về xuôi.
Chồng em xó bếp đầu b... dính tro.*

Và vào những năm 1980, 1990:

*Chồng người đi Mỹ, về Tây.
Chồng em xó bếp đầu chầy chám than!*

Trong những tháng năm dài, u ám, sau Ngày 30 Tháng Tư năm 1975 tôi là một trong những anh chồng xó bếp dzính tro, chám than như thế.

Từ năm 1975 các bạn tôi và tôi là những anh đàn ông xó bếp chám than kiêm dính tro, dính trấu dài dài, chân chính, chuyên chính, thuần thành, thâm niên, thượng hạng, ngoại hạng. Như bạn tôi Dương Hùng Cường. Cường đi lính Không Quân từ năm 1950, từng đi học ở Marrakech, ngành kiểm soát không lưu. Năm 1971, 1972 Cường là Trung Úy Không Quân. Nghe nói trong một bữa nhậu sượng sượng, tức nửa say, Trung Úy Tâm Lý Chiến DH Cường nói đốp chát vào mặt một anh dân biểu gốc nhà binh bị gọi là “dân biểu gia nô”:

“Đến thằng thầy của các anh tôi còn không còn ra gì nữa là các anh..” “Thằng thầy” của mấy anh dân biểu gia nô là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Vì câu nói ấy Trung Úy DH Cường bị bắt về nằm ở Nha An Ninh Quân Đội rồi bị tống ra bộ binh. Năm 1980 Cường đi tù cộng sản trở về, viết và gửi ra nước ngoài một số bài tố cáo những hành động tàn ác của bọn Bắc Việt Cộng. Trong số có bài nổi nhất là bài “*Nếu anh Trương Chi đẹp trai..*” Đại ý của bài đại khái là anh Trương Chi hát hay nhưng anh bị cô Mị Nương chê vì anh xí trai quá, nếu anh đã hát hay

mà anh lại đẹp trai thì anh ăn gỏi cô Mị Nương như anh ăn gỏi cá chép, nếu bọn Bắc Việt Cộng mà đối xử nhân đạo với nhân dân miền Nam thì bọn chúng đâu đến nỗi bị nhân dân căm ghét, rửa xả. Vì những bài như bài “*Nếu anh Trương Chi đẹp trai*” được phổ biến ở hải ngoại, dưới bút hiệu rơm Lảo Dương, năm 1984 Dương Hùng Cường bị Công An Việt Cộng bắt, năm 1986 anh chết trong sà-lim Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu, Trung tâm Thăm vấn Nhân dân Sài Gòn của bọn Công An Thành Hồ. Năm ấy Cường khoảng 50 tuổi.

Nằm một mình trong sà-lim, Cường chết trong đêm. Sáu giờ sáng bọn cai tù đi một vòng điếm danh, những tù nhân nằm sà lim phải đứng ló mặt ra ô cửa gió trên cửa sà lim chờ bọn cai tù đi qua nhìn mặt, ghi sổ. Khi đi ngang sà lim của Cường thấy không có mặt anh tù ló ra ở cửa gió, cai tù nhòm vào thấy người tù Dương Hùng Cường ở trần, mặc quần sà lỏn – tất nhiên là người tù để bọc than không có áo veste với mouchoir pochette và ca vát, ca veo lẳng lơ gì cả – người tù quân nhân – văn nghệ sĩ bất hạnh nằm ngửa trên bệ xi-măng. Cai tù mở cửa vào thấy anh đã chết cứng, người có nhiệt vết bầm tím.

Tôi được biết chi tiết bạn tôi ở trần, quần cụt, người bầm tím, chết cứng trong sà lim nhờ các bạn tù vào sà lim khiêng người chết ra kể lại. Bọn cai tù đưa xác Cường từ Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu sang Nhà Xác Bát Giác Đài Chí Hòa. Bọn y sĩ Công An Việt Cộng, được gọi là bọn pháp y, mổ bụng, mổ óc người tù để học về cơ thể con người. Rồi chúng cho giấy gọi vợ người tù đến nhận xác. Chúng không cho đem xác người tù về nhà làm đám ma, chúng cho quan tài, cho xe, đưa từ Nhà Tù Chí Hòa lên chôn trong một nghĩa trang ở Lái Thiêu.

Thật tội nghiệp! Vào tù rồi bạn tôi vẫn cứ mơ được Pháp, được Mỹ lãnh đưa đi cùng với vợ con. Đúng ra từ khi vào tù Cường mới nảy ra ý nghĩ nhất định những tổ chức văn hóa, nhân quyền Pháp, Mỹ sẽ không bỏ rơi anh, sẽ làm áp lực với chính phủ nước họ để lãnh anh đi như một văn nghệ sĩ đấu tranh cho dân chủ. Không được gặp mặt vợ lần nào nhưng bằng cách nhờ bạn tù được ra gặp mặt vợ con nhắn tin về nhà mình, nhờ cách viết thư nhờ bạn tù được ra gặp mặt lên đưa cho người nhà đem dùm về nhà mình, Cường báo cho vợ con anh biết cái tin lạc quan là “*chuẩn bị để ra đi bất cứ lúc nào*”, chính phủ Pháp, Mỹ, Anh đang làm thủ tục để đưa cả gia đình đi khỏi nước, anh còn dặn kỹ là anh sẽ không về nhà mà anh sẽ từ Nhà Tù Chí Hòa lên thẳng phi trường Tân Sơn Nhất để cùng vợ con anh lên phi cơ Air France bay đi. Nên khi được công an khu vực đem giấy đến nhà gọi đến Nhà Tù Chí Hòa “*có việc liên can đến phạm Dương Hùng Cường*”, chị Cường đem theo bộ com-lê vét-tông của chồng để chồng mặc lên máy bay đi Pháp, đi Mỹ.

Cường bị bắt cùng một đêm với tôi, với các anh Doãn Quốc Sĩ, Khuất Duy Trác, Trần Ngọc Tụ – Tụ là sĩ quan Không Quân, Trung Úy Tâm Lý Chiến – trong đêm rạng sáng ngày 2 Tháng 5, 1984. Ở Trung Tâm Thăm Vấn Số 4 Phan Đăng Lưu một năm, năm 1986 anh em chúng tôi bị đưa sang Nhà Tù Chí Hòa; năm 1987 Cường và anh Sĩ bị đưa trở lại giam ở Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu, Cường chết ở Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu khi tôi bị giam ở Chí Hòa. Mấy năm sau trở về mái nhà xưa tôi nghe vợ tôi kể ít ngày sau khi Cường chết, chị Cường kể với vợ tôi chị nằm mơ thấy Cường về, nói chị gửi cho anh bộ răng giả, không có răng Cường không ăn được, chị Cường tìm trong cái giỏ quần áo của chồng – giỏ quần áo này do bọn Cai Tù Chí Hòa đưa cho, từ ngày mang về nhà chị Cường không mở xem – thấy bộ răng giả của chồng trong đó. Chị đem bộ răng giả ấy lên nghĩa trang ở Lái Thiêu chôn trước mộ chồng.

Bạn tôi chết đi để lại một vợ, bảy con: sáu con gái, một con trai út. Con trai duy nhất đẻ năm 1976. Tôi vẫn tưởng bạn tôi chỉ có Ngũ Long Công Chúa, thực ra bạn tôi có những Lục Long Công Chúa. Người ta có Ngũ Long Công Chúa người ta ăn nên, làm ra, bạn tôi có những Lục Long Công Chúa nhưng vì anh để bọc than nên đời anh không khá được.

Tôi không biết trong cuộc đời này hôm nay có ai còn nhớ Dương Hùng Cường không. Cường mất mười mấy năm rồi, bây giờ tôi chỉ lâu lâu mới nhớ Cường. Như hôm nay đọc bài báo viết về một người Việt để bọc điều, tôi mới nhớ Cường và thấy Cường là người Việt để bọc than. Tôi nhớ năm 1981, 1982, đi tù về, uống rượu bậy bạ rẻ tiền Cường bị phá độc, hai chân lở loét từ đầu gối xuống, lầy nhầy mủ máu. Hai anh bạn của Cường là Hồng Dương và Khuất Duy Trác thay phiên nhau đến nhà chờ Cường đi bằng xe xích lô nhờ bác sĩ bạn chữa dùm. Tôi nhớ những tối mùa mưa, cả những tối mùa nắng – tối mùa nắng ngồi vỉa hè Sài Gòn đầy cò đồ uống rượu để đã cảm khái muốn chết, tối mùa mưa ngồi quán vỉa hè Sài Gòn nhâm nhi ly rượu Gò Đen cảm khái đến ngất ngư con tàu đi.. Không có người yêu nào cả cũng thấy gan ruột bồi hồi, thấy trái tim thổn thức.. Cũng thấy.. Xa quá rồi em người mỗi ngã... Bên này đất nước nhớ thương nhau... Thoáng hiện em về trong đáy cốc.. Nói cười như chuyện một đêm xưa.. – những buổi tối Sài Gòn sau 75 Cường và tôi hay ngồi uống rượu để năm đồng tiền Hồ một xi ở vỉa hè đường Trương Minh Giảng. Quán nước vỉa hè dưới mái hiên một nhà chỉ 5 giờ chiều mới dọn ra, chuyên bán nước trái cây xay gọi là nước sinh tố và nước dưa tươi, chủ quán là Tâm, một em lãng mạn năm ấy không chổng trạc tuổi Cường. Cường gọi quán này là Mười Hai Bến Nước. Bà Chủ Quán Tâm có cảm tình với Cường, rất trọng mến và chiều Cường. Nhiều tối thấy anh em chúng tôi ngồi uống rượu xuống, biết chúng tôi không có tiền, Tâm gọi xe hủ tít gần đó đem đến cho chúng tôi bát thịt bò viên, hay mua cho chúng tôi vài gói lạc rang. Cường rất lạc quan. Vừa vào tù được mấy ngày, cùng nằm sà lim khu C Một, sáng sớm lợi dụng lúc bọn cai tù chưa làm việc, Cường đã gọi lớn qua ô cửa gió sang sà lim tôi:

“Công Tử Hà Đông..! Hẹn gặp nhau ở Mười Hai Bến Nước! “

Cùng một lứa quê nhà lận đận.., cùng bị Công An Thành Hồ đến nhà công tay, bắt đi trong một đêm cuối xuân, đầu hạ, cùng vào Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu trong một sáng tinh sương, cùng sang Nhà Tù Chí Hòa trên một tù xa, bạn tôi không cùng tôi ra khỏi ngục tù cộng sản. Cường chết năm 1987, năm 1990 tôi từ Trại Tù Khố Sai Z 30 A trở về mái nhà xưa, quán Mười Hai Bến Nước của Tâm không còn ở đường Trương Minh Giảng. Cường và tôi không bao giờ gặp lại nhau ở Mười Hai Bến Nước.

Tôi nhớ một người bạn để bọc than nữa của tôi là Minh Đăng Khánh. Khánh thời trẻ chơi thể dục, thể thao, không trác táng, người vạm vỡ, khỏe như trâu lặn. Bị Công An thành Hồ bắt trong đợt chúng khủng bố văn nghệ sĩ Sài Gòn tháng Ba 1976. khoảng một năm sau Khánh được thả ra. Về nhà anh bị liệt nửa người. Khánh lết lết đi được, nhưng đi rất chậm, nói ngọng và khó khăn, anh ngã xuống là không dậy được, cứ nằm đấy chờ người đỡ dậy. Khánh nguyên là giáo viên, sau năm 1954 anh viết kịch, anh chủ trương giờ Kịch Gia Đình Bác Tám của Đài VOA trong nhiều năm, anh đóng phim, anh làm đạo diễn điện ảnh, anh biết về hội họa và là thầy dạy vẽ của Nữ ca sĩ Tâm Vấn. Sau khi bị liệt nửa người bên phải, Khánh tập và vẽ được bằng tay trái. Anh mở lớp dạy vẽ ở nhà. Khi đi ra khỏi nhà anh thường bận bộ đồ ngủ màu nâu đã nát, mặc cái áo judo đen sì bên ngoài, đeo cái túi vải xanh trong đựng bịch thuốc hút Vĩnh Hảo, cái pipe, hộp quẹt, kính lão, ví, chìa khóa, đầu đội mũ dzô-kê, bàn tay trái cầm gậy, chân đi đôi giày Bata vệt gót. Toàn thân anh là cũ và nát. Khánh kể:

“Tao...đi...vào...tiệm...phở...Thấy...tao...người..ta... ta
tưởng..tao....ăn...mày...người...người...ta...cho...tiền...Tao
nói...cám...cám...ơn...tôi..tôi...không...phải.. là...ăn...ăn...mày...”

Khánh chịu cảnh liệt bại ba năm, anh đi khỏi cõi đời này năm 1982. Tôi coi việc anh chết là anh được giải thoát. Hôm nay buồn viết những dòng này về những người bạn để bọc than, tôi bồi ngùi nhớ lại hình ảnh Minh Đăng Khánh ngày xưa. Khánh khỏe mạnh, sức vóc, chịu khó, vui vẻ và nhanh nhẹn hơn tôi nhiều. Những năm 1956, 1957, Khánh chưa lập gia đình, anh sống độc thân ở Bin-đình Cửu Long, tôi giữ trang Điện Ảnh của nhật báo Ngôn Luận, nhiều tối Khánh đến

nhà tôi rủ vợ chồng tôi đi ăn phở gà Hiền Vương. Ngày ấy vợ chồng tôi còn trẻ, vừa ăn cơm lúc 6 giờ tối, đến 8 giờ chúng tôi ăn tô phở gà ngon lành. Tết ra được mấy ngày, trời Sài Gòn mùa xuân buổi tối lạnh lạnh, Khánh chở tôi trên xe Lambretta của anh lên Hội Chợ Quang Trung dự cái gọi là Cuộc Thi Hoa Hậu Điện Ảnh Đông Phương – do Công Ty Điện Ảnh Đông Phương, công ty làm phim Ánh Sáng Miền Nam, của anh Đỗ Bá Thế, tổ chức. Anh Đỗ Bá Thế đã qua đời từ lâu – Đây là cuộc thi Hoa Hậu đầu tiên của Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc Thi Hoa Hậu được tổ chức ở ngoài trời, chừng mười lăm, mười sáu người đẹp mặc áo dài, có mặc quần cũng dài, đi đi lại lại vài vòng trên sàn gỗ khán đài lộ thiên, không có mặc áo tắm bikini hay maillot một mảnh, hai mảnh chi cả. Một người đẹp được ban giám khảo chọn làm Hoa Hậu nhưng bị các người đẹp khác phản đối, vì lý do người được chọn không ghi tên dự giải từ trước, người được chọn là nữ khán giả được ban tổ chức mời lên biểu diễn. Nữ khán giả Hoa Hậu đó được Đông Phương tặng một giải riêng. Tôi theo Khánh vào hậu trường dựng bằng cốp để phỏng vấn Nữ Khán Giả Hoa Hậu Đông Phương. Tên nàng là Kiều Chinh.

Ngày đưa đám ma Khánh có mặt khá đông văn nghệ sĩ, trong số có Lê Hoàng Hoa. Lê Hoàng Hoa được sang Hoa Kỳ học về ngành radio; trở về nước năm 1956 Hoa làm nhân viên Cục Điện Ảnh rồi trở thành đạo diễn điện ảnh, sau năm 1975 Hoa được Việt Cộng dùng. Trong lúc những đạo diễn Thân Trọng Kỳ, Hoàng Vĩnh Lộc, Minh Đăng Khánh bị Việt Cộng bắt đi tù, các đạo diễn Lê Hoàng Hoa, Bùi Sơn Duân được Việt Cộng dùng, làm nhiều phim cho Việt Cộng. So cuộc đời Minh Đăng Khánh với cuộc đời Lê Hoàng Hoa thì Khánh để bọc than, Hoa để bọc điều, so cuộc đời nữ ca sĩ Hồ Diệp với cuộc đời Nữ diễn viên Kiều Chinh, Kiều Chinh để bọc điều, Hồ Diệp để bọc than. Nữ ca sĩ Hồ Diệp mất tích trên đường vượt biển.

Sau năm 1975 quốc gia tôi có quá nhiều người để bọc than. Hai anh bạn tôi – Dương Hùng Cường, Minh Đăng Khánh – sống và chết tuy bị thảm nhưng còn nhiều người sống và chết bị thảm hơn nhiều. Bao nhiêu sĩ quan quân đội tôi, những thanh niên ưu tú của đất nước tôi, nhiều người đẹp trai, học giỏi, không có máu ăn cấp vật, đã tử trận, đã chết không toàn thân, đã chết mất xác, trong suốt hai mươi năm ròng rã. Những chàng thanh niên ưu tú ấy chết vì họ đem thân ra bảo vệ nhân dân, họ chết để bảo vệ đất nước, họ không chết để cho một số người cùng tuổi họ, kém tuổi họ, sang Pháp, sang Mỹ du học, nhưng vì họ chiến đấu và vì họ hy sinh tính mạng của họ nên đám thanh niên không chiến đấu kia mới có thể đi nước ngoài học hành và trở thành những anh ăn trên, ngồi trốc. Biết bao nhiêu sĩ quan quân đội tôi sau những năm tù đầy dằng dặc, chịu đủ mọi nhục nhã, nhục nhằn, cay đắng, bồng dắt vợ con sang Hoa Kỳ, anh chồng tiếng Mỹ ăn đong, mù tịt về rượu, mù tịt về đủ mọi trò lịch lãm, mọi kiểu ăn chơi, cả đời chỉ Sài mấy cái ca vát rẻ tiền Méch in Hồng Kông bên hông Chợ Lớn, chưa từng nghe nói đến món ăn Tây bouillabaisse bao giờ, chị vợ nhà quê lồi thối, lếch thếch, chưa từng một lần mặc váy đầm, váy đĩa, không chỉ không có mà còn không biết kim cương, hạt xoàn, hạt soài là gì, mười mấy năm sống ở quê nhà kể từ năm 1975 thì chồng đi tù năm, bảy năm, bán xôi, khoai lang đầu ngõ, lê la, lê lét chợ trời, chợ đất, chợ vỉa hè, kiếm chút tiền nuôi con đợi chồng đi tù trở về. Những người ấy là những người để bọc than.

Nhưng những người Việt HO để bọc than ấy vẫn không phải là những người để bọc than cao cấp nhất, không phải là những bọc than đen nhất, rách nhất, tả tơi nhất, khốn khổ khốn nạn nhất, đáng thương nhất. Sống sót sau cơn binh lửa, sau cuộc tù đầy, họ còn được đưa vợ con sang sống ở Hoa Kỳ, dù sang Hoa Kỳ họ phải sống bằng những nghề dùng đến sức lực và chân tay, dù sang Hoa Kỳ họ bị ngay cả những người Việt đã sang Hoa Kỳ trước họ khinh khi vì sự dốt nát, nghèo nàn của họ. Ai biết hiện nay có bao nhiêu bọc than đen nhất, rách nhất đang sống thảm nảo ở quê hương? Những cựu chiến binh của ta mù mắt, cụt chân tay, những thương phế binh không có một đồng để sống? Ai biết đến họ? Ai nhớ đến họ? Ai thương họ, đừng hỏi ai kính trọng họ, ai biết công họ, lại càng đừng hỏi ai biết ơn họ?

Tôi nghe người ta nói Mao Trạch Đông nói: *“Trí thức không bằng cục phân..!”* Người ta nói Mao Trạch Đông nói câu ấy để kết tội họ Mao khinh bỉ trí thức. Tôi không biết có thật Mao Sĩ Toáng nói câu đó hay không. Đôi khi trước cảnh những đám cưới ở Kỳ Hoa Đất Trích, nghe người ta giới thiệu, người ta ca tụng gia đình cô dâu, chú rể toàn là những bác sĩ, kỹ sư, coi đó là chuyện vinh dự, tôi lắm cảm và ngớ ngẩn nghĩ những ông bác sĩ, kỹ sư đó làm được những gì cho dân tộc, cho đất nước, hay các ông chỉ nhờ được sống trong tổ chức xã hội của người Mỹ nên có điều kiện ăn học, nhờ nghề nghiệp mà no đủ, phê phỡn, giàu có so với những người đồng hương của các ông? Nếu các ông không làm được gì ích lợi cho đồng bào của các ông thì các ông chỉ là một thứ giai cấp “phì gia” mà thôi, giai cấp “phì gia” mới. Các ông chỉ “phì gia” mà không “vinh thân” vì so với những bác sĩ, kỹ sư Nhật, Tàu, Đại Hàn các ông không đi đến đâu! Tôi lại vớ vẩn nghĩ rằng câu *“Trí thức không bằng cục phân”* có thể thiếu vài tiếng. Có thể câu đó như sau:

“Người trí thức mà không làm được gì ích lợi cho dân tộc mình, cho xứ sở mình thì giá trị không bằng cục phân..!”

Nếu người trí thức, nôm na là những người học cao, hiểu biết, khoa bảng, mà không làm được gì ích lợi cho dân tộc mình, cho đất nước mình thì – dù Mao nói hay không phải Mao nói, dù bất cứ ai nói – tôi thấy người trí thức ấy quả thật không bằng cục phân!

Ôi chao..! Tôi vừa hắt xì hơi liền năm, bảy cái, những hắt xì hơi làm long óc, làm rụng rời những khớp xương già rệu rã. Mùa xuân năm nay vườn đất Virginia phấn lá, phấn hoa nhiều quá, nặng quá. Nhiều người bị allergy sưng mắt, nghẹt mũi, nước mũi chảy ròng ròng thảm hại quá chời. Trong số những người sống ở Virginia năm nay bị allergy nặng ấy có tôi.

Tôi lại vừa hắt xì hơi năm, bảy cái nữa. Tôi phải ngừng viết thôi.

Bài viết đã đủ dài. Xin tạm biệt quý vị.

Mười năm ngồi trên cao

Mười năm ngồi trên cao, truyện ngắn Dương Hùng Cường (1934-1979) / tập thơ truyện *Không quân thời chiến*, nxb Vàng son, Sài Gòn 1974.



Những ngày làm việc ở đài kiểm soát phi trường, tôi có thật nhiều thì giờ rảnh rỗi. Làm việc một ngày, rồi nghỉ 2 ngày. Những ngày đầu tiên phải làm việc một ngày 24 giờ, tôi mệt lắm. Những ngày được nghỉ, tôi chỉ ngủ. Ngủ quên cả ăn. Ngủ li bì, đến nỗi thẳng nằm cùng phòng với tôi, tưởng tôi sắp chết. Lúc chúng nó đi làm về, tiếng ồn ào đánh thức tôi dậy; nhưng cái mệt mỏi vẫn giữ tôi lại ở giấc ngủ nửa chừng. Tôi nghe rõ cả tiếng xi- xào nho nhỏ; - Từ sáng tới giờ mà nó chưa dậy. Hay là nó 'ngỏm' rồi.

Tôi cựa mình, xoay mặt vào trong tường để cho chúng nó biết rằng tôi vẫn còn có thể hưởng thụ được *tứ khoái*. Chiếc giường sắt kêu cọt két. Một bàn tay nhẹ nhàng sờ lên trán tôi. Tôi hơi cảm động, mở mắt nhìn:

- Máy giờ rồi mà?

- 12 giờ rồi đấy con trai ạ.

Tôi uể oải ngồi dậy, đang lúc tiếng còi hụ rú lên trên nóc hồ nước, báo hiệu giờ tan sở. Tôi chớp mắt, nhếch mép cười:

- Đỡ được mấy chục đồng tiền ăn sáng.

Mấy thằng ở cùng phòng với tôi reo ầm lên. Thì ra, từ nãy tới giờ, chúng nó tưởng tôi đau nặng, nên đi lại còn rón rén, nói chuyện thì thầm. Bây giờ, chúng nó mới được cười lớn để xả hơi;

- Sư mày, ông tưởng mày chết, thì ông phải dọn sang phòng khác ngủ. Mày còn sống đã sợ mày rồi, thì chắc là lúc mày chết, mày phải ghê gớm lắm.

Rồi mấy đứa xúm lại, nói chuyện về những thằng bạn đã chết. Như thằng Thắng, kể về chuyện thằng Hưng, cái thằng trưởng xưởng, lái 'tracteur' húc đầu vào cửa sắt, bị cái cửa sắt đập ngược trở lại vỡ ngực, chỉ ngáp được có vài cái là ưỡn mình lên, đi một đường về bên kia thế giới. Tiếng thằng Thắng thấp hẳn xuống;

- Một hôm tao trực ở 'hãng ga'. Nửa đêm, thấy tiếng xe chạy, tao lấy làm lạ, mở cửa ra ngoài thì thấy thằng Hưng lái xe 'tracteur' chạy vù vù. Nó lại còn nhìn tao cười. Tao định vẩy nó đứng lại, để bắt tay nó một cái; thì nó biến mất. Chiếc 'tracteur' đậu chình ịch ở giữa 'hãng ga'. Máy vẫn còn nổ, tao phải tắt máy rồi mới đi ngủ.

Tôi không thể tin được cái câu chuyện khó tin ấy, nhưng vẫn thấy lòng mình nôn nao một cách lạ. Khuôn mặt của thằng Hưng vừa thoáng hiện trong tôi. Tôi nhớ lại một buổi trưa đầy nắng trên sân đậu phi cơ khu trực. Nắng làm bốc hơi mặt nhựa, cuộn cuộn dâng lên nhẹ nhẹ. Ngồi trên lầu nhìn xuống, tôi thấy mấy thằng bạn đang đùa rờn trước cửa 'hãng ga'. Trên nóc 'hãng ga', chiếc ống gió nằm yên ử rử như tượng tự những chiều gió lộng thổi. Màu trắng, màu đỏ loang lổ. Chợt tiếng chuông điện thoại reo vang. Tôi uể oải cầm lên;

- Bón chiếc *Phượng hoàng xám, biệt phái đi Pleiku. Xin giúp điều kiện khí tượng đường Biên hòa- Pleiku. Sẽ cho người tới lấy lúc 2 giờ. Làm giúp cả chương trình bay nhé. Nếu khi tượng tốt, thì cho cất cánh, với khí tượng 'trời quang'.*

Tôi đặt máy điện thoại xuống, rồi lại nhắc lên, gọi về Sài Gòn. Biên chép một lúc, mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo, ướt đầm cả 2 bên nách. Chiếc ống gió vẫn nằm im. Tôi giao việc lái cho thằng Trọng, rồi xuống nhà đi tắm. Vòi nước ở mãi tận phía 'hãng ga' khu trực. Những thằng bạn đang đùa rờn hồi nãy, chắc cũng vừa nhận được điện thoại, nên sửa soạn xông ra ngoài nắng, coi lại phi cơ trước khi cất cánh. Thằng Hưng ngồi lái chiếc 'tracteur', kéo những chiếc phi cơ từ 'hãng ga' ra ngoài sân đậu. Có tiếng gọi với theo;

- Chờ tao quá giang với.

Những thằng lính thành phố vẫn ngại đi bộ. Từ 'hãng ga' ra chỗ phi cơ đậu, chừng 300 thước, nhưng ngồi xe vẫn khoái hơn. Chúng bám vào xe 'tracteur' như những con nhặng xanh bám chặt lấy cục đường. Chiếc xe chạy trên vỉ sắt rào- rào. Thả chúng nó xuống, thằng Hưng lái xe chạy về 'hãng ga', thì một thằng có lẽ vừa nằm ở đây ngủ trưa, chợt thức dậy chạy ra, tay còn xỏ thắt lưng quần.

- Cho tao ra ngoài sân đậu đi mà.

Nó lạch bạch chạy ra xe, với đôi giày chưa kịp buộc dây. Đôi giày bật lên bật xuống, một chiếc muốn văng ra, làm nó phải ngưng lại, co chân lên, ngón tay chỏ thò xuống khoanh một vòng quanh gót. Khi nó gần tới xe, thằng hưng đạp thêm một ít 'ga', cho xe vọt về đằng trước.

Thằng kia vừa đuổi theo, vừa chửi;

- Mẹ mày, cho tao đi với. Đừng có làm khó.

Nhưng khi chạy gần tới xe, thằng Hưng lái đạp thêm một tí 'ga', rồi ngoảnh mặt lại đằng sau cười. Tới lần thứ 4, thì 'xầm' một tiếng, chiếc xe tông mạnh vào chiếc cửa sắt cao vòi vọi tung lên, nhưng bên trong còn vướn nhiều bánh xe, nên đập ngược trở lại, quật gãy tay lái và đập ngực thằng Hưng. Nó chỉ còn ngáp được mấy cái, rồi máu trong mồm ứa ra.

Tôi đang tắm, không kịp mặc quần áo, chạy vội ra. Những tiếng la thất thanh vang lên

trong 'hăng ga' và loăng ra ở sân đậu. Lũ bạn bè chạy lại, phải khó nhọc lắm mới kéo được thằng Hưng ra ngoài.

Buổi trưa ngày hôm đó, tôi cầm 'micro' nói chuyện với tàu bay mà nước mắt chảy đầm đìa. Hưng học trên tôi một khóa ở trường thợ máy Rochefort. Nhưng về nước, tôi phản bội nghề thợ máy, đi học cai nghề ngồi ở trên cao. Đôi lúc thấy mình thật cô đơn. Tôi đã không chịu được nổi cái nghề, mỗi khi đi làm việc về, dù rửa tay thật kỹ, hết cả một bánh xà-bông mà những kẽ móng tay vẫn còn đen thui. Tôi ghét cái không khí tù túng trong một cơ xưởng. Tôi thích đứng trên cao nhìn [bao quát] phi trường. Tôi càng thấy mình cô đơn khi nhìn thấy không gian mà không thoát được ra ngoài. Những ngày trời mưa, mấy xuống thấp dần, vây lấy tôi, mù mù một màu đục; những sợi mưa đan nhau, xiên ngang, chạy dọc, như một cái lưới, vây lấy tôi, trói chặt tôi lại bằng một cái chần nắn và u ám, thê lương.

Ngày đó, ở Biên hòa còn rợp bóng cây cao su cổ thụ. Ban đêm, tiếng tắc-kè vang vang đối đáp nhau; từ chỗ gần, rồi xa thật xa. Những đêm thao thức, tôi nằm nghe cao su đổ lá ào ào, những chiếc lá khô đuối nhau xào xạc trên mái tôn. Mùa nắng, cỏ lau trắng xóa phi trường. Gần cuối mùa nắng, cỏ hoa lại tàn tạ, lá cỏ xác xơ; và chỉ cần một mồi lửa là phi trường bốc cháy. Tôi đã được hưởng cái sung sướng của một kẻ châm mồi lửa vào đồng cỏ khô. Lửa cháy, tôi đứng ngạo nghễ nhìn mà tưởng mình như là bạo chúa đang thiêu hủy cả một kinh thành. Lúc ngọn lửa từ từ nằm xuống, những đồng tro tàn đen nằm trải dài, lẫn màu với phi đạo lót bằng vỉ sắt PSP. Những buổi tối, tôi trèo lên đài kiểm soát nhìn xuống, chỉ thấy một màu đen. Hai hàng đèn phi đạo như đôi rèm mi người con gái. Bên trái là rừng Tân phong tối mò mò. Bên phải là sân đậu phi cơ, hai hàng phi cơ khu trục nằm yên lặng, 4 cái cánh chong chóng, cái nghiêng nghiêng nổi bật lên trời mờ mờ ánh sáng của khu cứu hỏa ở đằng kia xa tít.

(...) - tạm lược một đoạn

Cây cao su đổ xuống thì cũng vắng đi tiếng tắc-kè. Ban đêm vắng hẳn tiếng gọi mấy thằng Bắc kỳ.. 'bắc... kỳ... bắc... kỳ... bắc kỳ ...' Chuyện khôi hài nhạt thếch ủa vài ba thằng răng sún. Có một ông vào làm phu đồn điền, buổi tối nghe tiếng tắc-kè kêu, lấy làm ngạc nhiên: 'quái, sao nó lại biết mình là Bắc kỳ mà nó gọi mình?'

Tiếng trung sĩ Khỏe:

- Chặt thêm mấy cây nữa đi, đủ khoảng trống để làm nhà che mấy cái máy phát điện.

Tôi bước chầm chậm về phía câu lạc bộ. Tiếng búa đuối theo sau lưng rầm rập. Tôi ăn cơm vào lúc 11 giờ để thay phiên 12 giờ cho thằng khác. Bữa cơm thật nhạt nhẽo. Ăn như cố tống cơm vào dạ dày. Thằng Trọng ngồi trước mặt tôi cắn nhả:

- Ngày thì ăn sớm, ngày thì ăn muộn. Ngày thì ăn tới 2 lần ăn sáng, ngày thì ngủ quên. Cứ cái lối sống như thế này, chẳng mấy lúc tao và mày biết bay.

Tôi đặt bát cơm xuống, nấn chỗ bấp thịt cánh tay, không một tí 'con chuột' nào, mà chỉ thấy nhẽo nheo nheo, như cái của quý của một con đĩ già. Thằng Trọng lại càng thảm hại hơn. Lúc nó đang làm việc, tay phải cầm 'micro', tay trái chống xuống mặt bàn, cái khuỷu tay cong cong gập thành chữ V -- làm cho tôi có cảm tưởng rằng, chỉ đụng nhẹ cũng đã gãy. Nhìn cái cầu thang sâu hun hút, thằng nào cũng ngại leo lên, leo xuống. Mỗi lần đi tiểu, chúng nó cứ đằng sau mà đái, tưới nước lên nóc nhà ban Khí tượng. Mái lợp 'fibro-ciment', chỗ tiếp giáp với đài kiểm soát, rêu mọc xanh rì. Nhưng làm việc ở đài khí tượng, rất khổ sở, khi nghe tiếng nước rơi lộp độp trong những buổi trưa hè nắng chang chang. Những chiếc cầu vồng nước lung linh rơi trên mái ròn rập, tiếng động ở đằng sau lưng, ở trên đầu, rồi trước mặt; rồi ngắt quãng làm cho thằng ngồi dưới muốn điên lên.

(...) - tạm lược ít dòng

Trọng gấp cuốn sổ, than một câu thật cải lương;

- Thôi mà!... cầm mồm đi, sao không lấy vợ đi? Lấy vợ rồi thấy thời gian đi lâu lắm. Nhất là những ngày cuối tháng.

Trọng trầm ngâm;

- Tao nhớ 4 câu thơ đường luật, trong một bài *hát nói* nào đó, " Ngày xưa Tuyết muốn lấy ông/ ông chê Tuyết bé/ Tuyết không biết/ bây giờ Tuyết đã đến thi/ ông muốn lấy Tuyết/ Tuyết chê ông già.."

-- đại khái như vậy, không biết tao nhớ có đúng không? ... -- hay là tao với mà kiếm một nghề gì học thêm. Rồi khi nào ra lính, lại có thêm một nghề nữa.

Chẳng biết làm gì, tôi gật đầu ưng thuận. Hai đứa chờ nhau trên chiếc 'vespa', phóng đi, ngược về phía Bửu long ... [tìm mãi mới thấy] một trường đánh máy chữ. Ông chủ trường đánh máy chữ tiếp 2 thằng, không niềm nở cho lắm. Trọng mở đề;

- Thưa ông, chúng tôi muốn học đánh máy chữ.

Chủ nháy mắt, cười tình;

- Đừng rờn mà, cha nội.

Hai thằng tỏ thiện chí, bằng cách đóng tiền 1/2 tháng học phí. Chủ xếp chỗ cho 2 đứa ngồi.

Chỉ vài ngày sau, 2 đứa đã đánh máy, [tiếng động máy chữ nghe] như mưa rào; nhưng thứ chữ này phải chờ vài ba thế kỷ nữa, mới có người đọc nổi. Cô nàng mắt lé ngồi trước mặt, ngược mắt nhìn, thán phục. Trọng bảo tôi;

- Tao chán rồi mà ạ!

- Tao cũng chán rồi ... !

Hai thằng bỏ ra đằng trước nhà, ngồi lên bực lan can cao, ngắm người đi qua lại. Thằng con trai ông chủ, khoảng 8, 9 tuổi, ra gạ làm quen, sờ vào chiếc quần *ka-ki*;

- Tại sao chú đi lính hở chú?

Tôi nhăn mặt;

- Không biết nữa ... một buổi sáng thức dậy, chú bỏ nhà, đi giang hồ. Người ta bắt chú phải mặc bộ quần áo này; mãi về sau chú mới biết là mình đi lính ...

Thằng nhóc con lao lên lan can, ngồi lọt thõm ở giữa, đung đưa 2 chân;

- Cháu cũng thích bỏ nhà đi như chú, nhưng qua đường một mình, cháu sợ má thấy, má mắng.

Tôi và Trọng cười vang, át cả tiếng gõ lách cách ở trong nhà. hai đứa nhảy xuống, phóng 'vespa' về lại căn cứ không quân. Không bao giờ trở lại trường đánh máy chữ. Không bao giờ còn thấy cô nàng mắt lé nữa. Và may mắn làm sao rũ sạch được tư tưởng kiếm ăn bằng nghề đánh máy chữ.

(...) - *tạm lược ít dòng*

Tôi buồn bã, đi về dài kiểm soát Không lưu. Dưới chân tôi, vĩ sắt PSP rập rình, tiến thẳng bạn vẫn lải nhải. Thèm thịt chó, sao không vác mồm xuống Hồ Nai. Thì ra nó tưởng tôi thèm thịt chó. Nhìn về phía đài kiểm soát Không lưu, đằng sau Ban Khí tượng, đã thấy có khói bốc lên.

Mấy ông lính Cứu hỏa đã nhóm lửa, ừa soạn thui chó. Bực mình, tôi bắn bằng quơ 2 phát súng lên trời. Lũ bạn bè đang xúm xít bàn tán về chuyện chó, bỗng bỏ chạy ùng ùng như ma đuổi; ví chúng tưởng tôi là thằng điên. Mà may làm sao, tới bây giờ, tôi chưa phát điên. Nhưng tiếng 'chưa' không phải không có nghĩa là 'không bao giờ.'

Trọng ơi !

Mày đừng coi đây là một lá thư. Có bao giờ tao viết thư cho mày đâu. Có lẽ chỉ một lần, tao viết thư cho mày, khi mày còn ở bên Hoa Kỳ, tao nhờ mày mua cho tao cái tẩu thuốc la 'Dunhill'. Bởi vì không là một lá thư, thành ra mày đừng tưởng tao nhờ mày mua cái gì. Với al5i, ở cái đất Pleiku của máy hiện giờ; thì còn có cái gì để mà mua. Họa chẳng, chỉ có vài vài con 'gô-nô-cốc'

ở cái trung tâm khang lạc.

Mỗi lần mà ở Pleiku về, mà tìm đến tao, kể những chuyện ở Pleiku; rồi mà rủ rê tao xin đổi lên trên đó với mà. Tao đâu phải là thằng dại; đang là một thằng lính ở thành phố, dại gì bỏ đi; dù mà có kể hàng ngàn chuyện như: tắm suối chung với những người em bản Thượng tắm, không mặc quần áo; lúc lên bờ mắc cỡ; mà lấy chiếc mũ 'cát-kết, úp vào chỗ kín, bỏ cả 2 tay ra mà chiếc mũ kết vẫn không rơi ...

Tao viết thư cho mà, bởi vì hồi này tao khó ngủ. Y như cái ngày ở Biên hòa, đêm nằm nghe bao nhiêu tiếng tắc-kè tắc lười, đã hết đủ hết. Tao nghĩ đến cái số phận chuyên viên già chúng mình-- mà một ông lớn đã kết tội trong một bài phỏng vấn 'những thằng chuyên gia già chỉ làm việc tà-tà, chờ ngày giải ngũ'.

Chúng tao một lũ lính già, rất 'cảm khái' về câu nói đó. Thằng Đinh, khóa 2 Rochefort, thợ súng, to tiếng uất ức;

- Không hiểu sao lại chê những chuyên viên già/ Mỗi ngày, trung bình tao vác một trăm bom đưa lên máy bay. Mà thử làm một cái tính nhân, coi xem sơ sơ, 15 năm nay, tao vác lên máy bay m16y trăm tấn bom. Như vậy, tao cũng có ích cho quốc gia đấy chứ!

Chúng mình đối với cái quân chủng này, kể như ta những kẻ 'khai quốc công thần'-- thằng nào cũng đã gần 18 năm quân ngũ. Nhưng cái thâm niên quân vụ, kể từ thời đại tướng Nguyễn Khánh, nó đã hết là một thứ hết được kính nể, vì đâu nó có được lĩnh tiến. Gần đến lúc 'ăn tiền thâm niên quân vụ' thiên hạ cho lên một cấp bậc, là cái thâm niên ấy theo gió mà bay lên trời. Đi lính hơn 10 năm vẫn chỉ là lính mới.

Tao bước xuống bậc thang. Trước phòng tuyến binh, đồng thanh niên xin vào lính mũ xanh không quân. Tao gặp thằng con ông chủ trường đánh máy chữ [ở Biên hòa xưa kia, mà nhớ chứ?], sắp theo học lớp phi công. Mà ngạc nhiên lắm hay sao? 10 năm rồi còn gì. Ngày đó, nó, 8, 9 tuổi; thì bây giờ nó đã 18; đủ tư cách đi học lái tàu bay rồi. [Gặp tao], nó gọi tao bằng 'anh', chứ không bằng 'chú'. như xưa nữa. Mức xưng hô bị tụt thang. Rồi, ít lâu nữa. mức xưng hô, chắc sẽ còn tụt thang một cách thảm hại. Tao ghi tiểu sử của nó vào trong một quyển sách thật đẹp.

Thuở mới lên 8, 9 tuổi, 'Người' đã muốn thoát ly gia đình; nhưng "Người" sợ sang qua đường một mình, má thấy, má mắng..." -- tạo cứ ghi vào đó..., biết đâu một ngày kia, nó sẽ làm lớn-- phải -- biết đâu ...?

Tháng 5- 1967.

Giữa đêm trường Nguyễn Thụy Long

Trích Chương 4: bốn

Con đường Chi Lăng xưa, nay là đường Phan Đăng Lưu, phía trước Lăng ông Bà Chiều, có tòa Bó của tỉnh Gia Định, thời chế độ Cộng Hòa thành tòa tỉnh trưởng. Bên cạnh tòa tỉnh trưởng có trại giam, sau này cũng vẫn là trại giam, có bí số bao nhiêu đó tôi quên mất rồi. Tôi chỉ nhớ gọi là số 4 Phan Đăng Lưu, hầu hết văn nghệ sĩ của chế độ cũ sau ngày 30-4-75 bị giam ở đó, trước khi bị đưa đi học tập cải tạo ở các vùng xa xôi. Tôi từng biết nơi đó, từng lêu bêu từ nhà giam này tới nhà giam khác trước khi tới trại giam Z30A, thuộc miền đông, dưới chân núi Chùa Chan mà ở đó có "Đất đá ong khô nhiều ngấn lệ".

Bây giờ khi đi qua con đường Chi Lăng xưa hằng ngày tôi không thể không nhớ những kỷ niệm và những bằng hữu tôi. Trên con đường Chi Lăng có con đường chạy xuyên ngang ra Suối Đen áp Đông Ba gọi là đường Nguyễn Huệ, nay là đường Thích Quảng Đức. Con đường Thái Lập Thành, nay là đường Phan Xích Long, hồi xưa có quán ốc, chuyên nấu cơm lá sen của tài tử điện ảnh Văn Giai, quán cơm của anh bị trúng pháo kích ngày 29-4-75 gia đình anh bị mạng vong gần hết. Tôi đã đứng với anh trên đồng tro tàn, anh ngẩn ngơ như người mê sảng. Phía đầu đường Nguyễn Huệ Chi Lăng, các bạn bè tôi từng thuê nhà ở đó, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Viên Linh, Nguyễn Khắc Nhân, cả họa sĩ Phạm Hoán. Tôi nhớ tựa đề một bài thơ của Trần Dạ Từ nói lên sự khổ cực của anh em bạn bè "Chi Lăng! Chi Lăng! Tiếng ai hò reo.?" Nếu tôi nhớ không lầm đó là tên bản hùng ca của Lưu Hữu Phước.

Căn nhà tôi ở trọ cũng gần với nhà thuê của Trần Dạ Từ - Nhã Ca. Thuở mới vào đời chúng tôi nghèo khổ lắm. Tôi là chú lính đất làm việc ở phi trường Tân Sơn Nhất, các bạn tôi đeo đuổi nghề báo nghề văn, nhưng cũng bữa đói bữa no, hoặc phải kiếm luôn nghề kèm trẻ tư gia để kiếm ăn.

Sự thật là như thế. Nhưng vẫn ngoan cố coi mình là văn sĩ, thi sĩ. Tôi thì mới mơ thành văn sĩ. Thời gian ấy cũng xa xôi lắm rồi, để chừng phải 40 năm trước. Một buổi chiều trời sẩm tối tôi đi dạo dưới hàng cây sao bên lề đường Chi Lăng, bỗng gặp Viên Linh đi lang thang một mình. Tôi hỏi:

- Sao cậu không ở nhà?

- Nhà bé bằng cái lỗ mũi đồng đảo bạn bè quá Thôi mà cũng đừng sang bây giờ, đi với tao ra cà phê Bằng.

Cà phê Bằng ở khu nhà mười căn bên cạnh cư xá Chu Mạnh Trinh, đầu ngã tư Phú Nhuận. Trong khu cư xá đó, nhiều văn nghệ sĩ đã có danh cư ngụ. Cà phê Bằng có căn nhà dưới và trên lầu.

Tôi thích ngồi trên lầu nhìn ra cái cửa sổ rộng, nhìn cái cột điện có những ống sứ mắc dây chằng chịt. Không biết sao tôi lại nghĩ cái cột điện ấy trông thật cô đơn. Những chiều mưa, dây điện đọng nước vũng xuống nhỏ từng giọt, những dòng nước khác tiếp tục chạy đến làm thành những giọt khác, những giọt liên tiếp nhau nối thành chuỗi...

Buổi tối hôm ấy, Viên Linh vừa uống cà phê vừa đọc thơ anh mới làm cho tôi nghe, những bài thơ đã đăng báo, anh có vẻ tâm đắc, mấy câu thơ, mà tôi cũng thuộc đến bây giờ:

Sáng ở đầu sông nhớ núi.

Đêm về trong núi nhớ sông

Có tin về hôm giáp Tết

Sống bây giờ long đong

Đồng thời anh nói với tôi về đức Zehova và chuyện thánh thần trong thánh kinh Cựu ước.

Quyển thánh kinh Cựu ước đó tôi thấy trong căn nhà thuê ở đường Nguyễn Huệ, không biết do ai mang về. Trước lối đi vào căn nhà đó có bụi tre gai, những cơn điên loạn của Nhã, cô ta lao đầu vào đó. Trên lối cửa vào phòng có ai đó đề hàng chữ "L'enter des hommes".

Con đường Chi Lăng ở tỉnh Gia Định xưa ngắn ngủi, có thể coi bắt đầu từ tòa tỉnh trưởng Gia Định chạy dài đến ngã tư Phú Nhuận là dứt. Con đường giữa dành cho xe hơi, hai bên có đường phụ dành cho xe đạp. Trên hai con đường phụ đó trồng cột điện và hàng cây sao rợp bóng mát. Ấp Đông Ba, Đông Nhì là những xóm ngoại thành, cây cối la đà. Những căn nhà tranh vách đất, những ngôi chùa ẩn mình dưới rặng tre xanh. Những ngọn điện vào được những căn nhà trong xóm đó còn rất hiếm hoi. Đường đất như những lối mòn trong xóm làng. Cái ồn ào của phố thị chỉ huyên náo ngoài lộ chính.

Tôi sống ở đó hơn nửa đời người, có ngất quãng một vài điểm thời gian, nhưng cuối cùng tôi lại về đây. Đổi khác nhiều rồi đó, nhà cửa mọc san sát làm mất đi nhắc cảnh xưa cũ. Nhưng tôi vẫn còn nhớ như in. Khó mà quên được vì có những kỷ niệm đậm nét trong cuộc đời Tôi ghi nhận, quan sát, đôi khi cũng có chút hư cấu để viết lên khá nhiều tác phẩm, truyện ngắn, truyện

dài, liệu thuyết. Kể cả những kỷ niệm với bạn bè, vì rằng căn nhà tôi mua hồi ấy qui tụ khá đông bằng hữu văn nghệ. Cũng từ căn nhà ở ấp Đông Ba xưa, tôi làm nên tác phẩm rồi chính thức bước vào nghề viết văn làm báo. Thành ra những kỷ niệm tội nghiệp cứ luôn trùng điệp trong tôi. Tôi nhàn nhả quá trong những đêm trường thao thức trên căn gác bút, những kỷ niệm đến với tôi bất cứ lúc nào. Tiếng ếch ương kêu y uông ở ao hồ nào đó còn sót lại trong xóm tôi, thường thì gây ra những kỷ niệm buồn.

Bây giờ tháng Bảy mưa ngâu, những cơn mưa đêm chợt đến chợt đi, tôi nghe tiếng ếch ương kêu ở một vũng nước nào đó bên vườn chùa trong đêm.

Tháng này là tháng xá tội vong nhân. Nhiều nhà sửa soạn cúng cô hồn, những quán cơm chay bên đường Nguyễn Văn Đậu (Ngô Tùng Châu cũ) bắt đầu đông khách. Những tay nghề bẫy chim đem bán làm chim phóng sinh ở cổng lãng ông Bà Chiều hoạt động mạnh. Khách thập phương giàu lòng nhân ái bỏ tiền ra mua bầy chim tội nghiệp ấy thả bay lên trời xanh để rồi chúng lại bị bắt trở lại ở mẻ lưới khác Lại được bầy bán ở cổng lãng, cổng chùa. Người ta về mãi mà vẫn không tròn quả phúc. Nếu có người nào đó đánh dấu vào chân những con chim chim mình phóng sinh sẽ thấy rằng chúng trở lại lồng của người bán chim để được bán nữa. Vẫn có người mua để phóng sinh cầu phước, tỏ với Trời Phật lòng nhân đức của loài người. Buổi chiều hôm nay đứng trên gác bút, tôi chứng kiến chú tiểu trong chùa chạy ra xua đuổi lũ chim tham ăn, đậu vào màng lưới rộng trải trên mặt đất. Chú tiểu bị bọn côn đồ bẫy chim đánh cho một trận như tử. Tệ hại hơn nữa chú bị chúng nhét thịt chim nướng vào miệng khiến chú phạm giới. Bọn côn đồ bẫy chim say rượu cười hộc lên như một bầy linh cầu. Chú tiểu vừa chạy vừa khóc, chùi miệng nhỏ phì phì.

Một cảnh như thế mà cười được đấy. Sự cụ trụ trì chấp tay niệm câu "mô phật".

- Hôm nay không trúng mánh mà vui?

Tôi chứng kiến cảnh tượng đó, thấy mình hết ý. Nhưng sao đêm nay vẫn cứ suy nghĩ vẫn vơ Bao nhiêu là điều, bao nhiêu là chuyện để nói đc viết. Tiếng ếch ương kêu ở vũng nước vườn chùa buồn bã thế vẫn không đưa nổi tôi vào giấc ngủ.

Tiếng ếch ương kêu buồn bã trong đêm gây buồn gây nhớ. Nhớ lắm, thương lắm, hồi những người bạn của tôi. Các anh thoát hiện thoát biến trên cõi đời. Còn lại những kỷ niệm, những cái các anh để lại, mà tôi không thể nào quên.

Tôi viết hay tôi đang gậm nhấm những kỷ niệm? Tôi tự do trong tôi, tôi vẫn nghĩ thế. Đọc một quyển sách, một bài thơ, nghe lại một đoạn nhạc, một lời ca, do các anh sáng tác tôi lại nhớ đến các anh, lại nhớ nhung, lại ngậm ngùi. Như thấy các anh còn hiện diện. Những người bạn nghệ sĩ của tôi, nếu chứng kiến cái chết từ từ của anh, như cây nến cháy tự ăn mình để tồn tại, tôi càng thêm chua xót. Không gì đau bằng ngồi bên giường bệnh của anh, nhìn anh lịm dần vào giấc ngủ ngàn thu. Tuy nhiên không phải cái chết nào cũng giống nhau, có cái chết thanh thản với nụ cười trên môi thì cũng có cái chết oằn oại vì đau đớn, cái chết còn đọng giọt lệ trên hồ mắt. Vâng tôi đã thay, đã thấy nhiều lắm rồi. Có cái chết đến là ngỡ ngàng, tiếc nuối hay bức xúc vì còn dở dang một điều gì đó chưa trọn vẹn trên cõi đời. Có cái chết cô đơn, còng queo trong nhà giam, không ai nghe thấy lời cuối cùng của kẻ bạt mạng như cái chết của nhà văn Dương Hùng Cường. Nghe tin anh chết, tôi ngỡ ngàng và nhớ đến những tác phẩm của anh. Từ Buồn vui phi trường đến tên tác phẩm cuối cùng của anh, Vĩnh biệt phượng. Có phải lời trần trối của anh không, gửi cho vợ hay người yêu. Tôi bỗng như thấy cái nghênh ngang của con người anh qua bút hiệu Dê Húc Càn. Cái nghênh ngang ấy đi vào trí nhớ của tôi. Mới ngày nào anh còn tưng tưng giữa đời, mà nay anh đã là người thiên cổ. Đã bao nhiêu người bạn tôi nằm xuống.

Một đêm tôi nằm gục trên bàn viết, cây bút không gác lên mà rời khỏi tay, lăn lóc trên mặt bàn. Tiếng ếch ương kêu y uông trong vũng nước, xưa kia nguyên là một hố pháo kích sau vườn chùa Húc Nghiệm đánh thức tôi dậy, đánh thức cả kỷ niệm đang ngủ trong tôi. Tôi nhớ lại bản

nhạc thuở nào: Hỡi người chiến sĩ đã để lại cái nón sắt trên bờ lau sậy nào Bây giờ anh ở đâu con ếch ương vẫn gọi tên anh...

Đó là lời bài hát mở đầu cho phim Người tình không chân dung của đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc. Bài hát buồn đến ray rứt nói về cuộc chiến, một cuộc chiến đau khổ cho Việt Nam từ mấy chục năm trước mà mọi người Việt Nam ở miền Bắc, miền Nam, dù không trực tiếp tham gia thì cũng vẫn ở trong cuộc. Họ đều có những người thân ngã xuống, hay thương tật. Bài hát buồn bã đọng trong đầu tôi từ bao lâu rồi. thỉnh thoảng lại nổi lên như những câu thơ trong Chinh Phụ Ngâm:

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng dỗi dỗi soi
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mặt mặt nào ai gọi hồn

Máu đổ, nước mắt rơi, bao nhiêu là tử sĩ, bao nhiêu chinh phụ, bao nhiêu những bậc mẹ cha già. Nước mắt người mẹ khóc con, vợ khóc chồng, cha khóc con, đứa trẻ khóc cha đều ai oán như nhau.

Dù bất cứ ở nơi đâu, thuộc phe phái nào, cũng buồn lắm, đau khổ lắm.

Hình ảnh ấy được ghi lại trong băng hình điện ảnh, con ếch ương tạm trú trong cái mũ sắt thùng của người chiến binh nào đó bỏ lại trên chiến trường. Có thể chiến binh đó còn sống hay đã tử trận, xác thân đã rã, nhưng dấu chiến tích vẫn còn kia, làm nơi trú ẩn cho con ếch ương ngồi khóc than ảo não trên chiến trường đìu hiu. Hình ảnh đó mở đầu cho cuốn phim chiến tranh Người tình không chân dung kèm theo lời ca buồn đến náo lòng làm nền cho cả cuốn phim. Nét tài hoa của một nghệ sĩ, đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, là ở đó. Anh khai thác nổi từ một hình ảnh nhỏ bé, tầm thường để làm nên cái vĩ đại trong nghệ thuật. Dù rằng điện ảnh Việt Nam thời gian đó còn trong phôi thai.

Trước năm 1975, tôi quen biết đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, nhưng chỉ là chỉ sơ giao, vì tôi vừa là nhà báo, nhà văn.

Do chú ý đến phim ảnh nên tôi không thể không làm quen một đạo diễn tài ba như Hoàng Vĩnh Lộc. Anh có nét vượt trội hơn nhiều đạo diễn khác, từng được đào tạo qua trường lớp ở nước ngoài. Khán giả nhìn thấy trong phim anh những nét phóng khoáng, hào hoa. Tôi được biết trước khi làm phim, anh từng là diễn viên trong phim Bến Cũ năm 1950, từng là lực sĩ có thể hình đẹp từng là ca sĩ, kể cả làm liếp viên Hàng Không.

Một buổi tối, trước năm 1975, tôi được mời đến dự tiệc trà ở một nhà hàng, không nhớ rõ là ở Majestic hay Continental. Buổi ra mắt hãng phim Giao Chỉ của hai nghệ sĩ tài danh. Đạo diễn điện ảnh Hoàng Vĩnh Lộc và nữ minh tinh màn bạc Kiều Trinh. Cũng là ngày đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc khởi đầu làm cuốn phim Người tình không chân dung. Chưa tới ngày bấm máy, nhưng đã được báo chí loan tin từ một hai tuần trước

Các hãng phim hồi đó thì nhiều, mà làm thất vọng khách mộ điệu cũng không ít vì trình chiếu những cuốn phim quá gây thất vọng. Khán giả vẫn mơ ước có một cuốn phim coi được.

Trong điện ảnh, Hoàng Vĩnh Lộc, theo anh nói, không xuất thân trong trường lớp nào. Nhưng nhiều người thấy anh có tài, có khả năng. Người ta đánh hơi thấy anh là người làm được và có thể làm hay vì anh có nhiệt tình. Anh đã cho ra mắt mấy cuốn phim trước khi anh thành lập hãng phim Giao Chỉ.

Buổi tiệc trà tối hôm ấy khá đông đủ mặt văn nghệ sĩ. Kịch bản truyện phim, dĩ nhiên là về chiến tranh rồi. Một cuộc chiến đau thương. Giọng nói dễ thương của Dạ Lan hằng đêm gửi người chiến sĩ ở khắp 4 vùng chiến thuật để chia xẻ mọi nỗi niềm.

Có lẽ Hoàng Vĩnh Lộc dựa vào chi tiết ấy để làm nên Người tình không chân dung. Cuốn phim có giá trị nào cũng nên có một bản nhạc nền. Người tình không chân dung cũng vậy Hoàng Vĩnh Lộc cũng mong mỗi có một bản nhạc nền phản ánh cho kịch bản truyện phim, nói lên được điều gì đó sâu thẳm của kịch bản mà tác giả, đạo diễn ấp ủ. Hoàng Vĩnh Lộc nghĩ đến

điều đó và anh đã nhờ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhưng nhạc sĩ họ Trịnh lấy có chưa nắm vững kịch bản nên chưa làm được.

Khi cuốn phận trình chiếu, tôi thấy bài hát "con ếch ương". Lời ca hay và hình ảnh cũng đẹp. Khi đó hỏi ra mới biết chính Hoàng Vĩnh Lộc đã sáng tác bản nhạc nền cho cuốn phim của mình, và kiêm cả soạn kịch bản.

Năm 1975, sau ngày "đứt phim", tôi gặp lại Hoàng Vĩnh Lộc. Tôi hơi ngạc nhiên vì anh kẹt lại. Bạn bè chúng tôi còn lại thừa thớt nên để thân nhau, thân nhau qua những kỷ mềm và thân phận kẻ đồng cảnh ngộ. Buồn chán thì cùng nhau cụng ly rượu "nước mắt quê hương". Chúng tôi thường xuyên gặp nhau, chia xốt với nhau những gì mình có, rủ rê nhau cùng lao vào một điều gì hoặc cho nhau một mối làm ăn nào đó, béo bở hay không hạ hồi phân giải. Thuở đó miền Nam Việt Nam đã bại trận, nhưng đất nước chưa thống nhất để có tên gọi là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Miền Nam Việt Nam có chính phủ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, quốc kỳ nửa xanh nửa đỏ có ngôi sao vàng ở giữa. Hoàng Vĩnh Lộc, Minh Đăng Khánh và tôi thường đến Alpha Film của đạo diễn "con nhà giàu" Thái Thúc Nha ở đường Hiền Vương (nay là Võ Thị Sáu) sắp sửa trao lại cho nhà nước toàn quyền sử dụng. Sau này tôi gặp lại Thái Thúc Nha ở một tiệm ảnh nhỏ trên đường Tạ Thu Thâu. Nhà nước đổi cả cơ ngơi điện ảnh của anh để anh lấy tiệm ảnh nhỏ bé này kiếm sống qua ngày. Alpha Film xưa nay có tên xưởng phim Nguyễn Đình Chiểu. Sau này tôi nghe tin Thái Thúc Nha đã chết. Tại Alpha film, chúng tôi gặp đạo diễn Mai Lộc, một đạo diễn của miền Bắc, từng đạo diễn phim Vợ chồng A Phủ. Khi ấy ông làm Cục trưởng Cục Điện ảnh. Ông mời chúng tôi về làm việc tại nhớ ngôi nhà ấy ở đường Lê Quý Đôn. Tôi lo phần kịch bản, qua sự góp ý của hai đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc và Minh Đăng Khánh. Một tháng qua, chúng tôi thật tình vẫn chẳng làm được gì vì công việc viết lách không khó khăn mà phức tạp, đủ mọi khuôn phép, đầy những tính nọ tính kia.

Một buổi chiều, ba người chúng tôi gom những đồng tiền rủ nhau ra quán nhậu nốc nước mắt quê hương", sau một cuộc khẩu chiến với ngài biên tập. Rõ ràng là chúng tôi sai trái vì chúng tôi không đi đúng đường lối chính sách. Chúng tôi đồng ý với nhau là phải ngưng ngay lối làm việc này vì chỉ công toi. Chúng tôi là những người cầm bút chưa "xuyên suốt được sợi chỉ hồng". Chúng tôi cảm ơn sự giúp đỡ và xin phép được ra về.

Hôm ấy cả ba chúng tôi say la đà. Rượu vào thì lời ra, chúng tôi ăn nói linh tinh, chẳng nhớ nói gì đến lúc sẩm tối. Ba tên chát nhau lên chiếc xích lô của người anh em chở về miễn phí. Hình như trong cánh bàn cùng tất cả mọi người đều hào phóng.

Tôi không ngờ sau buổi chiều ấy Hoàng Vĩnh Lộc bị tố, tôi bị vờ hụt ở nhà Minh Đăng Khánh. Trong mẻ lưới ấy hầu hết văn nghệ sĩ chế độ cũ đều bị thu gom vào nhà đá, rồi đi các trại học tập cải tạo.

Tôi may phước biến được xuống Cà Mau làm cu li, vì ở Sài Gòn, tôi đã bị vợ đuổi ra khỏi nhà, lý do đơn giản vì vợ tôi là con nhà liệt sĩ, tôi không biết, trước kia nàng gá nghĩa vợ chồng với tôi là một sai lầm lớn, dù chúng tôi đã có hai mặt con chung. Tôi là đối tượng để căm thù, tôi mang biết bao nhiêu là xấu xa của một vợ cải lương tố Ngụy rở tiền.

Công việc làm cu li của tôi ở Cà Mau lại không xuôi chèo mát mái. Bởi chủ tôi, ông chủ nhiệm Tổ Hợp Việt Nam Kỹ Thuật phạm một sai lầm lớn là mưu đồ vượt biên trốn đi nước ngoài. Ông không thoát, bị tố.

Tôi lại phải biến về Sài Gòn. Về lại chốn này dĩ nhiên tôi tìm gặp lại anh em. Hoàng Vĩnh Lộc ra khỏi tù, một khoảng thời gian ở tù được coi là ngắn ngủi.

Tôi hỏi Lộc:

- Ông làm cách nào ra khỏi tù sớm vậy?

- Tớ học lập tốt nên sớm được về sum họp với gia đình. Và lại tớ bị bệnh tuyến kinh niên, thêm bệnh tim nữa nên rất dễ chết. Ông cụ thi sĩ Vũ Hoàng Chương được tha rồi. Khiêng được về

nhà thì chết. Thằng bạn chúng ta là thằng nhà báo Sao Biển vẫn phải chạy chợ trời kiếm thuốc cho tở trong đấy. Thuốc hay đáo đẽ, cứ tọng vào họng một viên tở chết rồi là sống lại liền.

- Này, ông được tha có giấy tờ chứ?

Hoàng Vĩnh Lộc móc túi đưa tôi xem giấy tờ có một chữ ký đàng hoàng:

- Đây là giấy tạm tha, chỉ tạm tha thôi, lúc nào người ta muốn vồ lại thì cứ vồ. Trong đợt tha về với tở đều là giấy tạm tha hết.

- Cụ Vũ Hoàng Chương được tạm tha rồi chết thì tính sao?

- Thì quịt nợ chứ sao nữa, có lẽ tở cũng sẽ như vậy.

Tôi vỡ nhẽ ra.

Tôi lang thang chợ trời kiếm sống và tiếp tục lui tới nhà Hoàng Vĩnh Lộc chơi. Thời gian này, tài tử xi la ma hết thời Huy Cường cũng thường lui tới với anh. Huy Cường rất quý mến anh. Minh Đăng Khánh thì chưa ra khỏi tù. Hoàng Vĩnh Lộc thường xuyên lên cơn bệnh, vợ anh, chị Hời Hương phải đưa anh vào bệnh viện Nguyễn Văn Học (nay là bệnh viện Nhân Dân Gia Định). Anh cũng thường xuyên chết đi sống lại. Có lần anh đã bị đưa xuống nhà xác nhưng lại sống lại. Anh vẫn tếu như thường. Máu con nhà báo khiến tôi vốn dĩ tò mò, bây giờ lại tò mò đến chuyện khoa học huyền bí. Điều gì tôi không biết, tôi hỏi cho biết:

- Này ông, ông có chết thật không đấy?

- Chết thật chứ giả sao được, tở đã từng bị khiêng đi bỏ vào nhà xác rồi.

- Ông thấy thế nào khi chết?

- Nhẹ nhàng lắm, hết như một giấc ngủ có mơ.

- Ông kể cho tôi nghe được không?

Sao lại không được, lần nào tở cũng thấy mình đi đến một bến đò, chỉ đến đấy thôi là tỉnh dậy, vì lý do gì đó, quên cái gì hay lỡ chuyến đò không chừng.

- Lần sống lại cuối cùng này thì sao?

- Cũng vậy thôi, khi tỉnh dậy tở thấy mẹ Hời ngồi ngay cạnh tở... Suýt nữa thì tở la mụ ấy cản đường làm tở lỡ chuyến đò. Tở biết mình sống lại không hiểu có phải nhờ thuốc hay ông trời bắt tở phải liếp tục sống để trả nợ đời. Cậu quên là tở mới chỉ được tạm tha sao. Tở còn nợ nhiều lắm, hình như chạy nợ không thoát. Không thể biết được chuyện bí mật của trời đất. Biết đâu chuyến sau tở mới gặp chuyến tàu suốt để thoát nợ.

Hai mươi năm sau tôi còn nhớ rành rọt từng lời nói của Hoàng Vĩnh Lộc.

Cuối mùa mưa năm ấy tôi nghe tin Hoàng Vĩnh Lộc đi chuyến tàu suốt. Tôi đến nhà Hoàng Vĩnh Lộc trong lúc tang gia bối rối mà lòng vẫn nửa tin nửa ngờ.

Gặp Sao Biển ở đó, tôi hỏi:

- Anh ta chết thật chưa mà đã khâm liệm?

- Thật rồi, lần này anh ấy đi chuyến tàu suốt quên lấy vé khứ hồi. Hời chiều tở mới đi sắm được cái sơ mi gỗ cho anh ta. Gớm, người gì mà dài quá, cái chân anh ta hơi khèo một chút. Nhưng vẫn còn hơn chết bó chiếu.

Anh em bạn cũ còn nhớ đến anh lác đác đến. Tất cả đều khóc thương anh. Nổi bật nhất là Huy Cường, anh khóc gào thật tình không phải diễn xuất đóng phim:

- Anh Lộc ơi, sao anh bỏ anh em, anh không chờ em đi với, em cũng chán sống rồi. Tôi thường thấy Huy Cường khóc những lúc ngồi uống rượu một mình. Huy Cường uống rượu khan và uống như hũ chìm, không bao giờ dùng đồ mời, dù chỉ một hạt đậu phong đưa cay. Một người nghiện rượu chân chính.

Một năm sau, khi tôi ở trong nhà tù, nhận được mảnh báo gói đồ thăm nuôi, có cáo phó đăng tin Huy Cường tử nạn, tức Vũ Minh Chính bị tai nạn chết bất đắc kỳ tử. Tôi tự hỏi có phải ngày nào anh đã nói gở không?

Huyệt chôn Hoàng Vĩnh Lộc ngập nước mưa. Chuyến ra đi của anh thật ướt át. Tôi lại nhớ hình ảnh con anh ương nằm trong nón sắt vẫn gọi tên anh.

Hoàng Vĩnh Lộc đã trốn thoát nợ đời hơn hai chục năm qua. Biết bao vật đổi sao dời, không biết phần mộ của anh còn không? Vợ con anh đã xa biệt Việt Nam. ở tại Việt Nam, anh còn người thân nào? Tôi không biết. Nghĩa địa trong thành phố hoặc ven đô từng bị đào xới, di dời. Tôi thường nghe nói những phần mộ, những nấm xương tàn vô thừa nhận được xử lý có tình có lý. Tôi chỉ nghe nói như vậy. Ngày cuối năm, tôi muốn đến phần mộ Hoàng Vĩnh Lộc cảm cho anh nén nhang. Nhưng không biết anh nằm đâu, xương cốt anh giờ cũng phiêu linh. Đêm khuya ngồi với bầy muối dổi, tôi đốt một điếu thuốc Bastos, tưởng nhớ đến bạn xưa. Tôi nghĩ đến cái mũ sắt bị bỏ rơi trên chiến trường, bên bờ lau sậy, con ếch ương cô đơn ngồi làm tổ không ngớt gọi tên anh.

Đêm nay trời mưa bão, tôi nhớ hai mươi mấy năm trước, Hoàng Vĩnh Lộc đã nằm xuống vào mùa mưa bão này. Tôi không còn nhớ được chính xác ngày tháng anh em bạn bè nằm xuống như Minh Đăng Khánh, Dương Hùng Cường, Huy Cường và nhiều anh em khác nữa. Nhưng tôi nhớ đến họ và viết về họ để cốt nói lên cái chất của họ. Họ như còn sống mãi bên tôi, tiếng cười câu nói của họ vang mãi trong đầu tôi.

Phụ đính

Nhớ về anh Dương Hùng Cường và những tháng năm ấy Trần Ngọc Tụ



Rượu ngày giỗ bạn

*chén âm dương vỡ giữa đời
thoảng quanh men rượu ngỡ người bên mâm
cuồng say thôi cũng âm thầm
nhấp môi uống nốt mê lâm phù sinh
Sài Gòn tháng 01/1989
ngoctụ
(ngày giỗ đầu anh Dương Hùng Cường)*

Tháng 12 năm 1969, tôi thực sự bắt đầu đời lính tại văn phòng Tham mưu phó Chiến Tranh Chính Trị/Bộ Tư lệnh Không quân Tân Sơn Nhất. Nhiều buổi sáng nơi thời gian ấy tại chỗ để xe ngay trước cửa văn phòng, khi cúi xuống khóa xong chiếc xe gắn máy và ngừng đầu lên, tôi thường được đón nhận lời chào hỏi thân mật, cùng một nụ cười vui kèm theo cái nháy mắt của một ông chuẩn úy đứng tuổi, dáng người cao to có vẻ hơi khệnh khạng, cũng vừa dựng chiếc Honda 65cc màu đen ngay bên cạnh. Cũng ông này, ngay hôm đầu tiên tôi đến văn phòng trình diện và gặp nhau ngoài hành lang của tòa nhà, đã chỉ cho tôi phòng Văn thư và bằng giọng từ tốn kể cả, nói với tôi rằng sao không ở nhà đi học mà lại bước nhầm chỗ vào đây. Quả thật, lúc đó tôi cũng thấy hơi hậm hực vì chẳng hiểu cái nhà ông ma cũ này muốn ra về điều gì với anh

chàng lính mới tò te đây. Đâu biết chức vụ của ông ở văn phòng ra sao và tôi thoáng nghĩ rất nhanh đến hình ảnh một ông thường vụ đơn vị.

Ít lâu sau khi bắt đầu thân quen với anh Dương Hùng Cường, tôi hỏi lại về chuyện cũ ấy thì anh cười, cũng nụ cười vui kèm theo cái nháy mắt, rồi nói rằng nhìn tôi khi đó giống như một cậu học sinh trung học mặc quần áo lính hơn là một ông tân chuẩn úy vừa mới ra trường về nhận nhiệm sở. Năm tháng này, tôi cũng đã hai mươi một hai mươi hai tuổi rồi chứ ít gì, nhưng không lẽ khuôn mặt dù có đeo cặp mắt kính cận thị, vẫn còn non trẻ quá dưới mắt nhìn của anh. Chưa hết, lúc đã được giao tiếp với anh nhiều hơn về sau, lắm hôm gặp anh trong quán bún bò dưới khu khu gia binh khi đi ăn sáng, anh hay nói với cô chủ quán quen làm thêm cho anh ly cà phê sữa, nhưng không cần đổ sữa vào vì chỉ cần nhìn mặt tôi là thấy đã có đủ sữa rồi. Đây là sự đùa vui thân mật của anh, còn thường ra anh có thói quen vẫn hay uống một chai *la de* Con Cọp loại lớn vào buổi sáng, theo cách nói của anh là để súc miệng. Cùng khi đó, tôi biết anh là ông Dê Húc Càn, người phụ trách mục *Cà kê dê ngỗng* của tuần báo trào phúng Con Ong mà tôi có đọc hàng tuần. Anh còn ký một tên nữa là Lão Dương nơi các bài viết khác. *Cà kê dê ngỗng* là trang báo châm chọc chế diễu đủ loại khuôn mặt trong xã hội đương thời với các tình tiết sự việc liên quan và có số lượng độc giả đáng kể. Thời gian ấy, tôi cũng không hiểu do đâu mà anh lại có thiện cảm với tôi và nào biết trước được rằng từ chỗ thân quen ban đầu như thế, anh và tôi sẽ lại tiếp tục giao tình nhiều hơn với nhau cho tới mãi tới những tháng năm sau này. Một phần, chắc là anh thấy tôi hay đi chung với mấy anh em trong nhóm các cây bút của Tập san Lý Tưởng Không quân như Khải Triều, Kiêm Thêm, Phan Lạc Giang Đông, Minh Triệu_Ngô Văn Đắc, Trần Kim Nho, Thanh Chương, Hoàng Bá Thủy...mà anh cũng có thân tình từ trước nên tự nhiên tôi được ăn theo chút gì đó chẳng. Phần khác, có thể vì khi chuyện trò buổi sơ giao, tôi đã nhắc tới mấy chi tiết về nhân vật *Pi lốt Thái Bình* trong quyển *Buồn vui phi trường* của anh, từ đó dễ lấy được cảm tình của ông nhà văn nhà báo, có tiếng lừng khùng và kén chọn trong việc giao tiếp với những người cùng đơn vị. Trong thâm tâm tôi đoán rằng anh nhận rõ cách cư xử biết trên dưới và trọng kính người lớn tuổi của tôi, qua việc luôn giữ một khoảng cách cần thiết, không có sự vồn vã tự nhiên thái quá như thể tự cho là ngang hàng với anh, thường thấy nơi một vài anh em khác. Đây cũng là điều tôi luôn nhắc mình khi giao tiếp với những người vai bậc, ở mọi nơi chỗ, ngay cả lúc đã có độ thân thiết gần gũi đến đâu đi nữa.

Qua mấy người cùng phục vụ ở văn phòng Chiến Tranh Chính Trị với anh từ nhiều năm trước, cũng như qua lời anh kể, tôi biết anh đã có chiều dài mười mấy năm thâm niên quân vụ và là một ông Thượng sĩ kỳ cựu, mãi rồi cũng mới lên Chuẩn úy được ít lâu. Anh nhập ngũ vào Không quân năm 1953 từ hồi còn ngoài Bắc và thoát đầu tiên là ứng viên hoa tiêu, nhưng lúc sang Pháp học thì lại chuyển sang kỹ thuật rồi trở thành một chuyên viên Kiểm soát Không lưu. Trước khi chuyển về phòng Tâm Lý chiến / Bộ Tư lệnh Không quân hồi 1965, anh có thời gian phục vụ khá lâu tại phi trường Biên Hòa, với công việc chuyên môn là ngồi trên *lầu gương* (đài Kiểm soát Không lưu) hướng dẫn các phi cơ lên xuống.

Dễ dàng nhận ra anh là một con người đầy cá tính, có vẻ hơi lè phè ngang ngang, như thể bất cần đời. Nói theo kiểu nhà binh thì dễ bị xếp vào loại ba gai, nhưng thật ra anh rất phóng khoáng đầy nghệ sĩ tính, ưa đùa tếu và châm chọc người này người kia, lại còn như luôn ẩn chứa trong người một chút bất mãn nào đó thì phải. Và dường như cũng chính các điều ấy đã đem đến cho anh nhiều bất lợi và phiền phức, cùng sự rắc rối trong binh nghiệp cũng như trong sinh hoạt báo chí, nhất là qua những bài viết hàng tuần của anh trên tờ Con Ong. Người quý mến anh thì nhiều mà người ghét anh dĩ nhiên cũng không phải là ít.

Có một chuyện để hiểu thêm về cá tính của con người anh, đó là người cùng khóa khi vào lính với anh ngày nào giờ lại chung đơn vị, đã lên Thiếu tá và thời điểm ấy là ông sếp của tôi tại văn phòng (Thiếu tá Bùi Hoàng Khải, Trưởng phòng Kế hoạch & Chính huấn), trong khi anh thì mãi rồi cũng chỉ mới thay được cái lon Thượng sĩ bằng lon Chuẩn úy. Tuy vậy, với anh thì vấn đề

này chẳng lấy gì làm quan trọng cho lắm. Sự gập ghềnh trong đường lon lá quân ngũ của anh, còn do một nguyên nhân khác là vì anh đã không chịu tham dự việc thụ huấn các khóa tu nghiệp theo yêu cầu.

Sếp tôi kể rằng hồi ở quân trường bên Pháp, anh Dương Hùng Cường nằm giường trên và sếp tôi thì ở dưới. Và mỗi tối cuối tuần, ông khóa sinh nằm giường trên này luôn luôn về phòng lúc đã khuya, nhiều hôm có tí men nên khi chuển choáng leo lên giường cứ dẫm đạp bừa phứa. Gặp phải sự phản nản là cà khịa lại ngay, có nhiều lần suýt xảy ra thượng cẳng chân hạ cẳng tay với nhau đến nơi, may thay đều được can ngăn kịp thời. Hồi anh về chuyện nơi tháng ngày đi Tây ấy thì anh nháy mắt cười hề hả khoái trá.

Khi anh được chuyển từ Biên Hòa về Phòng Tâm lý chiến Khối Chiến tranh Chính trị Bộ Tư lệnh Không quân, để góp phần hình thành ban biên tập trong vai trò phụ trách tòa soạn, và là một trong những cây bút chủ lực cho tờ Lý Tưởng Không quân ngay buổi đầu, vào năm 1965 thời Trung tá Vũ Đức Vinh. Rồi tưởng chừng sẽ gắn bó lâu dài với nơi đây, nhưng cũng chỉ được vài năm. Sau khi Trung tá Vũ Đức Vinh ra phụ trách Đài Phát thanh, tiếp đến qua những lần thay đổi nhân sự phụ trách tờ báo, anh đổi xuống Phòng Thông tin Báo chí và ngồi ở đây suốt mấy năm liền cho đến khi xảy ra chuyện như sau này, đưa đẩy anh sang một khúc quanh khác. Tôi quen biết anh vào thời điểm ấy, lúc bắt đầu đời lính Không quân của mình.

Đây là quãng thời gian tương đối bình lặng của anh, và anh sống với thế giới văn nghệ báo chí bên ngoài nhiều hơn là với công việc đều đặn, cùng khung cảnh gò bó tại chỗ làm việc. Và chính sinh hoạt bên ngoài ấy mới giúp anh có thêm điều kiện về tiền bạc để lo toan cho một gia đình có các con còn nhỏ, trong lúc chị Vũ Hoàng Oanh, bà xã anh là cô giáo dạy đệ nhất cấp, lương bổng hàng tháng thì cũng chừng mực trong giới hạn.

Đặc biệt anh chỉ thích đội mũ *calô* xanh chứ không phải mũ lưỡi trai đen như số đông dân Không quân văn phòng. Anh nói đấy là thói quen lâu năm rồi, nhưng còn một lý do nữa là loại mũ này dễ cất gọn trong *cốp xe*. Anh mách nước cho tôi về việc nên có hai cái mũ, một sẽ để trên mặt bàn mỗi sáng khi vào làm việc và bắt chọt cần linh đi đâu, xuống khu gia binh tí chút chẳng hạn, thì đã có sẵn một mũ khác cất ở ngoài xe, như thế không bị để ý lắm đến sự vắng mặt trong chốc lát của mình tại văn phòng.

Tôi không biết về tâm trạng giữa các con người trong anh, một ông nhà binh tại đơn vị với những chi phối ràng buộc tất yếu về quân phong quân kỷ và một ông ký giả trào phúng của làng báo, có lối viết móc họng bạt mạng chẳng kiêng nể gì ai, bên cạnh đó còn có một ông nhà văn đã xây dựng và giới thiệu những nhân vật nổi bật qua nhiều trạng thái tình cảm tâm lý nơi từng trang truyện. Và có sự tác động lẫn lộn qua lại nào không giữa các con người ấy.

Anh em ở văn phòng kể lại rằng dạo 1968, sau biến cố Tết Mậu Thân rồi Tổng công kích đợt hai, đơn vị Cắm trại và Cắm quân liên tục. Có một tối, chắc cũng sau một chiều *la de con Cọp* vi vút tới nơi tới chốn dưới khu gia binh, rồi do thần tửu ma men đã bắt đầu nhập vào cùng sự căng thẳng dồn nén nào đó hay sao mà ông anh mình chỉ quần xà lỏn áo may ô, cứ giơ chân múa tay, đi tới đi lui ca hát ngêu ngao om sòm, rồi to giọng nói năng huyền thuyên đủ thứ chuyện rất dễ đụng chạm ngoài sân cò. Ông Tư lệnh, khi đó là Thiếu tướng Trần Văn Minh (sau lên Trung tướng) đứng ở ban công trên văn phòng Bộ Tư lệnh nhìn xuống thấy hết tất cả và nhận ra anh, nên cho gọi người đưa anh vào đi ngủ. Ông Tư lệnh cũng là một con người văn nghệ, rất yêu quý văn chương chữ nghĩa nên mới có cách giải quyết nhẹ nhàng dễ thương như vậy, chứ cứ thường ra ở nơi chỗ nào khác và cấp chỉ huy khác, thì không biết điều gì sẽ đến với anh.

Sau này, qua chuyện trò ở gia đình thì được biết thêm rằng cũng thời gian ấy, trên đoạn đường về gần tới nhà giữa đêm khuya vào giờ giới nghiêm, nhiều lần anh đã to tiếng cự cãi với toán Cảnh sát dã chiến trực gác tại cầu chữ Y và người thì nồng nặc hơi men. Đã quá quen mặt ông quan nhà binh có tuổi và là một ký giả tiếng tăm của làng báo, cư ngụ ở xóm nhà vùng Chánh Hưng nằm phía dưới chân cầu, vẫn thường chạy xe qua cầu rất lạng quạng trong đêm, có lần

các anh em cảnh sát ở đây đã phải đưa anh về tận nhà, vì sau lúc bị chặn lại tại trạm kiểm soát đã kéo *công xec ti na* (vòng rào kẽm gai hình ống xoắn), thì xe Honda cùng ông quan túy tửu đổ kênh ra đường, coi như hết còn đi tiếp được nữa.

Khoảng cuối năm 1971, Thiếu úy Dương Hùng Cường lên trường Đại học Chiến tranh Chính trị Đà Lạt theo học một khóa Sĩ quan Căn bản Chiến tranh Chính trị để điều chỉnh cấp bậc và rồi sau đấy lên Trung úy. Những tưởng từ đây mọi chuyện bắt đầu tiến triển êm xuôi tốt đẹp với anh, nhưng đến qua giữa năm 1972, anh vướng vào một vụ việc khá căng thẳng, khiến anh phải khấn gó ra Sư đoàn 3 Bộ binh ngoài Đà Nẵng mất cả năm sau mới được về lại Không quân, nhưng phải đổi sang ngành khác, không còn ở Chiến tranh Chính trị nữa. Bối cảnh và đầu đuôi, cũng như diễn tiến sự việc, không nằm ngoài chuyện viết lách cùng với kiểu túy ngôn bất kể quân thần trời đất, dễ thấy nơi anh. Tôi còn nhớ ít nhiều những điều liên quan đến anh Dương Hùng Cường về chuyện ấy...

Vào thời điểm năm 1972, đất nước trải qua chiến sự *mùa hè đỏ lửa*, như thêm một nhắc nhở nữa về sự vô cùng khốc liệt của chiến tranh, với mọi khổ hạnh đau thương và nỗi ám ảnh lo sợ thường trực trước những cái chết không rời. Sau dấu mốc này được vài tháng thì Không quân có đợt tuyển mộ Tân binh và Hạ sĩ quan kỹ thuật. Cũng dễ hiểu trạng thái tâm lý tự nhiên của các gia đình có con em ở vào độ tuổi động viên trong hoàn cảnh đó. Vì thế mà số lượng các bạn thanh niên tập trung tại khu vực cổng Phi Long để chờ nộp đơn ứng tuyển vào Không quân vô cùng đông đảo, có ngày dễ chừng lên tới con số hàng ngàn người. Cũng đã dự trù trước được tình trạng này và để tránh những điều tiếng dư luận không hay có thể xảy ra, Bộ Tư lệnh Không quân đã cho thành lập một Hội đồng tuyển mộ để lo việc tiếp nhận đơn của ứng viên, tổ chức từng đợt thi cử rồi chấm thi và công bố kết quả. Ngoài Khối Nhân viên phụ trách chính, còn có đại diện của nhiều đơn vị, phần sở khác cùng tham gia. Về phía Chiến tranh Chính trị, tôi được văn phòng biệt phái tham dự Hội đồng đó.

Vào những ngày nhận đơn tại cổng Phi Long, ngoài nhiệm vụ phụ giúp việc hướng dẫn, giải thích mọi vấn đề cho các ứng viên cũng như tiếp nhận hồ sơ, tôi còn phải tiếp đón và kịp thời trả lời mọi câu hỏi hay thắc mắc của giới báo chí muốn biết những gì liên quan đến đợt tuyển quân này. Có thêm một sĩ quan nữa trong văn phòng ra tăng cường và được thay đổi luân phiên mỗi hai tuần. Anh Dương Hùng Cường ra ngoài cổng Phi Long với tôi trong một lần như thế. Công việc cũng khá mệt nhọc vì thời tiết nắng nóng và phải ngồi ở đó liên tục suốt ngày, từ sáng sớm cho đến chiều, khi giải quyết xong hết hồ sơ của vài trăm số thứ tự để nộp đơn đã được phát ra. Trong ngày, anh em chúng tôi chỉ kịp trao đổi với nhau vài câu lúc ra phía sau uống nước để nhấp giọng. Tôi nhớ sau một buổi chiều thật bỡ ngỡ nơi thời gian này, anh Dương Hùng Cường rủ tôi đi ra phố uống bia, nhưng tôi đã thoái thác vì biết rằng những nơi chỗ anh thường lui tới ngoài Sài Gòn với bạn hữu của anh trong giới văn nghệ báo chí, không phải là chỗ mà tôi có thể tham dự. Trước đấy, thỉnh thoảng tôi chỉ đi với anh đến những quán hàng loanh quanh trong phạm vi căn cứ Tân Sơn Nhất, mỗi khi có dịp.

Thế rồi chừng hai ba hôm sau, chưa tới đợt thay người, thì bất chợt một buổi xế trưa, có viên sĩ quan an ninh đến khu vực Ban tuyển mộ đưa giấy mời anh Dương Hùng Cường về trình diện Khối An ninh Không quân. Nét mặt anh hơi biến sắc và tôi cũng thấy giật mình, không biết chuyện gì đã xảy ra. Rất nhanh, tự nhiên tôi thoáng nghĩ thầm, không lẽ anh lại dính dáng vào chuyện *áp phe* vật gì đó trong việc tuyển mộ này.

Khỏi phải nói, văn phòng Chiến Tranh Chính Trị thật xôn xao và đủ thứ bàn luận, phán đoán. Mấy ngày tiếp theo mọi việc được rõ ràng hơn. Qua tin tức từ bên An ninh Không quân và do anh Trần Tam Tiệp dò hỏi thêm được các chi tiết, thì ra chỉ vì lời qua tiếng lại giữa anh và mấy ông Dân biểu trẻ trong Khối Quốc gia, là thành phần thân chính quyền ở Hạ viện, tại nhà hàng Thanh Thế nơi buổi chiều hôm ấy mà nên có sự. Và trong buổi chiều hôm ấy, chắc hơi men đã bốc lên ngất trời, rồi giữa cơn túy lúy, anh Dương Hùng Cường thốt ra vài câu nói mà những vị

kia cho rằng xúc phạm nặng nề đến họ, cũng như cơ quan dân cử, đại để như thể anh sẽ bọp tai đá đít tất cả, dù có là ai hay ở đâu đi nữa gì đó...

Ngay hôm sau, lấy cớ này để làm to chuyện, các ông Dân biểu nhà mình liền thực hiện tiến trình báo cáo nội vụ sự việc đến các nơi cần thiết. Điều này chỉ là giọt nước tràn ly, vì vốn đã có sự đề tâm hiềm khích anh từ lâu, qua những bài viết gây nên ân oán của anh trên tờ Con Ong, từng ít nhiều đụng chạm đến hoạt động nghị trường của họ.

Các giới chức thẩm quyền cao cấp vào cuộc với những chỉ thị gay gắt. Trong tờ trình về phía Không quân, đã cố gắng trình bày những tình tiết mong giảm nhẹ phần nào tính chất vụ việc cho anh, nhưng rồi cuối cùng nguyên văn câu bút phê có chữ ký của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ghi bên cạnh tờ tường trình của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị như sau: “sĩ quan CTCT tuyên bố láo lếu, thuyên chuyển khỏi Quân khu”. Tôi có được nhìn thấy bản sao chụp tờ tường trình ghi hàng chữ đó gửi cho văn phòng Chiến tranh Chính trị Bộ Tư lệnh Không quân. Trong vụ việc này còn có anh Nguyễn Vũ, cũng mới thuyên chuyển về Cục Chính Huấn được ít lâu, không biết buổi chiều hôm ấy có nói năng điều gì, nhưng tôi nghĩ anh Nguyễn Vũ bị vương vạ lây vì ngồi chung bàn với anh Dương Hùng Cường trong cuộc rượt.

Thế rồi anh lên đường ra Sư đoàn 3 Bộ binh ngoài Đà Nẵng và được giao cho làm sĩ quan Binh thực, đi kiểm soát các nhà ăn, thuộc Tổng hành dinh tại Bộ chỉ huy Sư đoàn. Trên thực tế, công việc chính thức như vậy nhưng một nhiệm vụ bên cạnh khác của anh là phụ trách viết bài tường thuật mỗi khi có các chiến thắng của đơn vị, rồi về gửi đăng tải trên báo chí ở Sài Gòn. Trước đó, Sư đoàn 3 Bộ binh thời Chuẩn tướng Vũ Văn Giai, được biết đến như một đơn vị trừng giới, vì ngoài lực lượng quân số bình thường, còn gồm nhiều thành phần quân nhân phức tạp các cấp có vấn đề từ các nơi được thuyên chuyển về, hay những quân phạm, lao công đào binh...sau khi đã thụ án phạt kỷ luật xong được hồi ngũ, cho nên hiệu năng chiến đấu là cả một vấn đề. Rồi trong chiến trận năm 1972 với vụ việc Trung tá Phạm Văn Đĩnh dẫn Trung đoàn 56 của Sư đoàn đầu hàng giặc, gây nên một tổn thương lớn cho đơn vị và quân đội, đưa tướng Vũ Văn Giai đến chỗ mất chức rồi phải nhận một án phạt nặng nề.

Khi Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh về thay thế làm Tư lệnh, thì mọi việc được chấn chỉnh và cải tiến dần. Sư đoàn đã bắt đầu khởi sắc và có những chiến thắng quan trọng tại mặt trận. Điều này cần phải được giới thiệu và quảng bá rộng rãi để tạo lại uy tín cho đơn vị cũng như cổ vũ sĩ khí cho quân nhân các cấp trong chiến đấu và phục vụ. Anh Dương Hùng Cường có mặt tại sư đoàn 3 Bộ binh giữa hoàn cảnh đó để nhận lấy công việc này và hoàn toàn nằm trong khả năng của anh. Cũng là điều tốt, chứ nếu không thì nào biết sẽ ra sao cho một ông Trung úy Không quân gần hai mươi năm lính, gốc ngành kỹ thuật lâu ngày, rồi ngồi ở văn phòng và chỉ cầm bút chữ chưa hề có được một ngày trực tiếp đối đầu với súng đạn.

Cũng phải nói là nhờ có thêm sự giới thiệu gửi gắm từ các giới chức thẩm quyền Không quân. Anh Trần Tam Tiệp, lúc đó còn mang lon Thiếu tá, đã lo liệu mọi chuyện trong việc này. Không những thế, ngay từ lúc nghe tin anh Dương Hùng Cường bị giữ tại an ninh Không quân, anh đã đôn đáo gõ cửa khắp nơi để dò hỏi và có thể làm tất cả những gì tốt nhất cho anh ấy. Anh Tiệp là một sĩ quan kỳ cựu, xuất thân khóa 2 Nam Định rồi đi học Không quân bên Pháp và có mặt ở quân chủng từ những ngày đầu thành lập. Đã từng trải qua nhiều chức vụ chỉ huy tại khắp các đơn vị Không quân, kể cả bên ngành an ninh, nên uy tín cũng như mối giao thiệp của anh Trần Tam Tiệp rất rộng rãi. Nhờ vào sự tận tình giúp đỡ đó mà anh Dương Hùng Cường có được nhiều dễ dàng thuận lợi hơn trong thời đoạn khó khăn đã gặp phải này.

Tôi cũng có giao tình như huynh đệ từ nhiều năm với anh Trần Tam Tiệp, qua việc cùng chung một sở thích là ham chuộng bộ môn bóng tròn. Cứ mỗi cuối tuần vào mùa tranh giải vô địch túc cầu hàng năm, hay những khi có các trận đá banh quốc tế, chúng tôi thường ngồi cạnh nhau tại sân banh Cộng Hòa để dự khán các trận cầu và trao đổi các bàn luận, đặc biệt ở những lần đội banh Không quân trực thuộc Ban Thể dục Thể thao văn phòng Chiến tranh Chính trị ra sân. Vì ông sếp của tôi tham gia vào sinh hoạt làng bóng ngoài dân sự và là Tổng Thư ký của Tổng cuộc Túc cầu, nên tôi vẫn phụ giúp ông chuyện này chuyện nọ ít nhiều trong công việc này.

Nhờ đó, tôi có được một thẻ Thường trực để vào cửa xem đá banh quanh năm không phải mua vé. Anh Trần Tam Tam Tiếp rất thân quen với ông sếp tôi, nên cũng có một thẻ như thế. Là sĩ quan cấp tá, nhưng anh Trần Tam Tam Tiếp thật xuề xòa bình dân đầy nghệ sĩ tính. Anh sinh hoạt văn chương báo chí và hơi kín tiếng vì khiêm hạ, nhưng là người luôn vui vẻ để sẵn sàng giúp đỡ tất cả mọi người quen biết với tất cả tấm lòng và những gì có thể, nên ai cũng vô cùng quý mến anh. Anh không nói kể gì nhiều nhưng tôi biết được kết quả tốt đẹp của nỗ lực tích cực vận động, gõ cửa mọi nơi chỗ của anh để nhờ can thiệp, giúp đỡ cho anh Dương Hùng Cường...

Lần đầu tiên về Sài Gòn sau khi ra đơn vị mới chừng vài tháng, anh Dương Hùng Cường ghé vào văn phòng thăm mọi người trong bộ quân phục tác chiến, đầu đội mũ vải rộng vành trông rất ngon lành và anh nói đang ở trong Đại đội trinh sát. Lúc ra ngoài cửa, tôi ghé tai anh hỏi nhỏ về số ruồi đã bị thanh toán, anh huých tôi và nháy mắt cười cười rồi nói khẽ... *nhờ bạn mình tí, để yên cho nhau làm việc...*

Khoảng một năm sau anh Dương Hùng Cường được về lại Không quân nhưng phải đổi sang ngành Hành chánh chứ không còn ở Chiến tranh Chính trị nữa và anh trở thành “học trò” của tôi.

Trước đây, Không quân vẫn phải gửi sĩ quan Hành chánh sang thụ huấn bên trường Tổng Quản trị Bộ Tổng Tham Mưu, nhưng sau rồi được phép mở riêng những khóa Sĩ quan hành chánh để kịp thời cung ứng nhân lực cho Quân chủng. Khóa sinh theo học là các sĩ quan mới ra trường và các sĩ quan hành chánh ở đơn vị, đã thâm niên cấp bậc nhưng chưa có Âm số chuyên nghiệp quân sự (danh từ nói về các ngành trong quân đội) để hợp thức hóa. Anh Dương Hùng Cường thụ huấn khóa thứ hai thì phải.

Trong nội dung chương trình huấn luyện kéo dài khoảng gần bốn tháng, ngoài phần chuyên môn Hành chánh Quản trị, hàng tuần còn có những giờ về Chiến tranh Chính trị và Lãnh đạo Chỉ huy do văn phòng Chiến tranh Chính trị phụ trách. Tôi được văn phòng phân công tham gia Ban Giảng huấn để đảm nhận các đề tài đó.

Thường ra khi theo học một khóa chuyên môn tại Sài Gòn, là thời gian thanh thoi và thư thả cho các sĩ quan khóa sinh, nhất là với những người mà gia đình ở ngay tại đây. Nhưng anh Dương Hùng Cường lại có vẻ khác mọi người đôi chút. Anh có vẻ trầm tư và rất chăm chú khi đều đặn có mặt ở phòng học, không hề vắng một buổi nào. Anh ngồi ngay bàn đầu và nói như thế để làm gương cho các sĩ quan khóa sinh trẻ và cũng khỏi mang tiếng anh em nhà với nhau. Tôi đoán chắc rằng cả năm trời phải xa mái ấm gia đình vì chuyện không đâu ấy, đã để lại trong anh nhiều suy nghĩ đắn đo hơn. Mãn khóa học anh được phân bố về sư đoàn 4 Không quân dưới Cần Thơ. Nơi đây không phải chỗ xa lạ gì lắm vì anh cũng có nhiều thân hữu quen biết ở đơn vị mới.

Lần sau cùng tôi gặp anh trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 là vào khoảng tháng mười hai năm 1974. Anh đi phép và ghé vào Tân Sơn Nhất thăm bạn hữu anh em. Xuống Khu gia binh uống cà phê, anh nói với tôi rằng đang bắt đầu chuẩn bị việc in ấn quyển *Vinh biệt Phụng* là tác phẩm thứ hai sau *Buồn vui phi trường* (sau đó quyển này vừa in xong chưa kịp phát hành thì 30 tháng Tư). Buổi sáng hôm ấy, tôi nhớ cũng có cả anh Nguyễn Đình Thiệu, ở tờ Lý Tưởng phòng Tâm lý chiến cùng thời với anh Dương Hùng Cường đạo trước và đã thuyên chuyển đi Căn cứ Không quân Phan Rang mấy năm rồi. Thời gian đó, Thiếu tá Sĩ Phú là Trưởng khối Chiến Tranh Chính Trị ở đơn vị này. Anh Nguyễn Đình Thiệu từ Phan Rang về và ghé qua Sài Gòn trên đường ra trình diện Trại Cai nghiện ma túy của Quân đội ngoài Phú Quốc. Tôi được tin anh từ trần tại đây vào cuối tháng Giêng năm 1975.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 ập đến, tan tác chia lìa xa cách, biệt tăm tích tất cả, không một tin tức dấu vết gì của những tình thân một thời. Rồi những tháng năm tù đầy tiếp theo càng mù mịt thêm những thân quen xưa cũ.

Tháng Bảy năm 1976 tôi từ Phú Quốc chuyển về Long Giao (Xuân Lộc). Tôi nghe một anh bạn tù cải tạo cùng đội, ngày trước cũng có làm báo ở Sài Gòn, nói rằng đã gặp anh Dương Hùng Cường trong một lần Tổ của anh đi lao động ngoài cánh rừng cao su Cẩm Mỹ. Khu Long Giao này vốn là doanh trại cũ của sư đoàn 18 Bộ binh, được bộ đội cộng sản chia ra thành nhiều Trại và ngăn cách nhau bằng những hàng rào kẽm gai, rất khó cho việc dò hỏi tin tức qua lại. Từ đó, mỗi khi đi làm chỗ này chỗ nọ bên ngoài, tôi đều để ý nhìn sang khu vực các đội bạn chung quanh nhưng không thấy anh bao giờ.

Rồi giữa năm 1977, tôi bị đưa ra Bắc. Trong thời gian mấy năm ở các trại ngoài đó, từ Yên Bái lên Phong Quang (Lào Cai) rồi về Vĩnh Quang (Vĩnh Phú), tôi ở chung và quen biết với Dương Đức Phong, một người anh em bà con họ hàng cũng rất gần với anh Dương Hùng Cường. Qua một lần gia đình Phong ra thăm nuôi năm 1980, cho biết anh Dương Hùng Cường đã được về từ hồi 1978. Có lẽ nhờ việc anh đã chuyển sang Hành chánh, chứ nếu còn thuộc Chiến tranh Chính trị thì chắc chắn phải chịu mức tù cải tạo ít là sáu năm và cũng sẽ bị đưa ra Bắc như tôi. Được biết thêm anh chị và các cháu đã dọn nhà về một khu xóm trong hẻm trường Nữ quân nhân đường Nguyễn Văn Thoại cũ, không còn bên Chánh Hưng quận Tám nữa.

Khi được về vào cuối tháng Giêng năm 1981, nhờ có Dương Đức Phong, tôi và anh Dương Hùng Cường gặp lại nhau. Ngay lần đầu tiên, sau lúc vui mừng hàn huyên gặp gỡ, anh nói với tôi rằng anh Trần Tam Tiệp đã nhắn tìm tôi từ lâu và ghi cho tôi địa chỉ để sớm thư từ liên lạc. Anh ấy tham gia sinh hoạt báo chí bên Paris và hiện đang là Tổng thư ký Văn bút Việt Nam hải ngoại. Tôi đón nhận điều này trong tâm tình thật cảm động và cũng không để tâm hỏi anh Dương Hùng Cường có được tin tức về anh Trần Tam Tiệp từ đâu. Với anh Trần Tam Tiệp thì thời gian ở Không quân rồi quen biết anh, tôi như một đứa em thực sự và rất gần gũi anh, nhất là từ sau vụ việc của anh Dương Hùng Cường năm 1972. Tôi có nghe biết về việc bà xã anh đã đem các con sang Pháp sinh sống sau biến cố chính trị 1.11.1963, nhưng không hiểu vì lý do gì và tôi cũng không bao giờ tìm hiểu thêm về điều đó. Chỉ biết từ sau ngày ấy, anh sống lặng lẽ một mình, thật mầu mực đức hạnh trong niềm vui công việc và tình thân hữu huynh đệ với mọi người, cách riêng với các anh em đội ban Không quân như sau này. Thời gian thân quen nhau, nhiều buổi tối, tôi vẫn hay ghé thăm anh tại căn nhà nhỏ anh ở thuê bên hông nhà thờ Tân Sa Châu. Rồi thường xuyên hơn từ dạo 1974, khi anh dọn về trong con hẻm dọc theo đường rầy xe lửa phía bên kia đường Nguyễn Huỳnh Đức, cũng gần khu cổng xe lửa số 6 nhà tôi. Thời gian này, ngoài việc vẫn cộng tác với tập san Lý Tưởng Không quân, qua bút hiệu Đạo Cù, Mai Khuê, anh có viết phiếm luận và bài cho tờ Báo Đen của người bạn là Trung tá Không quân Bồ Đại Kỳ và do anh chị Trần Dạ Từ & Nhã Ca trực tiếp phụ trách. Anh hay nói với tôi về các đề tài sẽ khai triển nơi các bài viết. Tôi giúp anh trong việc liên lạc với Phong trào chống tham nhũng của Linh mục Trần Hữu Thanh Dòng Chúa Cứu Thế và Linh mục Đinh Bình Định ở nhà thờ Tân Chí Linh, mà anh có tham gia nhưng không lộ diện. Ngoài ra, anh cũng bắt đầu khởi công việc thực hiện quyển Quân sử Không quân mà anh vừa được giao phó. Nhiều buổi tối, tôi đến phụ giúp anh sắp soạn và phân loại các tài liệu, hình ảnh đã có sẵn về từng nhân vật, con người Không quân cũng như các đơn vị và sinh hoạt từ những ngày phi thai hình thành quân chủng. Thế rồi cái ngày 30 tháng Tư năm ấy...

Lão Dương Dê Húc Càn và tôi ở một đoạn đời

Khoảng hơn hai tháng sau lần gặp đầu tiên, anh Dương Hùng Cường tìm tôi và nhắc về việc gửi thư cho anh Trần Tam Tiệp. Anh đang nóng lòng mong tin thư vì biết tôi đã được về. Rất thật lòng, tôi vẫn do dự và ngần ngại mãi trong việc thư từ ra ngoại quốc, dù rằng cho một người thân quen như anh Trần Tam Tiệp, kể cả với anh chị em trong gia đình. Đây là điều tự nhiên dễ hiểu đối với một người vừa rời khỏi trại tù cải tạo, vì sợ rằng sẽ tạo cho người nhận một ý nghĩ gọi nhắc xa gần đến sự giúp đỡ gì đó.

Nhưng rồi qua cô bạn trẻ Nguyễn Thị Nhạn ở Phòng Ngoại dịch Bưu điện thành phố lúc đó, do anh Trần Tam Tiệp giới thiệu (hiện Nhạn đã định cư ở New York được vài năm nay), tuổi mới ngoài hai mươi nhưng rất lý tưởng và tràn đầy nhiệt huyết, thật khôn ngoan trong việc xử dụng tiền bạc vật chất để làm mờ mắt đám cán bộ chung quanh mình, khéo léo ẩn dấu việc thư đi tin lại trong những gói bưu kiện gửi đi và nhận về_tôi bắt đầu có được sự liên lạc thuận tiện với anh Trần Tam Tiệp. Kể từ đó, tôi đã gửi sang anh một số bài vở của tôi cũng như của vài thân hữu (anh Lữ T. Nguyễn Công L._hiện bên San Jose, nhạc sĩ Th. Tr., người bạn tù ở Long Giao, cũng bên Cali...và mấy người khác đang còn trong nước. Trong việc khai báo cung từ khi bị bắt sau này, tôi đã hết sức cố gắng tránh né và đã không để một ai có liên quan đến tôi phải bị liên lụy). Và cứ cách một vài tháng, tôi nhận được gói quà 2 pounds thuốc tây mà tôi biết là có được ở khoản bớt ra từ lương tháng của anh, đã giúp tôi giải quyết được phần nào khó khăn cuộc sống cho gia đình khi ấy.

Thỉnh thoảng tôi còn được đọc vài loại báo chí hải ngoại do anh gửi về qua cô Nguyễn Thị Nhạn (tờ Kháng chiến, Nhân chứng ở Hoa Kỳ, Nhất Việt, Nhân Bản ở Pháp...). Tôi cũng giúp anh trong việc liên lạc với một hai nhân vật tại Sài Gòn như Linh mục Thanh Lãng. Lúc ấy Cha đang bị mấy thứ bệnh và cư ngụ tại căn nhà nhỏ trong khu xóm đạo phía bên trong đường Nguyễn Văn Thoại cũ, gần với nhà thờ Chí Hòa. Một người cháu là sinh viên còn đi học sống cùng nhà với Cha và ban ngày thì có người đến giúp việc bếp núc cũng như dọn dẹp nhà cửa. Năm học đệ Tam thời trung học, tôi là học trò của Cha ở trường Lê bảo Tịnh và khi mới lên đại học cũng có dự những giờ của thầy Thanh Lãng trong thời gian ghi danh học thêm một chứng chỉ bên Văn Khoa. Tôi mang đến mấy loại thuốc về tiểu đường và đau khớp mà anh Trần Tam Tiệp gửi về biếu Cha. Hình ảnh ông Chủ tịch Văn bút lầy lừng một thời, cùng vóc dáng một Linh mục nhà giáo cao to đĩnh đạc, có thêm chút chải chuốt điệu dàng ở trường Văn Khoa ngày nào đã đi đâu mất tiêu. Trước mặt tôi lúc đó là một người đàn ông hom hem khắc khổ và chỉ có đôi mắt còn lại vẻ tinh anh trong thứ ánh sáng nhờ nhờ của căn phòng, ở quanh vách tường là các kệ gỗ chất đầy sách. Trong chuyện trò thân tình, Cha hỏi tôi có mối liên hệ thân thuộc nào không giữa anh Trần Tam Tiệp và Linh mục Trần Tam Tĩnh, cũng đang sống bên Pháp. Cha say sưa khoe kể về mấy công trình biên khảo văn học đã thực hiện thêm sau này và việc biên soạn bộ từ điển Việt-Bồ-La đang tiến hành. Rồi bằng giọng trầm buồn, Cha cũng nói về tâm trạng day dứt khôn nguôi và nỗi ân hận dày vò qua việc đã tham dự vào diễn tiến yêu cầu Đức Tổng Giám mục Phanxicô Xavie Nguyễn Văn Thuận phải đi khỏi Tổng Giáo phận Sài Gòn đạo tháng 5/1975, chỉ sau ngày Ba mươi tháng Tư được đâu hơn tuần lễ, khi mà tháng trước đó Ngài vừa mới có bài sai về làm Tổng Giám mục phó với quyền kế vị. Nghe Cha nói, tôi nhớ lại hành động xu thời nông nổi cách quá đáng này của một số các Linh mục và mấy ông trí thức Công giáo tả khuynh nơi thời gian ấy (Linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Thanh Lãng, Trương Bá Cần, Trần Viết Thọ, Huỳnh Công Minh, Nguyễn Quang Lãm, Đinh Bình Định, Vương Đình Bích...Ông Nguyễn Đình Đầu, giáo sư Lý Chánh Trung...).

Cha Thanh Lãng từ trần vào năm 1990, và tôi được biết Cha có để lại Bản tạ lỗi cùng lời ăn năn sám hối với Chúa, với Hội thánh Công giáo và Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận, cũng như thành tâm cúi xin Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận tha thứ cho lỗi lầm của mình.

Tôi và Nhạn còn thực hiện được một phóng sự bằng hình ảnh trong mấy cuộn phim đi săn chụp về một thành phố buồn hiu và lặng lẽ nơi tháng ngày quá sức tẻ nhạt nhếch nhác ấy, có bóng dáng những con người thỉnh thoảng lặn lội qua các sinh hoạt đường phố. Cũng có cả khung cảnh hoang lạnh tiêu điều ở nghĩa trang quân đội Gò Vấp và Biên Hòa, chỉ mới sau mấy năm trời bị tan tác. Anh Trần Tam Tiệp cho biết đã chọn ra một số để phóng to và giới thiệu rộng rãi bên Pháp.

Thế rồi mọi việc cũng kết thúc cho đến khi chúng tôi bị bắt rồi quy tội trong vụ án “Tuyên truyền phản cách mạng” mà báo chí nhà nước Cộng sản đã gọi anh em chúng tôi là “Những tên biệt kích cầm bút” như sau này... Trong suốt thời gian mấy năm, từ khi ra tù cải tạo tháng Giêng năm 1981 cho đến ngày cùng bị bắt trong vụ án đó vào đầu tháng Năm 1984, anh Dương Hùng Cường và tôi gặp nhau rất thường, nhất là sau lúc tôi đã liên lạc lại với anh Trần Tam Tiệp, có lâu lắm cũng chỉ cách tuần. Tình thoảng chúng tôi bàn luận, trao đổi thoáng qua về bài vở gửi sang cho anh Trần Tam Tiệp cùng vài tin tức của những thân hữu đây đó. Tôi đưa anh đọc mấy bài thơ của tôi như *Buổi chiều đi qua Hà nội, Khúc quân ca mới*... hay tạp văn *Những tiếng hát như một nhân chứng*. Phụ họa với bài *Nếu chàng Trương Chi đẹp trai* của anh và do anh gợi ý, tôi có viết *Khi chàng Trương Chi phải ra đi* nhưng anh đọc xong nói nhẹ quá, phải cho cái thẳng khốn nạn ấy thật bầm dập ê chề lúc ra khỏi cuộc đời Mỹ Nương chứ không thể nhẹ nhàng và êm thấm như tôi đã viết (nội dung bài tôi giả định những chi tiết dựa vào lời nói tiên báo của cụ Ngô Hùng Diễn trước 1975, đại ý cộng sản sẽ vào đến Sài Gòn và khi vào để dàng thế nào thì khi ra cũng sẽ để dàng y như vậy).

Có nhiều hôm hai anh em đạp xe lang thang qua từng con phố, rồi tạt vào cái hẻm nhỏ khu ngã ba ông Tạ hay ngã tư Bảy Hiền và ngồi bệt nơi thềm dầy nhà đang xây cất dở dang lấy thuốc lá ra hút cùng với những mẩu chuyện vu vơ. Tôi biết anh có nhiều suy tư về hoàn cảnh cuộc sống của gia đình. Những buổi sáng anh vẫn đều đặn ghé đến mấy chỗ quen biết có làm vài ba loại ô mai, bánh kẹo (bên Phú Nhuận hay dưới nhà ông Lâm Tuyền) để lấy về một ít cho chị đem vào bán trong *căng tin* trường học, kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Tình thoảng tôi cũng ngồi với anh tại một góc quán cà phê bên đường hay cái quán cóc bình dân xập xệ, chỉ có xị rượu thuốc và đĩa đậu phụng rang, đủ cho hết một hoàng hôn của hai anh em. Nhưng nhiều hơn là vào những buổi chiều tại *Thương nhớ mười hai*.

Anh Dương Hùng Cường gọi chỗ này theo tên một tác phẩm của bác Vũ Bằng, vì ngẫu nhiên trùng hợp với số nhà của nơi mà bác cũng là một trong những người thường hay ghé đến. *Thương nhớ mười hai* thực ra chỉ là căn phố mang số 12 đường Trương Minh Ký Phú Nhuận, chỗ giáp ranh với đường Trương Minh Giảng quận Ba (thời gian đầu sau ba mươi tháng Tư, cả hai con đường này đều gộp chung một tên là Nguyễn Văn Trỗi, rồi mới đổi thành Lê Văn Sỹ, và anh Dương Hùng Cường nói cái thẳng cha *Chối* từng quét mát hai ông Trương), cách cổng xe lửa số 6 khoảng chừng hai trăm thước. Đây là nhà ông Lý Hoàng Phong, một nhà văn kỳ cựu và cũng là người chủ trương tạp chí Văn Nghệ những năm 1961-1962 ở Sài Gòn_ một căn nhà trệt cũ kỹ với hàng cánh cửa gỗ lùa, có lẽ xây cất từ dạo mới di cư năm 1954 và chưa lần nào chỉnh trang. Bên trong nhà, có một tiệm sửa chữa radio và TV nhỏ. Phía trước cửa là cái quán cóc của chị Tâm, người phụ nữ độ tuổi ngoài bốn mươi và có một hoàn cảnh riêng tư sao đó nên sống một mình, không thấy vướng bận gia đình con cái gì cả. Khoảng lề đường rất rộng tráng xi măng bày được bốn năm bộ bàn ghế thấp dưới tàn cây bã đậu. Quán chỉ có tủ thuốc lá lẻ, bày trên mặt bàn vài loại nước ngọt chai và quày dưa tươi nơi góc chân bàn, thêm nữa duy nhất loại cà phê vợt. Thế nhưng nơi đây lại là chỗ gặp gỡ của nhiều giới, như các nghệ sĩ và mấy ông nhà văn nhà báo thân quen với anh Dương Hùng Cường và các bà chị dân chợ trời tụ họp đông vui, sau những lúc ngược xuôi quanh khu chợ thuốc tây từ Nguyễn Thông cho đến Tân Định.

Tôi cũng không rõ độ thân thiết của anh Dương Hùng Cường với bà chị quán chủ như thế nào và từ bao giờ, nhưng chỉ biết là anh và tôi được đối xử cách đặc biệt mỗi khi ghé đến đây, như việc không bao giờ phải trả tiền cà phê thuốc lá. Những năm tháng sau này, khi anh chị Dương Hùng Cường đều đã quá vắng lâu rồi, tình thoảng nhìn thấy tôi chạy xe về ngang qua chỗ *Thương nhớ mười hai* này, chị Tâm vẫn vẫn gọi tôi ghé vào để ân cần thăm hỏi về các con của anh Dương Hùng Cường rất triu mến.

Thường khi mỗi lần anh Dương Hùng Cường và tôi vừa đến ngồi xuống ghế là chị Tâm như đã hiểu ý và bước ngay sang khu bán đồ ăn bên kia đường đem về một đĩa đồ mồi nào đó, không thì cũng một tô bò viên tả pí lù nghi ngút khói. Dĩ nhiên không thể thiếu từng xị rượu thuốc của cái quày bày lủ khủ hàng chục loại bình rượu thuốc ngâm đủ thứ tắc kè, bìm bịp, rắn rết các loại ngay cạnh bên.

Tôi luôn giữ một khoảng cách với những thân hữu của anh vẫn lui tới nơi đây và thỉnh thoảng chỉ chuyện trò, gần gũi bác Vũ Bằng mà tôi biết là một trong số những người anh Dương Hùng Cường đã giới thiệu với anh Trần Tam Tiệp. Bác thật xuề xòa bình dân và dễ tính. Thỉnh thoảng bác Vũ Bằng hay rủ anh Dương Hùng Cường và tôi đi ăn chỗ này chỗ nọ, như tại cái quán cháo cá ở chợ cũ, một tô phở xe trong xóm nhỏ xứ đạo An Lạc... mỗi lần rùng rình tí tiền sau khi nhận được món quà thuốc tây của anh Trần Tam Tiệp bên Pháp gửi về. Một hôm, chợt nhớ đến *Miếnng ngon Hàn òi và Miếnng lạ miền Nam*, tôi hỏi bác về việc cảm nhận sự ngon trong ăn uống thì bác cười và nói văn chương chữ nghĩa chỉ luận tả hoa lá cành cho vui thôi, thực ra phải vào cơn thiếu đói trong cảnh tù đầy như bọn tôi thì mới cảm nghiệm được hết ý nghĩa của từng miếng ăn thức uống.

Bác Vũ Bằng từ trần vào khoảng đầu tháng Tư năm 1984, đúng vào thời điểm bọn an ninh đã bắt đầu theo dõi rồi liên tục bám sát tôi từng ngày, nên dù có biết tin mà vẫn không dám đến viếng bác cũng như dự tang lễ. Nơi vuông cáo phó nhỏ ở trang cuối một tờ báo tại thành phố khi đó, chỉ thấy ghi sơ sài vài nét vài dòng về năm sinh và ngày mất của bác vậy thôi. Trong bản cáo trạng ở một lần chuẩn bị đưa vụ án “Tuyên truyền phản cách mạng” của mấy anh em chúng tôi ra Tòa rồi sau đó đình xử, chính quyền Cộng sản thật lố bịch khi vẫn để tên bác Vũ Bằng trong danh sách các bị cáo, nhưng trơ trẽn và nhân nghĩa giả dối nói rằng đã cho bác được cải tạo tại địa phương vì tuổi già sức yếu.

Một nhà văn nhà báo lẫy lừng từ thời 1930-1940, với nhiều tác phẩm ghi đậm dấu cho từng thời kỳ văn học và trường phái văn chương Việt Nam, lúc chết thật cô đơn âm thầm lặng lẽ quá.

Sau này khi ra tù tôi có sang tìm nhà bác ở bên kia bờ sông Sài Gòn, trên đoạn đường Trình Minh Thế cũ, gần đến cầu Tân Thuận, để thắp một nén tâm hương, nhưng vì không còn nhớ chính xác được địa chỉ và dọc con đường này đã chỉnh trang sửa chữa làm thay đổi hết tất cả, chẳng còn nhận ra các dấu vết cũ nên đành tạ lỗi với vong linh bác Vũ Bằng...

Vào những buổi chiều anh em tôi đang ngồi tại *Thương nhớ mười hai* mà bất chợt có đông đảo các bà chị chợ trời cùng lúc rộn rã về tụ họp với đủ thứ ngôn ngữ văng mạng bốc giời bất cần đòi, như thể để giải tỏa bớt những căng thẳng dồn nén ẩn ức chất chứa trong đầu suốt một ngày qua, thì ngay lúc đó anh Dương Hùng Cường nhắc tôi đứng dậy ra về. Có ai đó tỏ vẻ ngạc nhiên và lên tiếng phản đối thì anh nói rằng sợ các bà chị ngổ ngáo này sẽ làm hư hỏng thằng em của anh. Tôi cũng hiểu là đến lúc phải để cho anh được thoải mái hoàn toàn trong khung cảnh này và cũng chẳng có gì để bận tâm. Và cuộc rượu tiếp theo sau đó của anh không biết được kết thúc ra sao vào lúc nào.

Thế nhưng nhiều lần tôi vẫn phải chịu tiếng oan về phần mình. Sau các buổi từ sự của anh như thế, khi tôi ghé sang nhà thì đều được nghe chị Vũ Hoàng Oanh nhẹ nhàng trách rằng sao tôi lại để cho anh uống nhiều quá đến vậy. Nhìn anh thì cũng lại một nụ cười kèm theo cái nháy mắt quen thuộc. Hình như mỗi khi về nhà trong ngả nghiêng túy lúy là anh lại khai thêm tên tôi ra như một kẻ tửu đồ tòng phạm để sẽ có sự giảm nhẹ tội trạng đi thì phải.

Tổng kết qua mấy mùa đầy vơi chai nọ xị kia, thành tích của anh là làm mất tất cả ba chiếc xe đạp, một của anh vẫn sử dụng hàng ngày và hai chiếc kia mượn của các cháu. Chỉ vì sau khi

đã xong châu chén chú chén anh, rồi trên đường về ngắt ngưỡng qua các ngõ khuya vắng vẻ, ông anh tôi dừng xe bên bờ rào để... hay dựa lưng ngồi nghỉ một nơi chỗ nào đó, và mấy tên giang hồ vật đã luôn có mặt đúng lúc để nằng nệ chiếc xe đạp thật dễ dàng, mà chẳng gặp phản ứng gì từ khổ chủ còn đang đờ đẫn vì thần men nhập vào mắt rồi. May là anh còn khật khật khưỡng lợi bộ về được đến nhà an lành.

Cũng vì những mê mải tửu cuồng mà trong năm 1983, có lần anh phải nằm bẹp ở nhà hàng tháng trời. Chắc là ảnh hưởng do gan nên khắp người anh nổi mẩn mụn chốc lở, kèm theo từng cơn nóng lạnh bất chợt. Chị và các cháu rất lo lắng. Tôi chạy về cầu cứu anh Trần Đổ Cẩm và không bao lâu cơn bệnh của anh đã được chữa trị khỏi. Anh Trần Đổ Cẩm là sĩ quan bên Không lưu Khí tượng (em của Trung tá Không quân Trần Đổ Cung, không phải Thiếu tá Trần Đổ Cẩm trùng tên thuộc quân chủng Hải quân, tác giả các bài viết về biển đảo Hoàng Sa-Trường Sa ở hải ngoại sau này) và cũng có biết anh Dương Hùng Cường từ trước vì cùng ngành. Hồi ở trong căn cứ Tân Sơn Nhất, tôi cũng thân quen lui tới với anh qua chuyện văn chương chữ nghĩa. Thời gian đi tù cải tạo sau 1975, anh Trần Đổ Cẩm có cơ duyên học được Châm cứu và thuốc Nam từ những người bạn tù giỏi về đông y và các loại cây lá thuốc. Khi về anh đã tìm hiểu nghiên cứu thêm, rồi phụ trách một phòng khám & chữa bệnh từ thiện về chuyên môn này, ở gần khu ông Tạ. Khi tôi đến báo tin và kể về bệnh tình anh Dương Hùng Cường, thật ân cần và sốt sắng, anh đã sang ngay để bắt mạch rồi bốc liền mấy thang thuốc, cũng như tận tình châm cứu, theo dõi chữa trị bệnh trạng của anh Dương Hùng Cường suốt hơn một tháng cho đến khi khỏe mạnh trở lại.

Sau cơn đau bệnh đó, anh Dương Hùng Cường chừng mực và điều độ hơn trong việc thù tạc nơi này chỗ nọ. Anh dành nhiều thời gian ở nhà chăm sóc các cháu, nhất là cháu út Dương Phương Hoàng, cậu con trai cưng duy nhất, lúc ấy mới chừng bốn năm tuổi. Tôi bắt đầu đưa anh uống loại rượu mà tôi pha chế và vẫn thường uống với bạn hữu (Nguyễn Mai là một trong những ông bạn tôi rất ư là mê khoái thứ biệt tửu này). Đây là sự đong trộn theo tỉ lệ ba xị rượu Bách nhật và một xị rượu đậu nành Cái Bè. Mẹ một người bạn thân ở gần nhà tôi có cách nấu rượu Bách nhật gia truyền rất đặc biệt. Sau khi đã xong giai đoạn ủ rượu rồi lọc trong, bà còn cho thêm vào vài vị thuốc Bắc cùng với một ít táo tàu và cam thảo, khiến cho màu rượu thành phẩm ánh lên sắc hồng phách thật dịu dàng. Tôi là một khách hàng quanh năm của bà và mỗi lần lấy rượu về, lại còn thêm vào phần rượu đậu nành chính hiệu Cái Bè nguyên chất, chỉ duy nhất có bán ở đường Công Lý, chỗ gần chùa Vĩnh Nghiêm, để thêm hương vị và nồng độ. Loại rượu này uống không thể đủ say nhưng có lẽ cũng tạm đủ để lãng quên sầu đời, miễn là nổi sầu đừng quá lớn như mỗi sâu vụn cổ chẳng hạn. Uống mới hết một chai, anh Dương Hùng Cường cảm thấy khoái khẩu ngay nên đã đặt tên là *Sàigòn mỹ tửu* và gọi tôi là một gã tửu sinh tại điền của Tiêu dao đạo phái.

Lão Dương Đê Húc Càn và tôi nơi chốn ngục tù

Việc liên lạc gửi bài vở đi và nhận quà cáp giúp đỡ từ anh Trần Tam Tiệp của anh em chúng tôi và mấy người nữa như các anh Doãn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy, Khuất Duy Trác, thêm Lý Thụy Ý cùng với cô Nguyễn Thị Nhạn, bị nhà cầm quyền Cộng sản khám phá ra (không biết là do đâu và từ đâu) rồi làm to chuyện, dẫn đến việc tất cả cùng bị bắt giam vào Phan Đăng Lưu ngay trong một đêm đầu tháng 5/1984. Cũng có những người khác nhận được quà cáp giúp đỡ của anh Trần Tam Tiệp, nhưng công an cộng sản không biết hay không chú ý đến sao đó nên đã thoát khỏi việc bị bắt bớ giam cầm.

Trong thời gian bị giam giữ ở đây, không bao giờ tôi nhìn thấy anh Dương Hùng Cường và các anh kia vì mỗi người một nơi, mà chỗ nào thì cũng kín bưng những bức tường ngăn cách, nhất

là biệt giam khu B bên tôi nằm khuất mãi tận cùng phía đằng sau. Đôi khi chỉ nhắn hỏi tin tức của nhau qua mấy người tù làm lao động bên ngoài.

Khi thăm vấn tôi, các viên cán bộ an ninh hỏi cung đều căn vặn liên tục về thời gian cùng sự tương giao giữa tôi và anh Dương Hùng Cường với anh Trần Tam Tiệp. Họ cũng truy vấn nguồn mối liên lạc cùng các bài vở đã gửi đi qua cô Nguyễn Thị Nhạn, thêm nữa là mọi thứ quà cáp giúp đỡ đã được nhận. Họ cũng tra hỏi về các thân hữu cũ ở văn phòng Chiến tranh Chính trị, các anh em cầu thủ đội banh Không quân và một số tên tuổi người này người nọ còn ở lại Sài Gòn sau ngày 30 tháng Tư. Xem ra họ rất đặt nặng cách viết về chế độ của anh Dương Hùng Cường trong bài *Nếu chàng Trương Chi đẹp trai*. Tuy vậy, anh Dương Hùng Cường và các anh khác đều được ra phòng tập thể chỉ sau hơn ba tháng biệt giam, có nghĩa là đã kết cung xong xuôi.

Nhưng riêng phần tôi, vẫn phải ở biệt giam và còn tiếp tục bị thẩm cung chưa dừng. Họ thay đổi hai ba người khác nhau để hỏi cung. Khi đó, tôi cũng không hiểu tại sao các viên cán bộ điều tra lại có vẻ như chú tâm nhiều vào tôi như thế nên đã tự suy đoán về một vài điều. Cho dù tôi đã nhận là tác giả của mấy bài đăng trên tờ Nhất Việt (bài thơ *Buổi chiều đi qua Hànội, Khúc quân ca mới*, tạp văn *Những tiếng hát như một nhân chứng*) mà họ có trong tay và truy tìm người viết từng bài, cũng như đã nói rõ về mối thân giao giữa tôi và anh Dương Hùng Cường với anh Trần Tam Tiệp mà chẳng có gì phải dấu diếm. Có lẽ việc anh Trần Tam Tiệp, một người từng một thời là sĩ quan ngành an ninh, hẳn rằng không nằm ngoài sự nghi ngờ đặc biệt nào đó nơi đám cán bộ an ninh cộng sản. Lại nữa, thời gian tôi làm thư ký tòa soạn Tập san Lý Tưởng Không quân, tuy chỉ vào giai đoạn cuối hơn một năm trước ngày ba mươi tháng Tư năm 1975 ghi trong lý lịch, cũng là một khía cạnh khác để họ thêm hướng điều tra vào tôi chẳng. Tôi nhớ dạo tháng Ba năm 1975, những tưởng đã bị kẹt lại tại phi trường Phan Rang trong tháng ngày chiến sự căng thẳng ấy không về Sài Gòn được. Tôi đang ở đó để thực hiện phóng sự quanh đợt di tản của các đơn vị Không quân từ miền Trung chuyển vào, và rồi khó khăn chật vật lắm mới tìm được một chỗ trên chuyến máy bay gần như cuối cùng ngoài phi đạo. Tôi lẩm cẩm khi nghĩ rằng nếu hỏi đó mà kẹt lại Phan Rang thì chắc rằng cuộc đời có thể ở vào một khúc quanh nào khác chẳng.

Cũng trong mấy tháng cung từ này, tôi đã đoán ra rằng trong số tang vật bị thu giữ, phần chắc là có các thư từ và những tờ báo hải ngoại mà anh Trần Tam Tiệp gửi về, nhưng cô Nhạn chưa tiêu hủy đi. Rồi khi nghiên cứu tìm hiểu, chắc hẳn họ phải thấy tên tôi cùng vài điều chuyện được nhắc kể trong các thư đó, vì đôi lần Nhạn đã nói lại cho tôi biết, dù gửi riêng cho cô. Cũng như họ đọc được bài của anh Trần Tam Tiệp ở một kỳ báo Nhân Chứng ấn hành bên Hoa Kỳ, viết về một vài kỷ niệm thời Tân Sơn Nhất, mà có đoạn anh ân cần nhắc đến tôi cùng với anh Đào Vũ Anh Hùng cùng vài bạn hữu khác. Và còn quan trọng hơn nữa, nơi vài tờ báo như *Kháng chiến, Nhất Việt, Nhân Bản*... nằm trong số tang vật ấy, đã có đăng các bài viết về Mặt trận Thống nhất của các anh Lê Quốc Túy, Mai Văn Hạnh, Trần Văn Bá, Huỳnh Vĩnh Sanh, Hồ Tấn Khoa... bên Pháp và Mặt trận Hoàng Cơ Minh tại Hoa Kỳ, nên sau khi đọc xong rồi đối chiếu với tình hình, họ liền tưởng và thử dò tìm nơi tôi xem có chút manh mối nào chẳng.

Hoạt động xâm nhập lực lượng vũ trang vào Việt Nam của hai Mặt trận này đều bị bại lộ và chính quyền Cộng sản đã làm rình rang khi đưa ra tòa xét xử vào cuối năm 1984 và 1987. Dạo trước đó, khi đọc được những trang báo này từ năm 1981, cùng với những tờ thư anh Trần Tam Tiệp luôn nói tới một ngày hẹn về không xa, tôi đã lặng người đi và vô cùng phấn khích biết mấy. Cũng may là tôi không dính dáng gì, dù có lần từng nghe anh Trần Tam Tiệp loáng thoáng xa gần ý định muốn giới thiệu với tôi một sự liên lạc nào đấy, nhưng chưa thực hiện được.

Về sau này, khi mọi chuyện đã kết thúc, tôi mới vỡ lẽ ra thêm một chi tiết liên quan đến tôi. Thoạt đầu anh Trần Tam Tiệp chỉ có ý muốn tìm kiếm tin tức về một mình tôi mà anh biết còn ở lại Việt Nam. Đây có thể là lý do mà cơ quan an ninh cộng sản cho rằng tôi là đầu mối mọi chuyện. Anh Trần Tam Tiệp đã nhờ qua Trịnh Công Trí, một trong số các cầu thủ đội banh Không quân mà anh từng giúp đỡ trước đây và liên lạc lại được sớm. Anh tin chắc rằng Trí cũng như các anh em khác trong đội banh vẫn còn nhớ tôi, để biết đầu vào một lúc nào đấy, có thể chúng tôi nhìn thấy nhau ở sân banh chẳng hạn. Trịnh Công Trí không biết tình trạng của tôi như thế nào, nhưng một lần đã bất ngờ nhận ra anh Dương Hùng Cường là người cùng ở văn phòng Chiến Tranh Chính Trị Không quân qua chuyện trò gặp gỡ nơi quán nhậu, nên nói về điều này và đưa địa chỉ của anh Tiệp bên Paris để nhờ chuyển lại cho tôi khi nào gặp được. Anh Dương Hùng Cường đã liên lạc với anh Trần Tam Tiệp từ trước khi tôi ra khỏi trại tù cải tạo và lúc gặp lại nhau, không lần nào nói với tôi chi tiết đầu tiên ấy liên quan đến Trịnh Công Trí. Từ việc bắt đầu nhờ tìm tôi này, cùng với sinh hoạt báo chí và văn bút Việt Nam hải ngoại của anh Trần Tam Tiệp, đã đưa đến các việc tiếp theo sau đó, dễ dàng khiến cơ quan an ninh cộng sản hướng sự chú ý vào tôi. Thật may, tự nhiên tôi không nhớ ra tên của anh Trí khi bị hỏi cung, cũng như chưa bao giờ gặp Trí khi về lại thành phố, cho nên dù có bị bắt, Trí đã được thả ra sau vài tháng bị giam giữ, chứ nếu không thì với mấy ông Cộng sản đa nghi hơn Tào Tháo, mọi việc đâu có dễ dàng cho một người tù, dù chẳng có dính dáng gì đến chuyện văn chương chữ nghĩa như anh Trịnh Công Trí, chỉ biết trái banh và sân cỏ.

Tôi đã vượt qua được thời gian đầy thử thách cũng khá căng thẳng ấy và nhiều lúc tưởng như muốn đuối sức trong việc đối phó. Sau hơn hai ba tháng bị thẩm cung dồn dập và bằng sự tự tổng hợp từ những điều bị tra hỏi, tôi lờ mờ đoán ra có một hướng điều tra nào đó với tôi, khi từng nghe một viên sĩ quan an ninh nói rằng họ đánh giá chính tôi mới là thành phần nguy hiểm chứ không phải các người khác trong vụ án. Họ nói hành tung của tôi rất bí ẩn, ít ai biết và thật khó lòng truy tìm các chứng cứ có liên quan vì đã bị xóa hết mọi dấu tích. Thật tình thì cũng chỉ mình anh Dương Hùng Cường, thân quen biết rõ về tôi và tôi không gặp gỡ, quen biết gì nhiều với các anh khác trong vụ án. Trước 1975, tôi cũng chỉ phát phơ tí chút văn chương báo chí trong phạm vi Không quân, và một hai tạp chí bên ngoài, chẳng nổi trội đình đám gì nhiều. Và thời gian trước ngày bị bắt cả nửa tháng, ngay khi nhận ra việc có người theo dõi mình, tôi đã linh tính điều không hay sẽ đến nên kịp thời đốt bỏ hết tất cả mọi thứ bản thảo và thư từ, giấy tờ... liên quan đến việc liên lạc với anh Trần Tam Tiệp cũng như các địa chỉ bạn bè, người thân quen, cả trong nước lẫn hải ngoại.

Rồi qua những câu hỏi riêng tư vụn vẹo soi mói về sự lui tới giữa tôi và Nhạn, chừng như họ còn muốn qui kết thêm rằng tôi đã dùng tình cảm để lung lạc và chi phối cô Nguyễn Thị Nhạn trong việc làm trung gian liên lạc với anh Trần Tam Tiệp. Điều này nếu đúng, có thể sẽ làm giảm nhẹ phần nào tình tiết tội trạng cho cô Nhạn nhưng sự thật không phải như thế, và vì sự thuần khiết của Nhạn, tôi đã thẳng thắn phủ nhận. Tôi nói với viên cán bộ hỏi cung rằng tôi thừa khả năng để làm chuyện đó rất dễ dàng nếu muốn, nhưng tôi không phải là thứ đốn mạt lương tâm để lợi dụng hoàn cảnh rồi xúc phạm một người con gái mới lớn như Nhạn.

Khi đã mãn hạn tù, nghe gia đình kể lại tôi mới thấy giạt mình và thờ phào nhẹ nhõm vì biết rằng đã thoát thêm được một điều nào đó khác nữa mà chính quyền Cộng sản muốn nhắm vào tôi bên cạnh việc liên lạc bài vở với anh Trần Tam Tiệp cũng như nhận quà cáp giúp đỡ, nơi những lần thẩm cung. Và nếu điều đó xảy ra, ngày mãn hạn tù của tôi chắc hẳn sẽ còn phải kéo dài thêm một thời gian nào nữa chưa biết được.

Trong thời gian tôi bị giam ở Phan Đăng Lưu và bị dồn dập hỏi cung, ngoài việc không cho gia đình thăm nuôi tiếp tế, nhiều buổi tối có một viên sĩ quan an ninh Cộng sản cao cấp thuộc sở Công an thành phố còn cho gọi bà xã tôi ra trụ sở Công an Phường để khùng bố tinh thần hầu

mong khai thác các tin tức về tôi. Có thể do khai thác được vài chi tiết nào từ đâu đó và từ cô Nhạn, họ đã cố ý bịa dựng để nói với bà xã tôi về cuộc tình lén lút vụng trộm giữa tôi và cô Nguyễn Thị Nhạn, đã kéo dài nhiều ngày tháng cùng với những lần hẹn hò vui chơi tình tứ đây đó (xin lỗi Út Nhạn khi nhắc đến chi tiết này) mà họ bảo có đầy đủ rất nhiều hình ảnh tang chứng. Thật ra cũng có vài lần chúng tôi đi chung với nhau đây đó để dễ bề ngụy trang việc bám máy, hầu thực hiện một phóng sự bằng hình ảnh, qua mấy cuộn phim về một thành phố thiếu não buồn thảm và vô cùng mệt mỏi. Hoặc nữa, mỗi khi cần nói điều gì đó cần thiết với anh Tiệp, tôi gặp Nhạn để nhờ chuyển đi được nhanh sớm hơn vì cô ấy có xử dụng điện thoại quốc tế, loại phương tiện còn hạn hẹp và chưa phổ biến nơi thời gian ấy. Sau này, trong quyển truyện vụ án “Những tên biệt kích cầm bút” ấn hành năm 1986, khung cảnh của câu chuyện bịa tạo này cũng được thêm thắt đưa vào nơi nhiều trang đoạn để bêu xấu và bôi đen tôi qua một nhân vật được đặt trại tên khác đi một chút. Họ cũng không quên dựng đứng thêm rằng anh Dương Hùng Cường dù biết rõ tất cả từ lâu, nhưng lại ra sức che dấu nên không hề hé lộ chút gì về điều đó cho gia đình tôi. Họ tưởng rằng khơi gợi sự ghen tương nơi người vợ, từ một chuyện tình bịa dựng như thế, sẽ dễ bề kích động nổi giận hờn để moi tìm được các nguồn tin tức tố giác nào khác chẳng về người chồng phụ bạc, nhưng cuối cùng chỉ thất bại mà thôi. Họ đã vô cùng sai lầm khi đánh giá tình nghĩa vợ chồng tôi, bao giờ cũng vẫn là một tình yêu trung trinh tuyệt vời, chưa hề bị chao đảo trong bất cứ trường hợp nào.

Cũng thời gian ấy, nơi các tờ Tuổi Trẻ ở Sài Gòn hay Tuần Tin tức của Hà Nội do gia đình gửi vào ở những lần tiếp tế khi đã bị chuyển sang Chí Hòa, tôi có đọc những loạt bài nói về vụ án qua tiêu đề “Trận đánh không tiếng súng” rồi “Mặt trận không tiếng súng” mà phần nói về tôi bao giờ cũng là một khuôn mặt nổi cộm, bị bôi bẩn với đủ mọi ngôn ngữ cạnh khốe. Hồi còn bên Phan Đăng Lưu, khi tôi ra phòng tập thể, một người hàng xóm đi vượt biên không thoát, bị di lý từ tỉnh về ở chung phòng, cho biết thêm rằng vào thời điểm tôi bị bắt, không hiểu do đâu mà xóm ngõ đã rộ lên tin đồn là lúc khám xét, công an đã tịch thu được ở nhà tôi nhiều truyền đơn, có súng đạn và cả máy truyền tin nữa...

*

Tôi vẫn nhớ nơi những ngày tháng cuối cùng ở trại giam Phan Đăng Lưu, trong bài viết tay dài mấy trang giấy như bản kiểm điểm theo yêu cầu của cơ quan an ninh Cộng sản, tôi không phủ nhận việc liên lạc thư từ với anh Trần Tam Tiệp và viết bài gửi ra hải ngoại cũng như nhận quà cáp giúp đỡ. Tôi nói rằng tôi đã viết với tất cả suy nghĩ rất thật về nỗi thất vọng nơi đời sống mới. Những tưởng đã có nhiều đổi thay tốt đẹp, nhưng sau mấy năm tù cải tạo trở về, tình trạng xã hội như càng thêm tồi tệ trong mọi vấn đề, không thấy có một dấu hiệu chuyển biến tích cực nào. Tôi phải chứng kiến biết bao điều đau lòng chung quanh mình, như nỗi khó khăn thiếu thốn của gia đình và sự bất lực của bản thân. Những trang chữ tôi viết ra như một giải tỏa cho những dồn nén riêng tư. Dĩ nhiên, tôi đâu thể nào gửi bài viết với nội dung như vậy cho báo chí ở thành phố. Và việc nhận quà cáp từ anh Trần Tam Tiệp, chỉ đơn thuần là việc giúp đỡ anh em huynh đệ thân thiết một thời trong lúc khó khăn về đời sống, chứ một vài bài viết cũng chỉ bình thường của tôi đâu có giá trị lớn lao gì, dẫu sao nếu gọi là trả tiền nhuận bút thì vẫn không thể tới mức nhiều như vậy.

Nơi phần kết thúc, tôi đã liên tưởng và học theo cách nói của nhân vật trong quyển *Tàng đầu địa ngục* (The First Circle_ tác giả Alexander Solzhenitsyn, bản dịch của anh Hoàng Hải Thủy) để trình bày đại ý rằng tôi đã đi đến chỗ cùng đường. Cả thời tuổi trẻ tôi bị cuốn hút vào chiến tranh, rồi lúc cuộc chiến kết thúc là đằng đẵng gần sáu năm lao tù qua các trại theo suốt chiều dài đất nước, từ đất liền ra đảo Phú Quốc rồi hết Long Giao tới Phong Quang Lào Cai, miền đất biên giới Việt – Trung và sau cùng là Vĩnh Phú. Bây giờ đối diện với vụ án này nữa, mà có vẻ cơ quan an ninh muốn làm lớn chuyện, thì tương lai phía trước thật mù mịt chưa biết sẽ ra sao. Như thế tôi là đứa con bất hiếu vì chẳng lo toan được gì cho cha mẹ lúc tuổi già sức yếu. Trong tình nghĩa vợ chồng, tôi là kẻ bội bạc vì đã để cho người một đời yêu thương mình luôn phải đơn độc vô cùng bao nỗi khổ hạnh lao nhọc vất vả suốt thời thanh xuân. Với các con thì tôi

là một ông bố vô trách nhiệm vì đã có được chút nào chăm sóc dạy bảo đâu. Và như vậy, thôi thì cũng đành phải buông xuôi vì tôi đã mất hết tất cả, đâu còn lại được gì, từ bản thân cho đến gia đình. Tôi cảm thấy chẳng bị ràng buộc với bất cứ điều nào nữa. Một khi không còn cảm thấy bị một ràng buộc nào, tôi thấy mình thật nhẹ nhõm và trở thành con người tự do hoàn toàn, thầy kệ mọi việc muốn đến đâu thì đến. Tôi xin chịu trách nhiệm những gì có liên quan trực tiếp tới riêng tôi mà cơ quan công an muốn kết tội, không quanh co chạy chối và sẵn sàng nhận tất cả những gì chế độ muốn dành cho tôi.

Tôi nói như thế vì nhớ được một ít kiến thức về Hình sự tố tụng của chế độ Cộng sản, quy định rằng tội phạm sẽ nặng hơn khi đã hình thành một tổ chức và có sự bàn bạc, trao đổi, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người trong tổ chức đó. Việc liên lạc, viết bài gửi đi rồi nhận quà cáp giúp đỡ từ anh Trần Tam Tiệp của anh em chúng tôi, không có bằng chứng nào liên quan đến các yếu tố đó, mà chỉ là từng trường hợp riêng lẻ cá nhân, chẳng thể hiện một điều gì thuộc về tổ chức có người cầm đầu như họ muốn qui kết.

Hơn tuần sau của bản kiểm điểm này, Tư Trà cho gọi tôi ra văn phòng để trấn an. Ông ta là Phó phòng PA 16, một cơ quan điều tra xét hỏi của Công an thành phố và phụ trách trại giam Phan Đăng Lưu. Tiếp tôi bằng một thái độ hòa nhã nhẹ nhàng, ông ta nói tôi không nên suy nghĩ quá bi quan nặng nề như vậy, đâu còn có đó. Cơ quan an ninh điều tra đã đối xử đàng hoàng với tôi (chắc là không kể đến những lần đập bàn quát tháo hay cho tôi ngồi một mình, chờ hàng giờ đồng hồ trong căn phòng tối om không một ánh điện để áp đảo tinh thần) và sẽ minh xét rõ ràng tội trạng từng người trong vụ án. Bằng thứ lý luận rẻ tiền quen thuộc như thường thấy trên báo chí, ông ta ra sức giải thích, phân trần về tình trạng của đất nước vừa ra khỏi chiến tranh và đang trên con đường xây dựng với những khó khăn chồng chất. Bên cạnh đó còn luôn luôn có sự chống phá liên tục của các thế lực thù địch bên ngoài nữa. Tôi cũng chẳng hiểu ông ta muốn nói những điều đó với tôi để làm gì.

Tôi không biết sự cảm nhận của ông ta ra sao về bài thơ *Buổi chiều đi qua Hà Nội* (ký tên Trần Vĩnh Quang, đăng trên tờ Nhất Việt) của tôi, khi cao giọng lên án tôi đã xúc phạm đến cái gọi là “thủ đô phẩm giá”, “trái tim của cả nước”... Tôi chỉ còn nhớ mang máng được vài câu đầu và cuối của bài thơ đã gửi đi từ mấy năm trước, được hình thành ngay hôm giã từ những tháng năm tù đầy, vào cuối tháng Giêng năm 1981, ngồi trên xe di chuyển từ trại giam Vĩnh Quang (Vĩnh Phú) đi ngang qua thành phố lúc chiều tối để ra ga Hàng Cỏ lên xe lửa xuôi Nam, kịp đủ thời gian để nhận ra một Hà Nội như tôi từng nhớ biết qua hình ảnh và văn chương ngày tháng nào, giờ chỉ còn trong hoài niệm băng khuâng. Vài câu thơ còn nhớ được như sau :

khi tôi đi qua thành phố

buổi chiều

những ngã tư đường xa lạ

không có một kỷ niệm nào ở nơi đây

người con gái đạp xe mini ngúng nguẩy hát đầu rất điệu

chạy ngang qua ánh đèn vàng vọt của đêm

chưa kịp xóa hết nỗi mỏi mệt của một ngày dài vừa tắt nắng

(...)

có ai đó đã vừa dựng tượng đá thành phố

giữa công viên hồn tôi chiều nay

cái cột mốc kỷ ức ấy ở đâu

tôi gọi nhỏ rất thầm

hà nội. hà nội.

Tiếp theo, Tư Trà nói về tạp văn *Những tiếng hát như một nhân chứng* cũng trong tờ Nhất Việt mà tôi ký tên Hải Văn (mỗi một bài gửi đi lại ký một cái tên khác nhau). Bài này tôi viết về thực

trạng xã hội dạo đó, lấy bối cảnh là những bản nhạc thịnh hành của nhiều tác giả, được nghe hàng ngày trên sóng đài phát thanh hay trong những buổi trình diễn văn nghệ quần chúng, mà nội dung ca ngợi đời sống mới với những hình ảnh tươi vui đẹp đẽ đầy nét lạc quan, từ trường học cho đến nhà máy công trường, ở thành phố hay làng quê... Thế nhưng đối chiếu với thực tế cuộc sống diễn ra hàng ngày cũng ở những nơi chỗ đó, lại hoàn toàn khác hẳn. Biết bao cơ cực vất vả vô cùng khó khăn thiếu thốn trăm bề của mọi tầng lớp dân chúng. Bên cạnh đó là tình trạng cán bộ nhà nước tha hóa, moi móc kiếm chác bằng mọi cách và ăn chơi hưởng thụ phè phỡn lộ liễu ngày ngày trên mồ hôi nước mắt khổ nhọc của người dân. Như vậy, những điều mà các bài hát ấy nói đến đều không có thật mà chỉ là những ước mơ hazy mơ ước sẽ đạt được. Và mỗi khi cất tiếng hát lên, mỗi một người hát đã như là một nhân chứng.

Tư Trà thừa nhận rằng những điều tôi nói về thực trạng xã hội và tình trạng cán bộ nhà nước hư hỏng không sai, nhưng trách tôi một cách giáo điều ngây thơ rằng tại sao không gửi một bài như vậy cho báo Tuổi Trẻ hay Sài Gòn Giải Phóng ở thành phố, mà lại gửi ra ngoại quốc để ngoài đó lợi dụng rồi thêm thắt nhằm nói xấu chế độ. Tư Trà có nhắc đến bài *Nếu chàng Trương Chi đẹp trai* của anh Dương Hùng Cường với một giọng điệu và thái độ rất hằn học.

Tôi ngồi lặng thinh nghe ông ta nói, thỉnh thoảng chỉ ậm ừ đôi chút, và sau cùng chỉ bình thản nói lại điều mà tôi đã viết trong tờ kiểm điểm, là tôi sẵn sàng nhận chịu tất cả những gì chế độ muốn dành cho tôi.

Khoảng thời gian những ngày tiếp theo, khi sắp đến lễ Giáng Sinh 1984, họ tôi ra phòng tập thể sau gần tám tháng biệt giam bên Khu B, khu trại giam dành cho nữ giới. Những tháng ngày ở nơi đây đã để lại trong tôi biết bao điều thật nhớ.

Anh Dương Hùng Cường nhờ qua người tù làm lao động bên ngoài nhắn với tôi rằng hẹn ngày về gặp lại nhau ở *Thương nhớ mười hai*. Nhưng rồi lời hẹn này đã mãi mãi trở thành lỗi hẹn và không bao giờ thực hiện được nữa.

Houston tháng 6/2016

Về cái chết bất ngờ của nhà văn Dương Hùng Cường Du Tử Lê



Bìa một tác phẩm Dương Hùng Cường.
(Hình: Du Tử Lê cung cấp)

Viết về những năm tháng cuối cùng của nhà văn Dương Hùng Cường, cố nhà báo Hồ Nam, trong tác phẩm "100 Văn Nghệ Sĩ" (viết chung với nhà văn Vũ Uyên Giang), ghi nhận rằng, khi biến cố 30 Tháng Tư, 1975, xảy ra, nhà văn Dương Hùng Cường không di tản.

Thời gian này, vợ ông, bà Vương Thị Oanh, cựu nữ sinh Trưng Vương, mang thai đứa con thứ sáu; và lại là con trai: Niềm mong ước trong bao nhiêu năm của ông. Tuy nhiên, cuối cùng ông cũng không được thấy mặt con lúc ra đời vì đã sớm bị tập trung “cải tạo!”

Về lý do ông bị bắt lần thứ hai, sau ba năm tù “cải tạo” lần thứ nhất, theo nhà báo Hồ Nam, vì ông viết bài gửi ra hải ngoại, cho nhà văn Trần Tam Tiệp, qua đường dây của cô Nguyễn Thị Nhạn, nhân viên bưu điện thành phố Sài Gòn.

Ký giả Hồ Nam kể, ông Cường từng khăng khái nói với ông Trần Ngọc Tự (bạn thân của nhà văn Trần Tam Tiệp) rằng, ông Cường không cần tù giam qua 2 “pao” của nhà văn Trần Tam Tiệp mà chỉ cần bài viết tố cáo chế độ Cộng Sản của ông, được phổ biến ở nước ngoài mà thôi.

Ký giả Hồ Nam cho rằng ông Cường chết vì bị rắn độc cắn trong phòng biệt giam Tháng Mười Một, 1987.

Cũng viết về những ngày cuối cùng của tác giả “Buồn Vui Phi Trường,” nhưng với tư cách bạn đồng tù, nhà văn Hoàng Hải Thủy, trong bài “Cái Chết Của Nhà Văn Dương Hùng Cường” (*) có nhiều ghi nhận cụ thể, chi tiết hơn.

Ông kể, một buổi sáng Tháng Năm, 1984, khi ông ở biệt giam 10 và bạn tù Trần Ngọc Tự ở biệt giam 9, nhà tù Phan Đăng Lưu, Gia Định, chưa kịp nói gì nhiều với nhau, thì khi ghé mắt nhìn ra đầu hành lang hai ông thấy tác giả “Buồn Vui Phi Trường” bị công an áp tải vào phòng giam. Khi đó, nhà văn Dương Hùng Cường bận áo pull xanh, quần kaki – cái áo pull này chắc là của nhà văn Trần Tam Tiệp mới gửi về. Sau thủ tục gia nhập sổ hộ khẩu thường trú, khám quần áo, hỏi tên tuổi, tội trạng, ghi vào sổ, ông Cường được đưa vào biệt giam 15 hay 16 bên dưới xà lim của ông Thủy. Ông Dương Hùng Cường không thấy hai người bạn của mình! Mặc dù họ thấy ông Cường rất rõ.

Trong buổi sáng đó, nhà văn Hoàng Hải Thủy nói, ông được biết ông Khuất Duy Trác bị giam ở biệt giam 1. Biệt giam này ở ngay đầu hành lang, cạnh bàn làm việc của cai tù gác khu C1, nên ông Khuất Duy Trác không thể nói năng, hỏi han, trao đổi tin tức gì được với những bạn tù phòng bên.

Ông Thủy nhấn mạnh: “Như vậy là anh em tôi bốn người: Dương Hùng Cường, Trần Ngọc Tự, Khuất Duy Trác và tôi – được công an thành Hồ đem xe bông đến nhà rước đi. Trong cùng một đêm. Vài ngày sau chúng tôi được tin anh Doãn Quốc Sỹ cũng bị bắt, đang nằm biệt giam khu C2 đầu lưng với khu C1 của chúng tôi.”

Vì xà lim của nhà văn Dương Hùng Cường xa phòng biệt giam của ông Hoàng Hải Thủy và Trần Ngọc Tự, nên họ chỉ có thể chuyện với nhau qua “vệ tinh”... Nghĩa là nhờ người tập thể trước mặt, chuyển tin tức cho ông Cường, và ngược lại...

Khi ông Cường nghe ông Hoàng Hải Thủy và Trần Ngọc Tự nói qua “vệ tinh” rằng công an thành phố Sài Gòn đã bắt được cô Nguyễn Thị Nhạn, liên lạc viên can đảm, duy nhất đáng ca ngợi của ông Trần Tam Tiệp ở Paris, thì ông Cường nhấn lại là: “Phải giữ an ninh cho dì Út...” “Dì Út” là tên các văn nghệ sĩ ở Sài Gòn dùng để gọi cô Nguyễn Thị Nhạn, nhân viên bưu điện trung ương thành phố Sài Gòn, người trung gian nhận thư từ, sách báo, thuốc men do ông Trần Tam Tiệp gửi về cho anh em. Ngược lại, cô Nguyễn Thị Nhạn cũng nhận chuyển bài vở, bản thảo của anh em gửi ra ngoại quốc. Điều trớ trêu theo nhà văn Hoàng Hải Thủy, là khi các nhà văn dặn dò nhau phải giữ an ninh cho cô Nguyễn Thị Nhạn, thì họ đâu biết rằng cô Nhạn đã bị bắt rồi thả, rồi lại bắt lại trước anh em văn nghệ cả tháng trời!

Về tình trạng tù đầy của số văn nghệ sĩ bị bắt lần thứ hai, kể từ sáng 2 Tháng Năm, 1984, nhà văn Hoàng Hải Thủy ghi nhận rằng, sau thời gian bị nhốt ở biệt giam, gọi là thời gian cách ly, dài ngắn, lâu mau tùy theo từng người tù thì, ông Khuất Duy Trác được di chuyển về phòng tập thể 2, ông Dương Hùng Cường ở phòng tập thể 3, ông Hoàng Hải Thủy ở phòng tập thể 6... Mười hai tháng sau (Tháng Năm, 1985) nhóm văn nghệ sĩ bị gọi là “Những tên biệt kích cầm bút” – lại bị di chuyển qua khám Chí Hòa.”

Nhà văn Hoàng Hải Thủy viết: "...Đây là lần thứ nhất anh em tôi được 'đoàn tụ' trong vòng hai tiếng đồng hồ. Xe chở chúng tôi từ số 4 Phan Đăng Lưu sang nhà giam Chí Hòa là loại xe vận tải. Công an thành phố dùng loại xe này vừa chở hàng, chở gạo, chở heo và chở tù. Bọn 'Biệt Kích' lách thếch xách giỏ, chiếu lên xe tù sáng ấy gồm sáu mạng: Doãn Quốc Sỹ, Dương Hùng Cường, Khuất Duy Trác, Trần Ngọc Tụ, Hoàng Hải Thủy và hai nữ là Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn. Trên xe anh em vẫn nghệ sĩ cười nói râm ran, tưởng như đang cùng đi trên một chuyến xe dự đám cưới chứ không phải là xe chở tù! (...) Đây là lần thứ nhất, sáu anh em chúng tôi đặt chân vào 'đất thánh Chí Hòa.' Chỉ có cô Nguyễn Thị Nhạn là người bị bắt lần đầu, còn chúng tôi – kể cả cô Lý Thụy Ý – đều đã bị bắt một lần rồi, nhưng chưa ai 'được' vào Chí Hòa (...) Sau 2 giờ 'đoàn tụ' thân mật, vui vẻ trên xe chở tù, chúng tôi lại được 'ưu ái' chia ra mỗi tên ở một phòng."

Ở khám lớn Chí Hòa, tác giả bài "Cái Chết Của Nhà Văn Dương Hùng Cường" thấy có nữ tu Thích Trí Hải – bị bắt trong nhóm Già Lam, gồm Tuệ Sĩ, Trí Siêu, Lê Mạnh Thát, Thượng Tọa Thích Đức Nhuận...

Ông nói: "...Khi vào phòng 10 khu ED Chí Hòa, tôi mới biết anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạch đã từ Phan Đăng Lưu sang đây trước tôi đang ở phòng 11 cạnh phòng tôi..."

Nhà văn Hiếu Chân bị bắt sau nhà văn Hoàng Hải Thủy chừng hai tháng, và "...Hiếu Chân bị chứng huyết áp cao, qua đời vì cơn bệnh này trong một đêm đầu năm 1986..." nhà văn Hoàng Hải Thủy cho biết.

Riêng về cái chết của nhà văn Dương Hùng Cường, ông Thủy kể: "Giữa, hay cuối năm 1987, tôi bàng hoàng khi được tin Dương Hùng Cường đã chết ở số 4 Phan Đăng Lưu (...) Anh em nói tối hôm trước ở những phòng tập thể, họ còn nghe tiếng Cường hát ở cửa gió biệt giam. Nhưng 8 giờ sáng hôm sau, cai tù đi một vòng điểm số. Không thấy Dương Hùng Cường đứng đưa mặt ra ô cửa gió. Mở cửa vào phòng biệt giam, cai tù mới thấy người tù nằm ngửa, đã chết trên sàn xi-măng... Thi thể nhà văn Dương Hùng Cường được đưa từ số 4 Phan Đăng Lưu về nhà xác Chí Hòa. Vợ con anh được gọi đến nhà xác Chí Hòa nhìn mặt anh, chứng kiến tẩm liệm anh. Công an Cộng Sản tối kỳ việc cho thân nhân lãnh xác tù về nhà làm đám ma. Chúng cung cấp cho Dương Hùng Cường quan tài, xe chở lên chôn ở một nghĩa trang bên Lái Thiêu..."

Ra khỏi bài viết về cái chết của bạn, nhà văn Hoàng Hải Thủy viết: "...Hôm nay ngồi bình yên trên đất Virginia – Virginia đất của tình yêu, đất dành cho những người yêu nhau – Virginia is for Lovers – tôi nhớ lại hình ảnh Cường trong chiếc áo pull xanh, quần kaki, túi quần áo đặt dưới chân, đứng trong hành lang C1, chờ cai tù mở cửa phòng biệt giam. Dương Hùng Cường... Tôi đã gọi tên Cường một lần ở giữa lòng Sài Gòn bị chiếm đóng của chúng ta."

Chú thích:

(*) Theo Ngô Không ở trang mạng T. Vấn thì nhà văn Dương Hùng Cường bút hiệu Dê Húc Càn, Lão Dương... sinh ngày 1 Tháng Mười, 1934, tại Hà Nội. Ông qua đời ngày 21 Tháng Mười Một, 1987 tại nhà tù Phan Đăng Lưu, Gia Định, Sài Gòn.

Cái chết của nhà văn KQ Dương Hùng Cường Hoàng Hải Thủy

Họ đọc lệnh bắt tôi tại nhà tôi lúc 2 giờ đêm rạng ngày 2/5/1984. Đây là lần thứ hai Alice phải đứng nghe những người công an TP HCM đọc án lệnh bắt chồng nàng. Nàng đã đứng nghe án bên chồng một lần trước đó 6 năm -- năm 1977 -- cũng trong căn nhà nhỏ không có mùa xuân nhưng nồng đượm tình yêu của vợ chồng nàng. Lần ấy khi thấy đọc bản án xong người ta còng tay chồng nàng, Alice phản đối :

- Chồng tôi làm gì mà còng tay chồng tôi ?

Tôi -- thản nhiên hay tỉnh queo thì không đúng hẳn, khi đã biết trước mình sẽ sắp bị công an VC đến bắt thì còn sững sốt, bàng hoàng chi nữa -- lúc đó mềm như bún, tôi nói với nàng.

- Đừng em. Việc anh bị bắt mới là quan trọng, việc anh bị còng tay có đáng gì để em buồn tủi đâu...

Khi thấy nàng nghẹn ngào muốn khóc, nhìn nàng, tôi lắc đầu thảm nói với nàng bằng mắt : "Em đừng khóc..."

Năm 1960, hay 1961 -- xa như một kiếp nào xưa -- tôi được đạo diễn Hoàng Anh Tuấn cho đóng một vai phụ trong bộ phim xi-la-ma "Hai Chuyến Xe Hoa". Vai nữ chánh của cuốn phim là Thanh Nga. Đúng là đóng phim nó vận vào mình. Thanh Nga, chắc vì la đà hát chính cống, không những một đời chỉ có 2 chuyến xe hoa mà đi những 5, 7 chuyến xe hoa. Còn tôi, kếp xi-la-ma rởm, tôi cũng, và tôi chỉ được 2 chuyến xe thôi. Sáng ngày 2/5/1984 chiếc xe bông thứ hai của Sở công an TP HCM đến cư xá Tự Do, Ngã Ba Ông Tạ, đón anh Con Trai Bà Cả đi vào ô-ten số 4 Phan Đăng Lưu cư hạn dài hạn lần thứ 2.

Tôi lại được đưa trở vào và nhà giam số 4 Phan Đăng Lưu lúc 6 giờ sáng. Cảm giác của tôi lúc ấy là cảm giác của 2 cậu Lưu Thần, Nguyễn Triệu buồn nhiều hơn vui. Tôi cũng vậy. 4 năm trước, một buổi sáng tôi đã rảo bước đi ra khỏi nhà tù này, tim đập mạnh, vai nhẹ nhàng, lòng mừng vui. Sáng nay, 4 năm sau tôi trở lại nơi xưa. Cảnh sắc tiêu điều hơn, những hành lang rạn nứt, ướt nước.

4 năm trước, họ giam tôi trong cái gọi là Phòng Biệt Giam số 6 Khu C Một. Nhà giam Phan Đăng Lưu, bên cạnh Tòa Tỉnh trưởng Gia Định, nay nơi này là "Trường Đảng -- Nguyễn Văn Cừ". Nhà giam này nguyên là Đề lao Gia Định được VC mở rộng lên lớn gấp 4 lần. Cái gọi là Biệt giam chỉ là cái sà-lim của những nhà tù thời Đông Dương còn bị thuộc Pháp. Tái đảo thiên thai, người ta lại đưa tôi vào Khu C Một. Chỉ có khác là lần trước tôi nằm Biệt Giam số 6, lần này tiến bộ hơn, tôi nằm ở Biệt Giam số 10.

Cũng như lần trước, việc làm đầu tiên của tôi khi cánh cửa sắt Biệt Giam vừa đóng lại là cởi áo, cởi quần dài, ở trần, chỉ mặc có cái quần sà lòn, sà lim với sà lòn là anh em cùng cha, cùng mẹ -- ra đứng nhìn qua cửa gió ra hành lang.

Mới 6 giờ sáng, bọn cai tù còn lịch kịch áo thun, sà lòn, rửa mặt ở những vòi nước bên ngoài hành lang C1. Khi đang láo nháo trả lời, báo tin bên ngoài cho vài anh em đứng ở sau cửa phòng Tập thể số 2, số 3 trước mặt, tôi bỗng nghe tiếng người gọi :

- Dượng Hai...

Anh em chúng tôi, mấy người liên lạc với Trần Tam Hiệp ở Paris vẫn quen gọi Tiệp là Dượng Ba. Tôi được gọi là Dượng Hai vì tôi cao tuổi hơn anh em.

Tôi ngạc nhiên :

- Ai đấy ?

- Tự đây, Trần Ngọc Tự...

Trần Ngọc Tụ Không quân, Tụ và Dương Hùng Cường quen biết lính Không quân Trần Tam Tiệp khá thân. Tụ ở ngay Biệt Giam 9 cạnh Biệt Giam 10 có tôi vừa được đưa vào. Tụ vào đây trước tôi. Vì cùng ở một dãy nên Tụ và tôi chỉ nghe được tiếng nhau mà không nhìn thấy mặt nhau. Hai chúng tôi chưa nói gì được với nhau nhiều thì ghé mắt nhìn ra đầu hành lang chúng tôi thấy Dương Hùng Cường được dẫn vào.

Dương Hùng Cường bận áo pull xanh, quần kaki -- cái áo pull này chắc là của Trần Tam Tiệp mới gởi về. Sau thủ tục gia nhập sổ hộ khẩu thường trú : khám quần áo, hỏi tên tuổi, tội trạng, ghi vào sổ, Cường được đưa vào Biệt Giam 15 hay 16 bên dưới tôi. Cường đi qua sà lim giam Tụ và tôi nhưng Cường không trông thấy chúng tôi. Chúng tôi nhìn thấy Cường rất rõ.

Trong buổi sáng đầu tiên ấy, Tụ và tôi được biết Khuất Duy Trác bị giam ở Biệt Giam 1. Biệt giam này ở ngay đầu hành lang, cạnh bàn làm việc của cai tù gác khu C1 nên Khuất Duy Trác không thể nói năng, hỏi han, trao đổi tin tức gì được với những bạn tù phòng bên. Như vậy là anh em tôi 4 người : Dương Hùng Cường, Trần Ngọc Tụ, Khuất Duy Trác và tôi -- được công an thành Hồ đem xe bông đến nhà rước đi. Trong cùng một đêm. Vài ngày sau chúng tôi được tin anh Doãn Quốc Sỹ cũng bị bắt, đang nằm Biệt Giam khu C2 đầu lưng với khu C1 của chúng tôi.

Sáng sớm hôm sau, Tụ và tôi mới hỏi qua, nói lại được với Dương Hùng Cường. Biệt Giam Cường ở khá xa Biệt giam 2 chúng tôi. Cường và chúng tôi nói chuyện nhau qua vệ tinh : chúng tôi nói qua phòng tập thể trước mặt, nhờ anh em bên đó nói lại với Cường. Chúng tôi cũng chỉ nghe được lời Cường nhờ anh em ở những phòng tập thể trước mặt truyền lại.

Khi nghe chúng tôi nói sang :

- Nó bắt mấy thằng liên lạc với Dương Ba rồi...

Cường bảo chúng tôi :

- Phải giữ an ninh cho Dì Út...

Dì Út là tên chúng tôi dùng để gọi cô Nguyễn Thị Nhạn, nhân viên Bưu điện Trung ương thành Hồ, người trung gian nhận thư từ, sách báo, thuốc do Trần Tam Tiệp ở Paris gởi về cho chúng tôi và gởi thơ, bài viết, bản thảo của chúng tôi qua Trần Tam Tiệp.

Khi dặn nhau phải giữ an ninh cho Dì Út Nguyễn Thị Nhạn, anh em chúng tôi không biết rằng cô Nhạn đã bị bắt trước chúng tôi cả tháng trời. bắt rồi được thả ra. Và bắt lại cùng với chúng tôi.

Cuộc sống tù đầy chung của anh em chúng tôi bắt đầu từ sáng ngày 2/5/1984.

Sau thời gian bị nhốt ở Biệt Giam -- thời gian này gọi là thời gian cách ly, dài ngắn, lâu mau tùy theo từng người tù. Khuất Duy Trác sang ở Phòng Tập thể 2, Dương Hùng Cường ở Phòng Tập thể 3, tôi ở Phòng Tập thể 6, Trần Ngọc Tụ sau thời gian được chuyển sang nằm Biệt Giam khu B, được đưa trở lại ở Phòng Tập thể 5 khu C1.

12 tháng sau -- tháng 5/1985 -- chúng tôi, những người được Công an Thành phố gọi là "Những tên biệt kích cầm bút" -- được đưa lên xe bông sang nơi tôi gọi là "thánh địa Chí Hòa". Đây là lần thứ nhất anh em tôi được "đoàn tụ" trong vòng 2 tiếng đồng hồ. Xe chở chúng tôi từ số 4 Phan Đăng Lưu sang Nhà giam Chí Hòa là loại xe vận tải. Công an TP dùng loại xe này

vừa chở hàng, chở gạo, chở heo và chở tù. Bọn Biệt Kích lếch thếch xách giỏ, chiếu lên xe bông sáng ấy gồm 6 mạng : Doãn Quốc Sĩ, Dương Hùng Cường, Khuất Duy Trác, Trần Ngọc Tụ, Hoàng Hải Thủy. Và 2 nữ : Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn.

Xe ra khỏi số 4 Phan Đăng Lưu, sang đường Đinh Tiên Hoàng về Dakao, vào đường Hiền Vương -- chúng tôi thấy nghĩa trang Mạc Đình Chi đã trở thành công viên -- vào đường Lê Văn Duyệt, đã đổi tên thành Cách mạng Tháng 8. Trên xe anh em tôi cười nói râm ran. Tôi có cảm tưởng chúng tôi đang trên xe đi dự đám cưới chứ không phải là xe chở tù.

Đây là lần thứ nhất 6 anh em chúng tôi đặt chân vào "đất thánh Chí Hoà". Chỉ có cô Nguyễn Thị Nhạn là người bị bắt lần đầu, còn chúng tôi -- kể cả Lý Thụy Ý -- đều đã bị bắt một lần nhưng chưa ai "được" vào Chí Hoà. Chúng tôi vào khu ED. Lầu 8 góc Chí Hoà được gọi theo vần A,B,C,D,E,F,G,H. Cứ 2 tòa nhà hợp thành một khu : AH chứ không phải HA, rồi khu BC, khu ED (gọi là Ớ Đê). Cai tù Vixi nói "nễ nớn, nòng nợn", nhưng vẫn gọi tên khu như người Saigon là Ớ Đê chứ không gọi là Đê E. Cuối cùng là là khu FG. Sau 2 giờ "đoàn tụ" thân mật, vui vẻ trên xe chở tù, chúng tôi lại được ưu ái chia ra mỗi tên ở một phòng. Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn vào 2 phòng 3, phòng 4 ở dưới đất. 2 phòng này dành cho tù nữ. Có Thích Trí Hải -- bị bắt trong nhóm Già Lam Tuệ Sĩ, Trí Siêu, Lê Mạnh Phát, Thượng Tọa Thích Đức Nhuận -- đã ở trước trong khu giam tù nữ này. Cường và Tụ và ở 2 phòng 7, phòng 8 lầu 1, Khuất Duy Trác vào phòng 9 lầu 2, tôi vào phòng 10 lầu 2, Doãn Quốc Sĩ lên phòng 14 tầng lầu 3 cao nhất.

Khi vào phòng 10 khu ED Chí Hoà, tôi mới biết anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạt đã từ Phan Đăng Lưu sang đây trước tôi đang ở phòng 11 cạnh phòng tôi.

Chúng tôi đã sống 12 tháng trong nhà giam Phan Đăng Lưu. chúng tôi lại sống 12 tháng thứ hai trong nhà tù Chí Hoà. Thời gian trong tù thật ly kỳ -- qua thật chậm mà cũng thật mau -- thậm chí thoát đã qua năm 1986, năm Đảng CSVN họp Đại hội Đảng kỳ 6.

Anh Hiếu Chân bị bắt sau chúng tôi chừng 2 tháng. Anh cũng bị ghép vào bọn "Biệt Kích Cầm Bút" chúng tôi. Anh bị chứng huyết áp cao và qua đời vì cơn bệnh này trong một đêm đầu năm 1986.

Ban đêm khi có người tù lên cơn bệnh nặng cần được cấp cứu, những anh em tù cùng phòng phải la lớn qua những chấn song sắt :

- Báo cáo cán bộ... Phòng 11 có người bệnh nặng... Xin cấp cứu... Tiếng kêu trong đêm, yên tĩnh, vang đi khắp nhà tù, vẳng vào tất cả các phòng giam. Thường thì phải kêu lớn cả chục tiếng như thế bọn cai tù trực đêm mới lịch kịch xách chìa khoá lên mở ba bốn lần cửa sắt cho tù khoẻ cũng tù bệnh đi xuống cái gọi là Trạm Xá.

Chừng một tháng sau ngày anh Hiếu Chân qua đời, một sáng tôi đang sửa soạn đánh cờ thì được anh em tù ra đưa cơm nước đến ngoài song báo tin :

- Doãn Quốc Sĩ, Dương Hùng Cường chuyển trại...

"Chuyển trại" là việc người tù bị đưa từ nhà tù này sang nhà tù khác.

Như Solzhenytsin đã viết trong truyện "Tầng Đầu Địa Ngục" (The First Circle), kể chuyện tù đày ở Liên-xô -- người tù ở đâu quen đó, việc đổi phòng giam chỉ gây phiền nhiễu cho người tù -- và thường khi đã chuyển trại thì cả một bọn đồng vụ cũng bị chuyển trại. Anh tù ra làm lao động -- lao động là tên gọi việc đưa cơm nước -- báo cáo cho tôi biết 2 người đồng bọn với tôi được

gọi chuyển trại, tôi cũng phải thu xếp hành trang và tôi sắp được, hay bị gọi ra chuyển trại.

Đi đâu đây ? Tim tôi đập mạnh. Xếp quần áo vào giỏ xong xuôi tôi hỏi hộ ngồi chờ. Nhưng không thấy cai tù đến gọi tên tôi, ra lệnh cho tôi bằng 3 tiếng gọn : "Lấy đồ ra...". Tôi bồn chồn đợi mãi đến lúc anh bạn tù lao động trở lại cho biết :

- 4 người Sĩ, Cường, Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn... đưa đi rồi. Coi bộ như đưa trở về Phan Đăng Lưu... Khi người tù đã chịu thẩm vấn ở số 4 Phan Đăng Lưu đã qua Chí Hòa mà lại bị đưa trở về Phan Đăng Lưu thì nguyên nhân thường là trở về để chịu thẩm vấn lại lần nữa. Người tù này có gia nhập những tổ chức khác, hay có can một số tội mới được phát hiện. Tôi thắc mắc mãi về việc 4 anh em chúng tôi : Sĩ, Cường, Ý, Nhạn... Trở về Phan Đăng Lưu khi chỉ còn 3 anh em tôi -- Trác, Tụ và tôi -- vẫn còn ở lại Chí Hòa. Lúc này anh Hiếu Chân đã chết... Bọn bị ghép vào tội Biệt Kích Cầm Bút chúng tôi gồm 8 người đã bị hy sinh mất một.

Tôi nhớ không rõ tháng mấy năm 1986, tôi chỉ nhớ việc xảy ra trước ngày Đảng CS họp Đại hội 6. Một hôm Trác, Tụ và tôi được gọi ra để "đi nghe đọc cáo trạng". Chúng tôi sắp ra tòa. Một thư ký Tòa Án đến đọc bản cáo trạng và báo cho tù nhân biết ngày ra tòa trong một phòng thẩm vấn ở dưới đất. Đến lúc này người thư ký đến đọc cáo trạng mới biết một người tù có tên trong cáo trạng là Nguyễn Hoạt đã chết. Anh thư ký này cũng đến lúc đó mới biết là 4 người được anh đến đọc cáo trạng cho nghe là Doãn Quốc Sĩ, Dương Hùng Cường, Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn đã được chuyển sang nhà tù khác.

"Công an thành phố HCM khởi tố vụ gián điệp hoạt động trên địa bàn TP HCM...". Đó là mấy giòng chữ đầu tôi đọc được trên bản báo cáo người công an thẩm vấn tôi đặt trên bàn, rất tiếc là mắt tôi kém, tôi lại đọc ngược giòng chữ nên không đọc được nhiều hơn.

Xin cho tôi nói thêm một chuyện có vẻ như không liên hệ gì đến "Vụ gián điệp rằm 1986". Đó là chuyện sau khi Saigon bị đổi tên là Hồ Chí Minh thì 2 tiếng Thành phố luôn luôn đi trước 3 tiếng HCM. Thế rồi 2 tiếng "Thành phố" tức là "Thành phố HCM...". Trong khi ấy Cần Thơ, Đà Lạt cũng là thành phố nhưng không gọi là thành phố mà chỉ trống trơn Cần Thơ, Đà Lạt.

Đồng bào miền Nam thường dễ dãi, không ưa rườm rà màu mỡ riêu cua, nên hay gọi tắt. Năm xưa ta thường nói mà chẳng ai mất lòng những câu như "Máy thẳng Sègòong, bọn Đà Lạt". Nhưng nay nếu nói "Máy thẳng HCM, bọn HCM cà chớn" thì phạm húy. Thành ra thiên hạ gọi tắt là "Thành phố"...

Một buổi sáng Trác, Tụ và tôi đứng xớ rớ chờ xe chở ra tòa. Sáng ấy chỉ có 3 anh em tôi từ Chí Hòa ra tòa nên công an áp giải dùng chiếc xe Jeep. Hôm nào đồng thân chủ họ dùng xe vận tải. Trên xe anh lái xe hỏi anh Cai Tù áp giải tù :

- Trưa về hay chiều về đây ?

- Chiều -- Cai Tù áp giải trả lời, nói thêm -- Chiều mà mai còn đi nữa.

Công an Chá xế ngạc nhiên :

- Cái gì ? Có 3 ngoe mà xử những 2 ngày sao ?

Cai Tù áp giải trả lời ngọt : 8 mạng tất cả. Một mạng tạnh rồi. 4 mạng ở Phan Đăng Lưu...

"Một mạng tạnh rồi..." "Tạnh", nguyên văn lời Cai Tù sáng ấy. "Tạnh" không phải là do tôi bịa ra.

Người làm chứng cho tôi là Khuất Duy Trác.

Công an Chá xế nghiêng mặt về phía sau :

- Mấy em này văn nghệ chi đó, phải không ?

Công an thành Hồ, kể cả Công an Chá xế, cũng loáng thoáng biết vụ văn nghệ sĩ ra tòa vì 2 tờ báo mạnh nhất ở thành Hồ là tờ Công An và Tuổi Trẻ, đang mở chiến dịch mạt lý chúng tôi ồn ào và đe dọa. Họ đã viết về chúng tôi nhiều bài từ 2 năm trước. Nay chúng tôi ra tòa, họ hâm nóng trở lại vụ án. Họ dàn dựng một vụ xử thật nặng nề để răn đe kẻ khác, "Bọn chúng phải ra trước Tòa Án Thành Phố HCM để trả lời về những tội trạng của chúng..." Đó là một trong những lời nói đầu loạt bài chửi rửa chúng tôi.

Nhưng năm 1986, họ không xử được bọn Biệt Kích Cầm Bút. Ra tòa chúng tôi mới biết tòa đình xử. Vì Cường và Sĩ, Ý, Nhạn ở số 4 Phan Đăng Lưu. Nhà tù này thuộc thành phố. Chỉ cần Sở Công an Thành phố chỉ một cú điện thoại là những anh Cai Tù Phan Đăng Lưu biết tòa không xử và không mất công đưa tù ra tòa. Nhưng với nhà tù Chí Hòa thì phải có giấy tờ đảng hoàng. Vì vậy sáng hôm ấy Trác, Tự và tôi được xe Jeep đưa từ Chí Hòa ra tòa án, được gặp vợ, con, cháu, em, chị, thoải mái trong suốt một buổi sáng. Chị Oanh, vợ Cường, mắt đỏ lên khi nhìn vợ chồng, bố con, ông cháu chúng tôi ngồi quần quít với nhau.

Một công dân chỉ sau khi bị tòa án phán quyết có tội, mới bị coi là có tội. Đây là nguyên tắc luật pháp của tất cả những xã hội, bị những người CS gọi là "thối nát, sa đọa, vô pháp luật...", nhưng XHCN vẫn minh, tiến bộ không công nhận nguyên tắc ấy. Lenin từng viết trên giấy trắng mực...đỏ : "Việc chia chính quyền ra làm 3 ngành, lập pháp, hành pháp, tư pháp là trò bịp bợm của bọn tư sản. Quyền hành phải được tập trung vào một mối, và phải do giai cấp vô sản hành xử..."

Những người CSVN không có qua một sáng kiến gì cả. Tất cả những thủ đoạn họ làm, đều do họ học mót của CS Nga, Tàu. Việc bắt người, điều tra, kết tội đều do một người, hay do vài người quyết định, thực hiện. Đảng viên CS đều có tính cách y hệt nhau. 3 đảng viên hay 10 đảng viên thì ý kiến cũng chỉ là một. Vì vậy những người CS ở khắp các nước bị đảng CS cai trị đều có một hành động giống nhau : khi công an của họ bắt giam một người nào đó, người bị bắt đã bị coi là có tội. Công an thay tòa án, công an kết tội công dân, trước khi tòa án của chính họ xét xử. Việc ra tòa dưới chế độ CS, chỉ là một màn kịch vô duyên. Tất cả những diễn viên bắt đắc dĩ, cùng nhà đạo diễn đều biết mình vô duyên, nhưng cứ trơ mặt, trán bóng đóng kịch.

Khi còn sống ở thành Hồ, nghe tin loan trên những làn sóng điện VOA, BBC, tôi vẫn thắc mắc về việc những người đấu tranh cho dân chủ trên thế giới, những người bảo vệ quyền lợi của những người tù chính trị ở VN, "những tù nhân của lương tâm", vẫn lên tiếng đòi nhà cầm quyền CS, phải đưa những người bị CS bắt giam vì bất đồng chính kiến ra trước tòa. Việc người tù như anh em chúng tôi, được đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố HCM -- Tòa án chuyên xử nhân dân -- xét xử năm 1986 không phải là việc có lợi cho anh em chúng tôi. CS có cái gọi là Ủy Ban Luận Tội -- thành viên của ủy ban này gồm các cán bộ công an, Viện kiểm sát và Tòa án. 3 cơ sở nhưng chỉ có một đảng viên quyết định. Ủy ban này đã luận tội, đã định mức án cho người tù. Bọn Chánh án VC chỉ là những anh chị thi hành quyết định của Ủy Ban Luận Tội mà thôi.

Nhảy múa trên xiềng xích của người khác

Đại hội Đảng CS kỳ 6, năm 1986, đưa Nguyễn Văn Linh lên làm Tổng Bí Thư. Linh tuyên bố thì

hành chính sách đổi mới, cởi trói cho văn nghệ, v.v.. Trước Linh, Trường Chinh cũng lép nhép nói đến chuyện phải đổi mới.

Những anh em Công an Thành Hồ, những anh viết 2 tờ báo Công an, Tuổi Trẻ bị tên tù, vì không xử được bọn Biệt Kích Cầm Bút. Các anh đã la lối om sòm, đã lớn tiếng tố cáo chúng tôi là "gián điệp", các anh đã nhảy múa, ca hát trên xiềng xích của chúng tôi, đón chờ cái chết của chúng tôi. Nhưng rồi...êm ru bà rù. Chìm xuống nặng. Mấy ảnh tự động chấm dứt loạt bài viết đả kích, nhục mạ chúng tôi trên báo. Mới hôm trước các anh la là "gián điệp", hôm sau mấy ảnh im luôn.

Trở về phòng giam Chí Hòa, chúng tôi lại ngày ngày gò lưng đánh cò, lại bắt chước ông Trần Văn Hương mần thơ... Giữa, hay cuối năm 1987, tôi bàng hoàng khi được tin Dương Hùng Cường đã chết ở số 4 Phan Đăng Lưu.

Sống 4 năm trong tù, riêng tôi, ý tưởng chết đôi khi cũng đến ám ảnh tôi. Nhưng tôi gạt nó đi. Tôi vẫn nghĩ anh em tù chết, mình tù như anh em, cũng có thể chết như anh em. Cùng lúc ấy tôi lại nghĩ tôi không chết trong tù, tôi sẽ trở về với vợ con tôi, với cuộc sống. Thường lệ, cứ mỗi tháng lại có một chuyến đưa tù nhân từ số 4 Phan Đăng Lưu sang Chí Hòa. Chúng tôi lại được nghe kể về trường hợp "Đê Húc Càn" Dương Hùng Cường qua đời trong biệt giam.

Cường và Doãn Quốc Sĩ bị đưa vào nằm biệt giam khi 2 anh trở lại số 4 Phan Đăng Lưu. Một lần nữa Cường lại trở vào khu C1. Anh em nói tối hôm trước họ, ở những phòng tập thể, còn nghe tiếng Cường đang hát ở cửa gió Biệt Giam. 6 giờ sáng hôm sau, Cai Tù đi 1 vòng điếm số. Không thấy Dương Hùng Cường đứng đưa mặt ra ô cửa gió vào phòng biệt giam. Người tù nằm ngửa trên sàn xi-măng. Gọi không dậy. Mở cửa vào, người tù đã chết trong đêm qua.

Dương Hùng Cường, sĩ quan Quân Lực VNCH, đã đi cải tạo 3 năm. Trở về, anh không sốt sắng với việc xin trở vào sổ. Gia đình anh sống ở khu gần Cơ sở Trung tâm Nữ Quân nhân của Quân ta xưa, đường Lý Thường Kiệt. Chị Cường -- chị Vương Thị Oanh -- là cô giáo, nguyên nữ sinh Trưng Vương. Anh chị có 5 con gái. Đến năm 1975, chị mới có bầu cháu thứ 6. Anh chị rất mong có mụn con trai. Anh xách túi lên đường "đi cải tạo" trước khi con anh chào đời. Con út của anh chị là con trai. Anh đặt tên con là "Phụng Hoàng" với ngụ ý "thờ phụng màu vàng".

Cường có bệnh ở tai. Anh phải dùng thuốc Ampiciline thường xuyên. Trước ngày bị bắt, tháng 5/1984, mắt bên trái của anh đã bắt đầu thấy nhức vì tai làm độc.

Thi thể Dương Hùng Cường được đưa từ số 4 Phan Đăng Lưu về nhà xác Chí Hòa. Vợ con anh được gọi đến nhà xác Chí Hòa nhìn mặt anh, chứng kiến tẩm liệm anh. Công an CS tối kỵ việc cho thân nhân lãnh xác tù về nhà làm đám ma. Chúng cung cấp cho Dương Hùng Cường quan tài, xe chở lên chôn ở một nghĩa trang bên Lái Thiêu.

Biệt Kích Cầm Bút kiêm Giám Điệp...

Đầu năm 1988 -- hơn 2 năm sau ngày chúng tôi bị đưa ra tòa năm 1986 với tội "gián điệp" -- nhóm Biệt Kích Cầm Bút chúng tôi lại trở ra tòa.

Lần này họ đã đổi tội "gián điệp" họ gán cho chúng tôi ra thành tội "tuyên truyền phản cách mạng". Án phạt của tội gián điệp từ tối thiểu là 12 năm tù đến tối đa là tử hình. Án phạt áp dụng cho tội "tuyên truyền phản cách mạng" là tối thiểu 2 năm đến tối đa là 12 năm.

8 anh em chúng tôi bị bắt cùng một đêm, bị khép cùng một tội, bị tập trung cùng một tổ chức. Sau 4 năm tù, 2 trong 8 anh em chúng tôi đã chết trong tù.

Bản cáo trạng kể tội bọn Biệt Kích Cầm Bút đọc ở tòa án HCM năm 1988 không còn ghi đến các anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Dương Hùng Cường.

4 năm trước, an em chúng tôi bị bắt là 8 người. Trong 4 năm tù tội, 2 người trong chúng tôi đã chết. Tôi biết khi người ta chết thì dù người ta ở đâu, ở chỗ nào cũng có thể chết. Nhưng 2 anh bạn chúng tôi, anh Nguyễn Hoạt bị áp huyết cao, anh Dương Hùng Cường bị bạo bệnh chết trong phòng biệt giam. Nếu 2 anh không bị tù, nếu 2 anh ở ngoài có thuốc, được chạy chữa, được cứu cấp, 2 anh đã có thể không chết. Hôm nay chỉ có 6 anh em chúng tôi đứng ở đây. Nhưng thực ra chúng tôi là 8 người. Đứng bên trái tôi đây là anh Dương Hùng Cường từ trần trong nhà tù mang tên một anh CSVN (Phan Đăng Lưu).

Một trong những đặc điểm của nhà số 4 Phan Đăng Lưu là những cửa sắt phòng tù đều có 2 khóa. Khóa trên, khóa dưới. Đặc điểm "phòng giam đôi khóa" ấy của số 4 Phan Đăng Lưu được nói đến trong bài thơ tôi mượn để gửi đến hương hồn Dương Hùng Cường. Bài thơ này không phải do tôi làm. Tác giả là một người tù đã làm, khi người bạn của ông chết trong tù số 4 Phan Đăng Lưu

Thôi thế còn ai dám quấy rầy
Mấy thằng chấp pháp cũng khoan tay
Ăng-ten lép nhép, thầy cha nó
Quảng giáo hăm he, kệ mẹ bầy
Vĩnh biệt phòng giam đôi khóa sắt
Tiêu dao cực lạc, chín từng mây
Lê-nin, Các-Mác bao giờ gặp
Sẵn gậy ông phan chúng mấy cây

Dương Hùng Cường...Dương Hùng Cường...Chúng ta cùng đi chuyển xe từ Bà Chiểu sang Chí Hòa một sáng tháng 5/1985. Thấm thoát đã 10 năm rồi đấy. Chúng ta trao đổi với nhau vài câu nói, vài tiếng cười, vài ánh mắt trên chuyến xe ấy. Rồi thôi. Ngàn năm xa cách. Hôm nay ngồi bình yên trên đất Virginia -- Virginia đất của tình yêu, đất dành cho những người yêu nhau -- Virginia is for Lovers -- tôi nhớ lại hình ảnh Cường trong chiếc áo pull xanh, quần kaki, túi quần áo đặt dưới chân, đứng trong hành lang C1, chờ Cai Tù mở cửa phòng biệt giam.

Dương Hùng Cường...Tôi đã gọi tên Cường một lần ở giữa lòng Saigon bị chiếm đóng của chúng ta.

Mộ ký giả Dương Hùng Cường nơi đài Tưởng niệm Phóng viên ở Normandie **Hồ Đác Túc**

Khu tưởng niệm nằm ở thị trấn Bayeux, cách bờ biển Normandie gần 10 cây số, nơi liên quân Anh và Canada đổ bộ vào ngày 6 tháng 6 năm 1944 ở đoạn bờ biển có ám danh Gold Beach. Vườn tưởng niệm do tổ chức Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters sans Frontières) của Pháp thành lập.

"Đây là đài tưởng niệm độc đáo nhất ở châu Âu," trang web của RSF và của thị trấn Bayeux cho biết. Độc đáo không chỉ vì nơi dành riêng để tưởng nhớ công lao của những phóng viên

xông pha lửa đạn và phải chết vì nhiệm vụ đưa tin; độc đáo còn vì vườn tưởng niệm xinh đẹp này này nằm lặng lẽ bên cạnh nghĩa trang quân đội chôn cất gần 5,000 người lính Anh đã hy sinh trong Thế Chiến 2, và Bảo Tàng Trận Chiến Normandie.

Tôi đến Normandie lần này đúng dịp kỷ niệm 75 năm đổ bộ Normandie, nhưng không biết đài tưởng niệm này cho đến khi đọc một cột thông tin nhỏ trong cuốn sách viết về các nghĩa trang ở Normandie.

Buổi chiều ngày 3 tháng 6, gần 9 giờ nhưng trời chưa tắt nắng. Lối vào khu vườn đã đổi sập bóng tối u u vì những hàng cây cao hai bên, đọc các tên tiếng nước ngoài trên vài tấm bia rồi về. Sáng hôm sau đi nữa. Lần này hết sức ngạc nhiên khi thấy trên vài tấm bia có cả tên người Việt Nam. Tôi liên lạc với đạo diễn phim tài liệu kiêm nhà sản xuất phim Rodolphe Rutman người Pháp. Ông chuyên làm phim tài liệu chiến tranh (như Notre père ce héros, Destins croisés, Les sanglots des violons de l'automne, Voyage au Bout de l'Empire, Grande Armée), hiện đang có mặt ở Trung Tâm Báo Chí đặt phía sau Nghĩa Trang Quân Đội Hoa Kỳ ở Omaha chờ đưa tin ngày kỷ niệm đổ bộ Normandie. Dù đang bận rộn và phỏng vấn các cựu chiến binh D-Day nhưng ông hứa sẽ tìm thông tin làm sao RSF biết tên các phóng viên người Việt để khắc lên đài tưởng niệm.

Tìm một lúc mới biết nhà báo Dương Hùng Cường của tờ Con Ong ở miền nam trước 1975 có tên trên bia đá. Vậy là, lúc này trời cũng đã gần 9 giờ, đi bộ vào vườn tưởng niệm một lần nữa, quyết tìm cho ra bia khắc tên người ký giả tài hoa.

Mỗi tấm bia đều khắc năm người phóng viên mất. Nhà báo Dương Hùng Cường, tác giả “Buồn Vui Phi Trường,” “Lính Thành Phố,” “Vĩnh Biệt Phượng,” còn ký tên Dê Húc Càn trên báo Con Ong, mất năm 1988. Tôi đến ngay tấm bia năm 1988 và thấy tên ông đầu tiên (xem hình), trên danh sách các phóng viên nước ngoài khác. Tôi đặt một hoa hồng trắng trên bia. Ngày ông thành danh, tôi chưa ra đời. Giờ đây, chữ nghĩa của ông còn lại không chỉ cho riêng tôi. Ông chết trong tù vì chữ nghĩa. Trên danh sách phóng viên thế giới của RSF (thejournalistsmemorial.rsf.org), c

Cái chết của ông được viết như sau: “Died in prison, supposedly of a brain haemorrhage. Arrested by the government in 1975, free sometime between 1978 and 1981 then arrested again in 1984 with many other journalists.” (Chết trong tù, được cho là do xuất huyết não. Bị chính quyền bắt năm 1975, được thả đâu chừng từ năm 1978 và 1981 rồi đến năm 1984 bị bắt lại với nhiều nhà báo khác.” Trang web cũng ghi ông mất ngày 21 tháng 1 năm 1988.



Ký giả Dương Hùng Cường được khắc tên trên bia đá tại Đài Tưởng Niệm Phóng Viên (Mémorial des Reporters) nơi vùng Normandie của Pháp. (Ảnh: HDT)

Lối vào khu tưởng niệm có một tấm bia khắc lời của nhà văn Pháp Simone de Beauvoir bằng hai ngôn ngữ Pháp và Anh, nghĩa: “Con người chỉ ném được tự do khi những người quanh ta được tự do.” Đằng sau tấm bia đá có dựng một tác phẩm nghệ thuật bằng sắt đục rỗng một hình người xuyên suốt, bên cạnh có tấm bia sắt ghi tiếng Pháp và Anh, “Đề tưởng nhớ những phóng viên đã mất tích.”

Các nghĩa trang quân đội ở Normandie đều là nơi chôn cất chung những người lính khác quốc tịch, có khi từng là kẻ thù. Như nghĩa trang quân đội Anh bên cạnh vườn tưởng niệm nhà báo,

tuy có tên là British War Cemetery, nhưng bên cạnh gần năm ngàn bia mộ người lính Anh, còn có gần năm trăm bia mộ người lính Đức. Đài Tưởng niệm Phóng Viên cũng khắc tên các phóng viên chiến trường của cả hai miền nam-bắc Việt Nam trong chiến tranh Việt Nam.

Hôm nay, toàn vùng bờ biển Normandie bừng bừng kỷ niệm 75 năm ngày đổ bộ giải phóng Châu Âu. Suốt chiều dài hơn 60 cây số bờ biển và trong đất liền, những đoàn xe quân sự nối nhau, những thanh niên và trung niên mặc quân phục (thật và giả) tụ tập đây đó, những khu vực cắm trại được tổ chức tại các điểm người lính dù 75 năm trước nhảy xuống, kể cả St-Mère-Eglise nơi người lính dù trong phim The Longest Day bị vướng dù trên nóc nhà thờ, hàng lớp lớp người trẻ đóng vai lính, người già đóng vai tướng, bước vào các khu cắm trại trang bị như một doanh trại quân đội thời thế chiến, lều lính và quân xa lẫn thiết giáp của Mỹ và đồng minh được trưng bày, những toán học sinh từ Anh và Mỹ qua tham dự. Cờ Anh, Pháp, Mỹ và đồng minh treo chung với cờ Đức. Bia mộ của tướng bộ binh Lesley Nair kề bên bia trung sĩ sư đoàn 8 bộ binh John Harman. Những nấm mồ không phân biệt. Ba thước đất. Nơi vùng đất máu lửa này, bao nhiêu người chết, bao nhiêu người mất tích, có phương danh phóng viên Dương Hùng Cường miền nam, cùng phương danh của các phóng viên miền bắc. Các đài tưởng niệm đồng một kích cỡ, đồng một màu vàng nhạt thanh thần. Người chết, ở cả hai miền trong cuộc chiến, nay chỉ yên bình trên vùng đất xa xôi không phải quê mình.

Normandie
6.6.2019